

# NAM PHONG

VĂN - HỌC KHOA - HỌC TẠP - CHÍ

## KÍNH - CÁO CÁC BẠN BỌC BÁO

Báo Nam-Phong xuôi-bản đến nay đã được hơn năm năm, trong bấy lâu các bạn đọc báo vẫn một lòng quang-cố, không những số người mua không giảm đi bao giờ, mà lại mỗi ngày một tăng thêm lên, thật là đủ khiêm cho đồng-nhân trong báo-quán chúng tôi vui lòng mà hởi dạ.

Vui lòng là vui rằng việc mình làm không phải là việc vô-lich, quốc-dân cũng đã biết công cho; lai hởi dạ mà muốn làm cho mỗi ngày một hay một lốt hơn lén, để thật xứng-đáng với cái lòng tin-dụng của quốc-dân.

Phàm công việc ở đời không việc gì là được hoàn-toàn hết cả; báo Nam-Phong này chắc cũng còn khuyết-diểm nhiều, chúng tôi vẫn tự biết như thế. Nhưng trong năm năm trời chúng tôi đã ra công gồng sức giữ-gìn cho trước sau không sai mục-đich, ngày nay ngoảnh lại trông thấy thâm-thoát đã được 64 quyền báo, xếp lên cũng thành một chồng khá cao, đóng lại cũng được mươi bộ còn thừa, và tinh ra cũng được ngót vạn trang giấy, dẫu trong đó vàng thau lẫn-lộn, song cũng không phải là đáng bỏ đi cả, và tưởng xét kỹ ra cũng tìm được giảm ba câu một vài đoạn còn lai-láng cái tâm-huyết của anh em chúng tôi.

Song việc gì cũng vậy, khởi lên có phần dễ, mà giữ được mới thật khó. Nhưng giữ được cũng chưa đủ, lại còn phải mở-mang thêm ra nữa. Tuy xét lại bước đường đã qua, thấy trước sau đưọc thanh-thản cả, cũng có ý lấy làm mừng thật, nhưng trông xem cái tiền-trình trước mắt, thấy còn xa-xôi man-

~~nh~~ic lầm, mà chưa dám cầu-thả tự-an.

Mà bởi thế nên tập báo Nam-Phong này, tuy ngày nay co-sở đã vắng-vắng, quốc-vô-công có bụng hoan-nghênh, mà chúng tôi chưa dám lấy thế làm túc-nguyên, ~~đ~~òi nghĩ cách mở-mang chỉnh-dốn thêm lên.

Ch<sup>u</sup> như tinh-thế sự học ở nước ta, một tập báo muốn cho phò-cập được knap xác hạng người trong nước, thời phải biên-tập bằng ba thứ chữ: một thứ chữ chính là Quốc-văn, hai thứ chữ phụ là Hán-văn và Pháp-văn, đều cần để bồi-dưỡng cho quốc-văn còn non-nớt.

Tập Nam-Phong này từ đầu đến nay vẫn đã có hai phần Quốc-văn và Hán-văn. Chúng tôi có ý đặt thêm một phần Pháp-văn đã lâu, nhưng vì nhiều cớ chưa thể thi hành được. Bắt đầu từ ba số nay mới thử đăng mấy bài bằng Pháp-văn thời thấy các bạn tây-học cũng có ý hoan-nghênh lắm.

Vậy kè từ số này, đặt riêng hẳn ra một phần Pháp-văn để là « Phụ-trương bằng chữ Pháp » ở dưới phần Quốc-văn, để trước là đối-phó với các bạn tây-học ưa đọc Pháp-văn; sau là giới-thiệu những sự học-hành, tư-tưởng, du-luận, hành-vi của người mình cho người Tây biết; sau nữa là lâm-thời có thể đạt được ý-kien quốc-dân tới Chính-phủ Bảo-hộ mau hơn và tiện hơn là bằng Quốc-văn.

Thế là từ nay Báo Nam-Phong kiêm đủ cả ba thứ chữ cũ dùng cho sự học trong nước bây giờ.

Chúng tôi định mở-mang ra như thế, biết rằng cũng quá cagy ở sức minh thật, nhưng mong ở các bạn tây-học giúp thêm vào cho phần Pháp-văn này thật có giá-trị.

NAM-PHONG kinh-khai

## THUẬT CHUYỆN DU-LỊCH Ở PARIS (1)

Thưa các Ngài,

Ngạn-ngữ tây có câu : « Đi xa về, tha-hồ nói khoác. » Tôi bùa nay diễn-thuyết ở đây để thuật lại các ngài nghe những sự kiến-văn cảm-tưởng của tôi trong mấy tháng du-lịch bên nước Pháp, mới bắt đầu nói, sực nhớ đến câu ngạn-ngữ đó, mà phân-vân nghĩ-nợ, muốn lấy câu đó để làm răn.

Bởi cớ sao mà có câu ngạn-ngữ như thế ? Có lẽ bởi người ta bay có tinh hiếu - thẳng, nhất - thiết mọi sự muốn có một cái gì đặc-biệt hơn kẻ khác, để lấy dấy mà tự-cao. Phương xa cõi lạ, là những nơi ít người nồng-tới, mà một mình được qua, đó là một sự đặc-biệt hơn người. Muốn cho rõ-rệt sự đặc-biệt ấy ra, khi trở về thuật lại những chuyện mình đã kinh-

lịch, không khỏi có ý thêm-thắt khoa-trương, cho nó tốt đẹp hơn lên, khiến cho người nghe phải nức-nởm khen-lao mà tự minh có thể tăng thêm giá-trị, biết rằng dẫu nói thế nào người ta cũng sẵn lòng tin mà không ai có thể từ-thời kiềm-dièm được.

Tôi tưởng đó là cái ý-nghĩa sâu của câu ngạn-ngữ, mà tức cũng là cái tâm-lý chung của khách du-lịch cõi-lại vậy.

Đã là cái tâm-lý chung, thời ít ai có thể tránh khỏi. Tôi đây cũng không dám chắc rằng có tránh khỏi được cái thế - thương - thường-tinh đó khé. Song cũng xin hết sức thành-thự mong rằng không đến nỗi như ar trong chuyện ngũ-ngôn nọ nói kh rằng đã trông thấy cái bắp-cải to bắp cái nhà !.....

phố

(1) Bài này là bài diễn-thuyết của Bản-chí chủ-bút ở nhà Nhạc-hội Tây Hà-nội, ngày chủ-nhật 15 Octobre tức 25 tháng tám ta). Cuộc diễn-thuyết do hội Khai-tri tiến-đức chủ-trương, buổi diễn-thuyết có tới ngàn rưỡi người đến nghe ông PHẠM QUÝNH nói trong ngót hai giờ đồng-hồ, vừa hội-viên Hội Khai-tri, vừa thân-sĩ trong thành phố và học-sinh ở các trường.

Tôi ở bên Pháp trước sau có bốn tháng, vừa đi vừa về, cả thảy là sáu. Tuy công-nhiên là « đi Đầu-xảo », song chủ-ý là muốn thừa-dịp để quan-sát nước Pháp, vì các ngài cũng hiểu cho rằng một kẻ thư-sinh như tôi, có ngôivị gì, có tư-cách gì mà dù « đầu-xảo » với người ta. Việc đó đã có những bậc cao-sang hơn.

Trong mấy tháng tôi ở bên qui-quốc, những sự mắt thấy tai nghe, bụng suy tri nghĩ cũng nhiều, nay thuật lại các ngài nghe, trong một khoảng thời-gian ngắn-ngủi, không biết nói chuyện chi, bỏ chuyện chi, vì không thể sao nói hết cả được. Và cũng không biết bắt đầu nói chuyện gì trước.

Khi tôi khởi-sự đi Pháp, trong bụng có rắp một điều : là người mình bấy lâu nay sinh-trưởng dưới quyền bảo-hộ của Đại-Pháp, vẫn một lòng cành-ngưỡng cái văn-minh qui-quốc, nhưng khác nào như người đứng xá ngắm bức tranh đẹp, bức tranh ấy tuy có truyền ảnh sang bên này, nhưng mập-mờ phảng-phất, không hình được hết cái chân-tướng, nay được tham-hành du-lịch bên qui-quốc, nên ra sức dò xét xem cái chân-tướng ấy thế nào.

Bởi vậy, từ khi bước chân xuống đất Pháp vẫn chủ-ý khảo-sát, cho nên mỗi sự mắt thấy tai nghe thực là một bài học cho mình và có nhiều điều khiến cho tự mình suy-nghĩ vô-cùng.

Trong một nước lớn văn-minh như nước Pháp, những nơi danh-dò thắng-Märk có thiêng chi, muốn đi du-lâm vó-chép, phải đến mấy năm mới hết. dù ở thời-giờ hạn-súc, không thể đi mì-rông được, và mục-dịch cũng bằng phải là chỉ chủ di xem phong-triệp, cho nên khi mới đến và khi sắp về, ở Marseille trước sau chừng hơn một tháng, qua Lyon vài ba ngày, đi viếng các nơi chiến-trường mấy ngày, còn ngót ba tháng đều ở Paris luôn, vì

rằng Paris là nơi trung-tâm của nước Pháp và muôn khảo-sát văn-minh của qui-quốc không đâu bằng ở Paris.

Nhà văn-sĩ nước Đức HENRI HEINE đã có câu nói rằng : « Nước Pháp là một cái vườn hoa lớn trống dù các thứ danh-hoa dị-thảo dề kết thành một bó hoa tuyệt-phẩm : bó hoa ấy tức là thành Paris vậy. »

Trong ba tháng trời tôi đã được thường-agoạn cái bó hoa qui-báu ấy, hương thừa vẫn còn phảng-phất bên mình.

Sách có thuật chuyện ông Giáo-hoàng nọ mỗi khi tiếp bậc khách sang ngoại-quốc vào bệ-kiến ngài dề từ-giã về nước, ngài thường hỏi : « Ông ở La-mã (Rome) được bao lâu ? » Nếu khách nói : « Ở được vài ba tuần », thời ngài bar một tiếng : Adieu ! nghĩa là « xin vĩnh-biệt. » Nếu khách nói : « Ở được giăm ba tháng một năm », thời ngài ban một câu : Au revoir !, nghĩa là « sẽ trùng-lai. »

Khách du-lịch ở thành Paris cũng vậy, nếu chỉ ở qua-loa một vài tuần thời chưa đủ cảm được cái thú thâm-trầm, có lẽ khi đi không nghĩ có ngày sẽ trở lại; nhưng nếu đã ở đến giăm ba tháng một năm thời tất nhiên được cái phong-vị tuyệt-trần mà khi đi không nỡ dứt đi, tự-nguyện sẽ có ngày trùng-lai nói thoả-chí.

Bởi sao mà thành Paris có cái phong-thú lạ nhường như thế, phong-thú ấy tự cõi-lai đã cảm-nhiêm người ta biết bao nhiêu ?

Một nhà đại-văn-hào, đại-lư-tưởng về thế-kỷ trước, ông GÖETHE, đã cự-tán thành Paris như thế này :

« Muốn biết Paris là gì, phải tưởng-tượng ra một cái đô-thành kia, bao nhiêu những kẻ giỏi người tài trong một nước lớn họp tập cả đấy, hằng ngày giao-tiếp với nhau, đua tranh với nhau

mà càng ngày lại thêm thêm giỏi hơn lên; bao nhiêu những của báu vật lạ của Tạo-hóa, những kỳ-công kiệt-tác của mĩ-thuật, sưu-la thu-thập ở khắp các xứ trên mặt đất, đều tụ-hop cả dãy đê làm tư-liệu cho nhà khảo-cứu; mỗi một bước đường, mỗi một nhịp cầu là có ký-niệm một việc to về đời trước; mỗi một tòa nhà, mỗi một góc phố là có di-lịch một đoạn lịch-sử đã xẩy qua; lại tưởng-tượng ở đây, trong một khoảng trăm năm xuất-hiện những người như bọn ông MOLIÈRE, ông VOLTAIRE, ông DIDEROT, v.v., mỗi người một tay phát-hành ra biết bao nhiêu là những tư-tưởng lạ, lý-thuyết mới, suối hoàn-cầu không có đâu gồm được đủ như thế... Ấy Paris là thế đó. »

Bởi thế nên Paris xưa nay vẫn có tiếng gọi là « cái óc của thế-giới văn-minh. »

Muốn biết cái óc ấy tác-dụng thế nào, không thể xem một cái cảnh-tượng sán-lạn bè ngoài mà hiểu được, phải xét cái cơ-quan tinh-tế ở trong, phải cảm cái khí-vị của đất nước, phải hiểu cái tâm-lý của người dân; nói tóm lại là muốn biết Paris cho chau-dáo, tức là muốn hiểu cái văn-minh của Đại-Pháp cho đến nơi, thời phải cảm-giác được cái « hồn » của Paris mới được, hồn ấy hoạt-bát, kinh-khiêu, thông-minh, dĩnh-ngộ, có cái sức cảm-hoa người ta vô-cùng.

Song Paris không phải là một đô-thị, Paris chính là một thế-giới. Vua FRANÇOIS thứ I viết thơ cho vua CHARLES QUINT đã nói rằng: « Ce n'est pas une ville, mais un monde. » Trong ấy không thiếu một vè gì, mà vè gì cũng « mười phao vẹn mười », nghĩa là đến cực-diểm cả: cái xấu có, cái tốt có, cái hay có, cái dở có, cái thanh có, cái thô có: nếu chỉ biết một phần vật-chất mà không xét đến phần tinh-thần, thời

phán-doán tất sai-lầm và không gọi là biết Paris được.

Thường những khách ngoại-quốc đến du-lịch ở Paris, nhiều người chỉ ham những cách ăn-chơi của Paris, cách ăn-chơi ấy thời thật là phong-lưu phỏng-tung; nhưng Paris không phải chỉ là chốn ăn-chơi mà thôi; cái vinh-dự, cái giá-trị, cái đặc-sắc, cái phong-thú của Paris, không phải là ở những nơi trú-diểm, ca-lâu, vũ-trường, kinh-quán; những nơi ấy chẳng qua là chỗ bán vui cho khách hiếu-kỳ thế-giới mà thôi, chính người ở Paris nhiều khi không đi tới bao giờ. Nếu lấy một dãy mà xét cả Paris, thời xét sai là phải lầm.

Cái đặc-sắc thứ nhât của thành Paris là có cái vẻ vừa tối-tân mà lại vừa tối-cồ, hai cái không phản-trái nhau mà lại dung-hòa với nhau, làm cho Paris có một cái thần-khi riêng, tưởng-khắp thế-giới không có nơi thành-thị nào có. Khách du-lịch nhiều khi đương di ở một cái đường-phố lớn, xe hơi chạy như nước chảy, hàng-quán hai bên la-liệt, không thấy đưa chân vào một cái ngõ hẹp nhỏ, nhà cửa cũ-kỹ, như một cái xóm đời xưa. Nếu đi xa vào trong nữa, tất có cái cồ-tich gì, hoặc miảnh tường cũ, hoặc tảng đá xưa, hoặc một tòa nhà thờ về đời Trung-cồ, hoặc một pho tượng đá về đời Phục-hưng. Người minh vẫn tự-xưng là có tính hiếu-cồ, tôi-tưởng lòng hiếu-cồ của mình không bằng người nước Pháp vì có hiếu-cồ mà không biết tö. Ngay như chốn Thăng-long-cồ-đé, không nói về đời tiền-cồ, nói một đại cản-cồ, đến nay còn được di-gi? Nào đâu là cung chùa Trịnh, đâu là điện vua Lê? Tim lấy ~~ngòi~~ chỉ, dễ thường cũng không biết o vào chốn nào. Chớ như ở Paris kia, không những các lâu-dài cung-diện đời xưa đời đời bảo-tồn, thời nay vẫn y-nhiê,

như cũ; đến những chỗ tầm-thường mà đã có xảy ra một việc gì hơi có quan-hệ đến quốc-sử, cũng đều giữ gìn chân-trọng để lưu lấy dấu-tích về sau; như ngày nay người ta còn chỉ được đích chỗ nào là chỗ vua HENRI thứ 4 bị ám-sát, chỗ nào là chỗ vua NAPOLEON hồi còn nhỏ mới đến Paris lần thứ nhất dỗ xe ở đây để sửa-soạn đi vào học trường võ-bị; cái sân nào là sân ông MOLIÈRE thường đi qua để ra rạp hát, cái bao-lon nào là chỗ ông VOLTAIRE thường đứng tựa, v.v.

Ta thường nghe câu tục-ngữ tây nói rằng: « Thành Paris không phải một ngày làm nên được. » Thật thế: Paris sở-dĩ là Paris và đặc-biệt hẳn với các nơi đô-thành khác trong thế-giới, chính là bởi có cái khí-vị cõi đó. Những thành-thị lớn ở nước Mĩ, như New-York, như San Francisco, có lẽ có nhiều đường phố rộng, nhà lầu cao hơn ở Paris, nhưng kém Paris có cái vẻ thanh-tao lịch-sự, vì là những nơi ấy mới thành-lập trong một khoảng mấy chục năm mà thôi và trước sau chưa có lịch-sử gì.

Thành Paris có sông Seine chảy suốt từ Đông chí Tây, chia thành-phố ra làm hai phần, tinh-cách khác nhau. Bên hữu-ngạn sông là chỗ phồn-hoa náo-nhiệt nhất, bao nhiêu những đường phố lớn, cung-diện to, nhà lầu cao, hàng quán đẹp, đều tụ họp cả ở đây; bên tả-ngạn và hai cái cù-lao ở giữa sông (*La Cité* và *Île Saint-Louis*) là phần cõi nhất Paris, hồi nờ Phap còn là đất *Gaule*, tên Paris còn là xóm *Lutèce*, nơi Mạc-lich chính là ở hai cái cù-lao này; vò-có-thự của Nhà-nước, các toà sứ du-ở các nước, các biệt-nghịệp của khang nhà thương-lưu qui-tộc, cùng trường học lớn nhỏ gồm lại gọi là « xóm la-tinh » (*le quartier latin*), đều ở về bên tả-ngạn này.

Tôi đến Paris liền tìm trọ ở « Xóm a-tinh », có ý muốn khảo-sát cái tinh-cách cùng phong-thói của dân học-sinh ở đó. Số học-sinh đây thời biết nghìn

vạn nào mà kể, không những người Pháp, người các nước cũng nhiều, nhất là người những nước ở Cận-Đông và Viễn-Đông, như Roumains, Serbes, Polonais, Tchèques, Án-dô, Nhật, Tàu, đến đây để thu-hấp lấy cái văn-minh tinh-túy của Thái-Tây. Nghe đâu số học-sinh Trung-hoa tới hơn nghìn người, theo học các trường Trung-học Đại-học. Trong một đám đông những trang thanh-niên của các nước tụ-hop lại như thế, chắc người bay có, người dở cũng có, và những hạng phú-gia-tử-dé, công-tử-vương-tôn, muộn tiếng du-học để đem tiền cha mẹ lăng-phi ở một nơi phồn-hoa-dệ-nhất trong thế-giới cũng không phải là không; nhưng xét ra phần nhiều là những người có chi cả, nhất là những người thuộc về các dân-tộc nhô-yếu xưa nay, môt tiếng nước Phap là một nước tự-do, bình-đẳng, nghĩa-hiệp, công-bằng, muốn sang tận nơi học lấy cái thuật làm dân làm nước đời nay để đem về nhà mà chấn-hưng khai-hóa cho nước cho dân mình. Nhiều người thật là những tay chi-sĩ, có cái lòng hoài-bão to-tát, đi du-học là chỉ cốt học lấy những phương-pháp để phù nước giúp đời vậy.

Nỗi đến đây, chắc các ngài muốn hỏi: « Vậy chờ những học-sinh Nam-Việt ta, những bậc thanh-niên tuấn-tú của nòi giỗng Lạc-Hồng ta sang học bên Phap thế nào? » Số học-sinh An-nam ta ở Paris, vờ-vết cả họa may được vài ba chục người, và tựu-trung có nhiều ông năm trước sang lồng-chinh ở đây, nay kiểm việc làm ở lại đi học thêm để thi lấy cái bằng kia bằng nọ. Tôi không dám khái-luận, vì không được rõ cái sở-chi sở-hành của các ông nhtr thế nào. Nhưng tôi có một người bạn Nam-kỳ đến thăm một người bà-con mới thi đậu tốt-nghiệp ở một trường lớn nọ. Người bạn tôi hỏi ông tốt-nghiệp-học-sinh đó rằng: « Nay tiên-sinh học đã thành-tài sấp trở về,

nước, dám hỏi cho biết tiên-sinh sở-chi sở-vọng thế nào? » Ông đáp rằng: « Tôi mấy năm nay học cực khổ lắm, nay đã thi đậu rồi, muốn nghỉ chơi một đợt cho khoái. Tôi định kết-hôn với một người « dàm », bây giờ tôi muốn học các lối « nhảy dàm » bên này, những kiều lối-lân lối-kỳ, như *shimmy, tango, fox-trot*, để khi về nước, mình là người có chức-phận, gặp khi quan trên mời dự tiệc ở dinh Phô-soái hay Chánh-soái, mình biết « nhảy » cho đúng cách, cho Tây bên ấy họ biết rằng mình đã thạo những cách lịch - sự ở Paris. » Người bạn tôi thuật cho tôi nghe câu chuyện đó, ngừng một lúc rồi nói rằng: « Như thế thì cũng đáng tiếc thay! » Tôi cũng nói lời mà rằng: « Đáng tiếc thay! », nhưng trong bụng nghĩ rằng không dám tiếc cho ông, vì như ông thế đã là quá mẫn - nguyên rồi, song tiếc cho nước nhà đã quá kỳ - vong ở các ông.

Ở « xóm La-tinh » có một đường phố vui-vẻ nhất, gọi là *Boulevard Saint-Michel*, bọn học-sinh gọi tắt là « *Boul Mich* ». Ở đây cứ chiều tối cho đến quá nửa đêm các nhà cà-phê, các hàng bán rượu hai bên hè chật nich những người ngồi, phần nhiều là các thày học-sinh ra tiêu-khiền, hút điếu thuốc, uống cốc nước, cũng có khi tinh-cờ gặp bạn tri-kỷ, đổi - diện dàm-tâm, nồng-nàn dan-diu, thật là lắm cái cảnh « trai anh-hùng, gái thuyền-quyên ». Nhưng các tay anh - hùng ở đây toàn là những anh-hùng còn đợi thời cả, và phần nhiều cũng nhẹ túi, cho nên tuy dan-diu tình-duyên cho tiêu-sầu giải-muộn mà chưa dám miệt - mãi trong cuộc truy-hoan như những khách ăn chơi khác. Còn các bậc thuyền-quyên thời đã ham cái phong-vị « anh dỗ », cam làm bạn với học-trò, cũng không có thói yêu-sách quá như những bậc thượng-lưu-kỹ-nữ khác. Cho nên xóm *Saint-Michel* này tuy cũng là chốn ăn

chơi, nhưng là chỗ ăn chơi của bọn học-trò, biệt có cái phong - vị khác những chốn ăn chơi khác. Người ta nói trước khi chiến - tranh ở đây còn vui-vẻ hơn bây giờ nhiều. Gặp ngày hội-hè, các thày học-sinh đội mũ lênh, giang tay nhau ngừa-nghiêng trên đường phố mà hô-hát ồn-ao : thật là nhất quỉ nhì ma . . . , nước nào cũng vậy.

Trong khi tôi ở Paris, thường ăn cơm tại đường *Saint-Michel* đó, ở hàng gọi là *Bouillon Duval*. Các hàng *Duval* này ở Paris có tiếng lắm. Nguyên có một người tên là *Duval* năm xưa nghĩ chế ra một thứ nước cháo vừa thanh mà vừa bồ, mở cửa hàng để bán như các hàng bán cháo bên ta. Bán thấy càng ngày càng đắt, bèn nghĩ mở ra hàng cơm. Mở hàng cơm cũng thấy chạy, bấy giờ mới gọi *cô-phun* lập thành công-ti, đặt khắp trong thành Paris chỗ nào cũng có hàng cơm *Duval* cả, hiện nay có tới ba bốn mươi nhà, khách ngoại-quốc đến ăn đông lắm, vì đồ ăn-uống ngon-lành, cách dọn-dẹp sạch-sẽ, kè hẫu-liếp nhã-nhận, mà giá ăn lại trung-bình phải chăng, không rẻ không đắt. Tôi ăn cơm kè cũng đã đủ các hạng, có bữa ăn bốn năm mươi quan, có bữa ăn hai ba quan, lại có khi buổi chiều ngồi ăn cùng với bọn hẫu-sáng đã hẫu minh buổi sớm, họ trông thấy cũng buồn cười, cho là thẳng hiếu-kỳ. Tôi tưởng di du-lịch phải thế mới rộng đường quan - s. Vậy mà trừ những hàng cao-lau thư-hạng, giá đắt quá không kè, có trung-bình, không thấy đâu được hàng *Duval* đó ; có nhiều chỗ lịch-hơn mà cách tiếp-dãi không được nêng, dù biết hàng này có một cái thể-thức riêng đủ làm cho vira lòng khách. Xét một việc nhỏ đó thời hiều được cái thuật doanh-nghiệp của người Tây thế nào : bắt-cứ nghề gì, không phân sang-tiên, muốn làm cho nồi đặc-sắc, phải

tìm lối một cái thề-thức riêng (như tiếng tây gọi là một cái *formule*), rồi đem ra ứng-dụng thế nào cho thích-hợp với cái tâm-lý, cái thị - dục của phần nhiều người, thế là một cách dễ cho thiên-hạ hoan-nghênh lắm.

Tôi ở đường Berthollet, mỗi ngày it ra cũng phải đi về đường Saint-Michel đến bốn lượt, cả mấy con đường đó đã thuộc làm lòng, bây giờ nói đến còn tưởng nhớ. Ở đường Berthollet đi lên, phải qua đường Claude Bernard, đường Gay-Lussae, rồi mới ra Saint-Michel, tự nhà trợ đến hàng cơm, cũng ước tới hai ngàn thước, thành ra mỗi một ngày, dẫu không đi chơi đâu, cũng phải đi bộ đến tầm cây-lô-mét. Nhưng có ngày nào không đi chơi đâu bao giờ: ở Paris biết bao nhiêu là thứ đáng xem; trong ngót ba tháng trời tôi đi xem cũng đã lắm, mà nay còn nhiều chỗ vẫn chưa biết; coi đó thời đủ biết Paris to lớn là đường nào. Đi nhiều đến nỗi bàn chân to cỡ ra, mấy đôi giày đóng ở nhà sang bên ấy hẹp quá không đi được. Sau ông NGUYỄN VĂN-VĨNH mua được cái xe ô-tô, tự ông cầm máy láy, thật là giỏi quá, — vì cầm máy ô-tô ở Paris không phải dễ, có nơi đường-phố lớn xe chạy tới trăm nghìn cái một lúc, phải vững tay vững trí lắm mới tránh được sự nguy-hiem, — nhờ có ô-tô bấy giờ mới đi chơi rộng ra khắp cả các vùng chung-quanh thành Paris, thật là giang-sơn cầm-tú, không bút nào tả cho hết được. Mấy tuần phiếm-du đó, thật là thú-vi vô-cùng, vì di chơi mà không biết đường đi, không có mục-dịch, cứ phóng máy chạy hoài, đến đâu bay đó, gặp hàng thời ăn, gặp quán thời nghỉ, tối ngày lại về, mà về thường lạc đường, đi quanh đi co, đi đến đâm vào ngõ hẻm, đi đến hết cả dầu « sảng », có khi đến nửa đêm, hai ba giờ sáng mới về. Đi phiếm đến nỗi sở Cảnh-sát phải chú ý. Nguyên cái xe của ông VĨNH son

sắc vàng, bữa ông mới mua xe về, thời lại chính là bữa Hoàng-thượng mới đến Paris. Lệ thường bao giờ có các vua chúa đến chơi, sở Cảnh-sát Paris cũng phải đặt phương-pháp đề hộ-vệ, phòng sự bất-kỳ. Cảnh-sát lấy làm lạ thấy từ bữa vua An-nam đến có cái xe ô-tô vàng mấy người An-nam ngồi, chạy cùng khắp trong thành-phố, mà mấy người này không phải là thuộc vào bọn tùy-hành của vua, lại không thường đi lại với bọn kia bao giờ, không hiểu vì có gì. Nhân mấy hôm trước ở Berlin mới xảy ra cái án ám-sát ông quốc-vụ-trưởng nước Đức RATHENAU, lại ở Londres xảy ra cái án ám-sát ông nguyên-soái WILSON, sở Cảnh-sát lại càng thêm ngờ lầm, cho bọn này là bọn cách-mệnh muốn mưu việc gì. Từ đấy mỗi lần chúng tôi lên xe là có cái xe mật-thám chạy theo sau, nhưng chúng tôi đã biết ý, bấy giờ lại càng phóng xe chạy hoài, không có mục-dịch gì nữa, cho bọn kia theo cho nhọc. Sau mấy hôm họ cũng chán, biết rằng bọn mình là bọn di chơi phiếm mà thôi. Đó cũng là một chuyện buồn cười.

Xe ô-tô ở Paris thật không biết cơ man nào mà kè, cứ dừng trên bờ hè mà trong xe chạy ngoài đường, thật không dứt mắt một giây phút nào. Cho nên khách bộ-hành muốn qua ngang đường, phải dừng trên bờ đường đợi cho đông người thành bọn, bấy giờ lính cảnh-sát mới làm hiệu cho xe ô-tô phải dừng lại cả một lượt để người đi. Cái kỷ-luat ngoài đường phố thật là nghiêm làm, và cái chức-trách của lính cảnh-sát cũng thật trọng. Nhưng lính cảnh-sát ở Paris có quyền mà lại có phép, đối với người đi đường bao giờ cũng lể phép và ai hỏi-han điều gì sẵn lòng chỉ bảo đến nơi đến chốn, không có như nhiều các bác phú-lit tây ở bên ta coi người đi đường như cỏ-rác cả.

Cứ xem hai việc như sau này thi biết người cảnh-binhh ở Paris có quyền và có phép là đường cao. Một hôm quan Thượng-thư SARRAUT đưa bọn phái-viên An-nam đến xem Nghĩa-sĩ-tù ở Nogent-sur-Marne. Ngài ngồi cái xe ô-tô của bộ Thuộc-dịa cùng với ông nghị-viên Nam-kỳ OUTREY, xe ngài đi trước, xe các phái-viên đi sau. Đến một đầu phố nọ, người lính cảnh-sát làm hiệu bắt xe dừng lại, vì nghe đâu đường-phố này hẹp, theo luật-lệ thành-phố các xe-cộ chỉ được di một bờ trở lại mà thôi. Quan SARRAUT phải mở cửa xe ra, nói với người cảnh-sát, tự xưng : « Tôi là quan Thượng-thư Thuộc-dịa đây », thày ta cũng nhất-định không cho di, nói rằng thành-phố đã có luật-lệ, để trái luật thi thày có cữu. Song xe đã chạy vào quá rồi, nếu quay ra cũng khó lâm, quan Thượng-thư phải cả quyết nói rằng : « Thày cứ đê cho xe di, có xây sự gì tôi sẽ chịu trách-nhiệm », bấy giờ thày cảnh-sát mới chịu cho di. — Lại một việc như sau này. Ở Paris có những đường thông-cù lớn, hai bên có lối di, cây cao bóng mát, lại thường có đặt sẵn những ghế-sắt cho khách di chơi thuê mà ngồi nghỉ mát, giá thuê mỗi chiếc là năm su bay một hào, mua một cái vé, dùng được cả ngày. Đường Avenue des Champs Elysées là một đường thông-cù đẹp nhất ở Paris, một đầu là nơi công-trường Concorde, một đầu là cửa khải-hoàn Etoile, giữa một con đường cái rộng thẳng-băng dài tới mấy ngàn thước, lát bằng gỗ, sơn bắc in, tối đèn đèn thấp hai bên bóng nhoáng như cái mặt gương, xe di trên êm như du, không khác gì hòn lăn chạy trên bàn « billard » vậy. Hai bên đường có hai lối trồng cây ủm-lum như cái rừng, cho khách bộ-hành di chơi ; từ bốn giờ chiều trở di, những trai thanh gái lịch cùng khách du-lịch từ-phương đến dạo chơi ở đấy đông lâm. Tôi thấy có một người ra dáng như người nước Anh hay nước Mĩ, đến xách cái ghế ra ngồi

dưới gốc cây dọc nhặt-báo. Được một lát, người dân bà phát vé đến chia vé ra lấy tiền. Người ngoại-quốc kia cứ lắc đầu, không nói không rắng, hoặc là ương-ngạnh, hoặc là không hiểu. Mụ phát vé phải ra gọi người lính cảnh-sát đứng gần đấy. Người cảnh-sát đến, giơ tay lên mũ chào, cố cất nghĩa cho người ngoại-quốc kia hiểu, người kia cứ lắc đầu, như không dè tri nghe, sau gặp tờ báo bỏ túi, đứng lên ngึêm-nhiên di. — Mụ phát vé muôn chạy theo dõi tiền. Thày cảnh-sát cười mà bảo mụ rằng : « *Laissez-le partir, Madame, pour le bon renom de la France* » (Thôi, bà dè cho người ta di, bà, dè giữ tiếng tốt cho nước Pháp.) Tôi cho câu nói đó là có ý-vị vô-cùng và đủ tỏ ra cái tư-cách tốt của người cảnh-binhh bên nước Pháp, khác hẳn với những cách vũ-phu của nhiều thày dôi-xếp bên nay.

Cách vận-tống ở Paris phần hàn bằng xe ô-tô gọi là *taxi*, có cái đồng-hồ tính tiền, cứ di được mấy trăm thước lại tự-nhiên dịch di một số, đến nơi chiếu số mà trả tiền. Còn có xe ngựa nữa, nhưng ít người dùng. Thịn-hành nhất là thày *autobus*, là những xe ô-tô lớn, chờ được đông người, trong có chỗ ngồi như xe điện và có đặt từng đường chạy nhất-định; lại có xe điện chạy trên đường phố và xe điện chạy ngầm dưới đất. Ở Paris có thày xe điện ngầm đó là la nhất; trên đường đi lại chật quá phải đào hầm dưới đất cho xe chạy, thành ra dưới thành Paris lại có một thành-phố ngầm nữa, cách sắp-dặt và xây-dựng thật là tài khéo vô-cùng. Hiện có hai công-li xe điện ngầm : một công-li *Métro* và một công-li *Nord-Sud*, công-li *Métro* lớn hơn nhiều, cho nên thông-tục gọi thày xe ngầm ấy là xe *Métro*. Đường *Métro* đào ngầm dưới thành Paris như mạng-nhen, đường thi chạy dọc, đường thi chạy ngang, đường thi chạy lên, đường thi chạy xuống, đường thi chạy vòng xung quanh, có

khúc chạy ngầm qua sông, có khúc chạy lung chừng trời, tùy địa-thể chỗ cao chỗ thấp, bấy nhiêu đường cách giãm ba phố lại gặp nhau, chằng-chịt như mắc cùi, mỗi đầu phố có thang có cửa rộng-rãi khang-trang cho khách lên xuống; chỉ lấy một cái vé 30 centimes muốn đi cùng đường đất, đi đâu cũng được, miễn là không lên đến trên mặt đất thi thoái, nếu lên rồi mà trở xuống thì lại phải mua vé khác. Nhưng đi chơi mà chạy cùng dưới đất den như thế còn có thú gì: cho nên đi *Métro* thời phải thuộc địa-dồ Paris và phải thuộc các đường xe chạy, cùng những chỗ nào đường nào gặp đường nào đè đến nơi mà lên hay là chuyền sang đường khác. Bữa tôi mới đến Paris, bỗng không biết đâu vào đâu, như chim chích vào rừng, muốn đi thử *Métro* mà không thuộc đường, đứng luôn trong xe hơn một giờ đồng-hồ, sau thấy hành-khách đều lên hết cả, mình cũng theo lên, thời thấy chỗ ấy là chỗ cửa ô gần ra ngoài thành-phố, thành ra mình đã đi suốt cả thành Paris mà không trông thấy một tí gì. Cho nên đến Paris tất phải thuộc địa-dồ cho kỹ, đã thuộc rồi thời đi đâu cũng tiện lǎm, vì các đường xe có đối-chiểu nhau cả; định đi đâu, trước khi đi phải đem địa-dồ ra mà định cái hành-trình trước, nếu biết khéo châm-chước các đường thời đến đâu đúng như in, không sai một li. Nhưng mấy bữa đầu đem địa-dồ ra nghiên-cứu, thật là mê-li, dù làm cho rối tri, vì ở Paris số các đường phố có tới bốn ngàn hòn; xe điện ngầm, 10 đường, mỗi đường ít ra cũng đến mười chỗ đồ chính; *autobus*, 43 đường; xe điện đi trên phố, 124 đường; trong trên địa-dồ thật là rối mắt, không biết phân-biệt đường nào với đường nào. Nhưng nhận kỹ thời nó rạng dần ra, và không bao lâu tim được rõ các mành-mối. Song đi đâu bao giờ cũng phải có cái bản-dồ và quyền mục-lục trong túi.

Cách chỗ tôi ở một con đường phố nhỏ — gọi là *Rue d'Ulm*, đây có nhà trường Cao-dâng-Sư-pham có tiếng ở Paris, học-sinh thường gọi là « *la mai son d'Ulm* », — thời có nơi *Panthéon* là đền kỷ-niệm những danh-nhân nước Pháp từ xưa đến nay. Đền này hùng-tráng nguy-nga, xây toàn bằng đá, bit kin bốn bờ, như hình một cái mồ to lớn dì-ký, bề dài 110 thước, bề ngang 82 thước, trên có một cái tháp tròn cao 83 thước, đứng dãy khu-quát được cả hình-thể thành Paris. Cửa tiền có sáu cái cột đá lực-lưỡng, trên có một bức phà-phong chạm khắc các hình-tượng: thần Tò-quốc (*la Patrie*), đứng giữa hai thần Tự-do (*la Liberté*), và thần Lịch-sử (*l'Histoire*), đè ban thường cái vòng hoa danh-dự cho các người có công với nước; bên hữu là những người đã lập nên sự-nghiệp về đường văn-học, khoa-học, mĩ-thuật, như VOLTAIRE, ROUSSEAU, CUVIER, LAPLACE, LOUIS DAVID, v.v.; bên tả là các võ-tướng đã có công đánh dẹp từ đời trước, đứng đầu là vua Nã-phá-luân, hồi bấy giờ còn là đại-tướng BONAPARTE, vì bức chạm này khởi-công tự năm 1790, chạm khắc đã tinh-xảo mà ý-tử lại cao-thâm, đời sau cho là một nền tuyệt-tác trong nghề điêu-khắc của nước Pháp; dưới bức phà-phong vĩ-đại đó có một câu đề chữ vàng: « *Aux grands hommes la Patrie reconnaissante* » (Nhà-nước cảm ơn những kẻ danh-nhân). Tôi thường ngày ngày đi qua trước đền *Panthéon* này, trong lòng cảm-phục cái cách nước văn-minh thờ những bậc danh-nhân trong nước uy-nghiêm mà long-trọng như vậy. Bước chân vào trong đền, lòng cảm-phục lại thêm lòng tôn-kính, tôn-kính những bậc danh-nhân kia đã làm nên công-nghiệp vĩ-vang cho nòi giống, tò-diểm cho giang-sơn nước nhà. Trong đền rộng mênh-mang, chỉ có tranh với tượng, tranh vẽ vào tường đá diễn các tích vĩ-vang trong lịch-sử nước Pháp,

tượng hình các danh-nhân từ đời thương-cô. Ở nơi chính-diện có một tòa tượng nguy-nga hình cái công-nghiệp khai-sáng của các nhà Cách-mệnh nước Pháp về cuối thế-kỷ thứ 18, dưới có đề câu thê-nguyên của các nhà ấy rằng : « Vivre libre ou mourir » (Võ tự-do, bất ninh tử), sống không được tự-do, thà rằng chết còn hơn. Những bức bích-họa trong đền Panthéon này thời có tiếng nhất là mấy bức của ông danh-họa PUVIS DE CHAVANNES, tả về sự-tích bà thánh GENEVIÈVE, đã có công cứu cho thành Paris hồi giặc Hung-nô vào xâm-phạm về thế-kỷ thứ sáu. Nguyên đền Panthéon hồi xưa là nhà thờ riêng bà thánh GENEVIÈVE, sau mới mở rộng ra và đổi thành đền kỷ-niệm cả các danh-nhân trong nước. Bên cạnh đấy có nhà thờ Saint-Etienne du Mont, trong còn có mộ Bà Thánh, ngày nay những thiện-nam linh-nữ đến lễ-bái vẫn còn đông lắm. Dưới đền Panthéon có một lăng hầm nứa, ở đấy mới thật là chỗ chôn di-hài các danh-nhân. Những mộ to nhất là mộ ông ROUSSEAU, ông VOLTAIRE, ông VICTOR-HUGO, ông bà BERTHELOT. Bà BERTHELOT là người dân bà thứ nhất được chôn trong đền Panthéon. Ông là một nhà khoa-học triết-học trừ-danh về thế-kỷ mới rồi ; hai ông bà ăn ở với nhau một đời rất là hòa-thuận, gây dựng được mấy người con ai cũng làm nên sự-nghiệp có tiếng cù. Đến tuổi già, vẫn một lòng yêu-mến kính-trọng nhau như lúc thiếu-thời. Chợt bà mắc bệnh tật-thế. Ông thức nhắc trong nom hết sức không cứu được, gọi các con báo cho biết tin buồn và bảo rằng : « Mẹ con đã mất rồi, ta cũng thấy khó ở đây. » Rồi vào cái phòng bên cạnh, ngồi tựa vào ghế dài thiu-thiu ngủ. Lâu không thấy dậy, người nhà vào đánh thức, thi ra ông đã tắt nghỉ từ bao giờ. Thế là hai ông bà cùng mất một ngày, sống chết không rời nhau. Nhà-nước

định làm quốc-tàng cho ông và muốn cả bà cũng được dự phần danh-dự, để tỏ rằng Quốc-gia biết ơn những bậc danh-nhân đã có công với nước mà cũng biết trọng những người vợ hiền đã có công với gia-đình, hết lòng thờ chồng nuôi con được phái đạo. Bởi thế mà ngày nay hai ông bà được nằm trong đền kỷ-niệm, tiếng thơm lưu-truyền thiêng-cô.

Ngày 11 tháng 11 năm 1920, nhân làm lễ kỷ-niệm đinh-chiến lần thứ nhì, Chính-phủ Pháp có rước vào điện Panthéon cái quả tim của ông GAMBETTA là một nhà đại-chánh-trị đã có công dựng-lập ra Dân-quốc bây giờ. Nguyên hồi ông mất, ông có dối lại rằng xin để quả tim lại cho nước, là có ý nói rằng nhất-sinh đã tận-tụy về việc nước, đến chết cũng không còn tiếc gì, muốn gửi tâm-can cho nước. Các ban thân hàn giữ lấy quả tim đó, ngâm vào trong rượu, giữ-gìn trân-trọng cho đến ngày nay. — Lại vừa năm ngoái đây, Quan Giám-quốc cùng với cả các quan trong chính-phủ và ông nghị-trưởng hai viện, thán-hành đến đền Panthéon đóng cái biền kỷ-niệm võ-công của ông quan ba tàu bay GUYNEMER, để đợi sau này sẽ dựng tượng.

Ấy nước Pháp thờ những bậc danh-nhân một cách trang - nghiêm tôn-trọng như vậy ; chẳng bì với những lối dỗng bóng quàng xiên, vũ-lông qui-thần của người mình !

Ở Panthéon đi thẳng ra thời đến vườn Luxembourg trước mặt Thượng-nghi-viện. Vườn này rộng độ hai-mươi-lăm mẫu tây, có tiếng là nơi công-viên đẹp nhất ở thành Paris. Kiều vườn là kiều đời Phục-hưng (Renaissance) đồng-lời với cung Luxembourg, ngày nay làm nhà Thượng-nghi-viện. Trong vườn nào là tượng đá, nào là bè nước, nào là chiếu cỏ, nào là thảm hoa, quanh mảnh rất những hình-tượng đẹp, màu-sắc

tươi cả, thật như một bức gốm trâm hoa. Cây lớn thời toàn là những cò-thụ hai ba trăm năm, trồng thẳng bằng tảng đáy dài, dưới có lối đi cho khách bộ-du. Đẹp nhất là có một thứ dương-ngo-đồng (cây vông tây = *platanes*), lá xòe như cái tán. Đứng trước Thượng-nghị-viện mà trông thẳng ra, tưởng không cảnh gì đẹp bằng, cực-mục như một tấm gốm tấm lụa dài thẳng cho đến kỳ-cùng ở giữa hai rặng cây xanh rậm, vì mặt trước này vườn *Luxembourg* lại thông với vườn Thiên-văn-dài, nên coi nó lại càng man-máu nữa. Nghĩ ra qui-mô một nơi công-viên như thế này, thật cũng khéo quá: không khác gì như lấy những cỗ hoa cày-cối của Tạo-vật mà thêu trên mặt đất thành một bức gốm trâm hoa để cho khách ưu-du thưởng-ngoạn. Mà trong cuộc ưu-du ấy vẫn có ý kỷ-niệm, vì quanh minh không thiếu gì tượng các danh-nhân. Có nơi họp cả tượng các bà danh-phì liệt-nữ của nước Pháp từ đời xưa.

Nhưng trong vườn *Luxembourg* này có một chỗ thanh-thú nhất, là nơi gọi là bể *Médicis* (*Fontaine Médicis*), có cái bể bằng đá hình bồ-dục, bên trong có một bức chạm tích thần-tiên Hi-lạp ngày xưa, bốn bờ toàn những ngô-đồng cây cao bóng mát, tiếng nước chảy róc-rách, tiếng chim kêu riu-rit, rõ ra một cái cảnh lâm-tuyền mà lại có tay khéo của người ta tô-diêm. Hai bên có hai dãy ghế, cho khách du ngồi thưởng-ngoạn. Nhưng xét ra những khách mến cảnh này, ngồi đến thâu giờ tàn buối, tho-thần một mình, không phải là những người trong trường náo-nhiệt; phần nhiều là những hạng thi-nhân họa-khách cùng những bậc thiếu-phụ nhàn-sầu, đến đây để tiêu-sầu khiền-hưng. Mà cảnh êm-dềm, người lặng-lẽ cho đến nỗi chim sẻ từng đàn liệng qua trước mặt, đậu tận bên minh cũng không sợ. Nội các cảnh đẹp ở thành Paris, tôi lấy chỗ này làm phong-thú hơn cả, thường

chiều chiều đến ngồi dãy tùng giờ lâu, cho đến lặn mặt trời mới về: trời tía bảng-lảng bóng vàng, những lúc ấy là lúc trong lòng cảm-tưởng vô-cùng.

Xóm tôi ở là xóm học-trò, vậy bao nhiêu những trường học lớn là ở đây cả. Trường Đại-học Paris ở trong sở *Sorbonne*, là một tòa nhà guy-nga, rộng hơn 80 thước, dài ngót 250 thước. Sở này dựng từ năm 1885 đến năm 1900 mới xong, ở nơi cũ-chỉ nhà thờ và trường học kinh của ông cố ROBERT DE SORBON tự thế-kỷ thứ 13, cho nên gọi tên là *Sorbonne*, qui-mô hùng-tráng, thật là xứng-đáng một sở học lớn nhất của một kinh-dò lớn nhất trong thế-giới. Trong sở này chỉ có ban Văn-học (29 khoa) và ban Khoa-học (25 khoa) thuộc về trường Đại-học Paris, còn ban Y-học, Luật-học thời đã có nhà riêng cũng ở gần đấy. Lại có một cái thư-viện to lầm, hơn 60 vạn quyển sách, để cho các ông giáo và học-trò dùng. Mặt cửa chính có 8 pho tượng đá hình tam khoa-học: Hóa-học, Bác-vật-học, Vật-ly-học, Số-học, Lịch-sử-học, Địa-dư-học, Triết-học, Khảo-cố-học. Vào trong, các bức tường đều có tranh vẽ của những tay danh-hoa đương-thời cả, phần nhiều là vẽ các tích về sự học. Rực-rỡ nhất trong sở *Sorbonne* này là nơi đại-diễn-dàn (*le grand amphithéâtre*) rất là to rộng, những khi có cuộc diễn-thuyết lớn hay là hội tiệc gì về việc học đều họp ở đấy, có thể dung được tới bốn nghìn người. Chính giữa diễn-dàn có một bức bích-họa cực-ký vĩ-đại do tay ông PUVIS DE CHAVANNES vẽ, để là « Rừng học », có các vị thần-tiên ngồi dưới bóng cây bên suối nước mà đàm-luận nghĩa-ly văn-chương; trong vòng bán-nguyệt thời có sáu pho tượng ngồi lục-lưỡng, là tượng ông SORBON, ông RICHELIEU, ông ROLLIN, ông DESCARTES, ông PASCAL, ông LAVOISIER, toàn là những người có công về sự học cả.

Tôi có được nghe diễn-thuyết ở đại-diễn-dàn Sorbonne hai ba lần, mà long-trọng nhất là ngày làm lễ bách-niên-khánh-niệm hội « Cồ-Á-châu nghiên-cứu hội » (*Société Asiatique*), và lễ bách-niên kỷ-niệm ông CHAMPOILLION là người trước nhất đã nghĩ ra cách đọc được các chữ cổ của Ai-cập. Bữa đó có quan Giám-quốc MILLERAND thân đến làm tọa-chủ, người đến nghe có tới số năm ngàn. Các nước có phái các ông bác-học đến thay mặt, và lần-lượt mỗi ông đọc một bài khánh-chúc. Chính-phủ Ai-cập thời phải một ông quan đầu đội mũ *fez* (là thứ mũ dò trên có cái đuôi nhỏ như người Chà-bèn ta thường đội), cũng đọc một bài bằng chữ Pháp, lời-lẽ hùng-bồn, người nghe vỗ tay lầm. Đại-khai ông nói rằng nước ông được nhờ có ông CHAMPOILLION mà ngày nay được biết cái cõi-rẽ cùng những sự-nghiệp vê-vang về đời trước, ơn ấy người Ai-cập không bao giờ quên.

Tôi đến Paris vào khoảng cuối tháng năm đầu tháng sáu, các trường học đã sắp nghỉ hè cả, cho nên không được đi nghe giảng nhiều. Nhưng cũng được hai lần vào xem học ở Sorbonne: một lần nghe ông Giáo SCHNEIDER giảng về lịch-sử mĩ-thuật nước Pháp, đương phê-bình một bức danh-họa về đầu thế-kỷ thứ 19, có chiếu ảnh cho học-trò xem; một lần được xem ông Giáo LAPICQUE đương dạy một cô nữ-học-sinh thi-nghiệm về các thứ cây biến-sắc khi ở trong tối và khi ra ánh-sáng. Ông Giáo LAPICQUE dạy khoa « tòng-quát sinh - lý-học » (*physiologie générale*), chính là khoa của ông PAUL BERT đã dạy khi xưa, hồi chưa sang làm Toàn-quyền bên này; ông giáo có chỉ cho xem cái buồng giấy của ông chính là buồng giấy của ông PAUL BERT khi trước.

Thường đọc trong sách du-ký của người Tàu sang chơi Paris có nói rằng: « Khách du-lịch đến Paris mà không xem lăng vua NAPOLÉON thời chưa phải là biết Paris. » Câu đó cũng khí quá, nhưng sở *Invalides* và lăng vua NAPOLÉON kề cũng là một cái kỲ-CÔNG trong nghèo-kiến-chúc của thế-giới. Sở *Invalides* nguyên là tự vua *Louis* thứ 14 dựng ra để nuôi các linh già-yếu tàn-tật. Bây giờ thời sửa-sang để làm nơi bác-vật-quán của nhà binh, trong có một bộ đủ cả các kiều súng gươm và binh-khi tự đời cổ đến giờ, cả thảy có hơn một vạn chiếc; lại một phần thời dùng làm nha-môn cho quan Đại-tướng Tòng-binhs thành Paris. Trong cùng có một tòa nhà tròn, tự đất lên cao hơn trăm thước, ngay chính giữa, đào vũng xuống thành một cái huyệt tròn có bờ cao lén, xây toàn bằng cẩm-thạch, đó là chỗ lăng vua NAPOLÉON. Chính môt thời dài bốn thước, ngang hai thước, cao bốn thước rưỡi, làm bằng một tấm hồng-cương-thạch toàn-sắc, của vua NICOLAS nước Nga tặng, đặt trên một cái bệ bằng thanh-cương-thạch cũng toàn-sắc. Chầu chung-quanh môt, ở dưới huyệt thời có 12 pho tượng đá lực-lưỡng, hình 12 trận đại-thắng của vua. Trong cùng có tượng vua mặc đại-trieu-phục cao ước 3 thước. Muốn vào trong huyệt xem thời phải theo đường thang đá đi xuống, trước huyệt có cái cửa đồng đóng kín, hai bên cột có hai pho tượng hình « Văn-chiêu » và « Võ-liệt » (*la Force civile et la Force militaire*), trên biển cửa có đề một câu rằng: « Je désire que mes cendres reposent sur les bords de la Seine, au milieu de ce peuple français que j'ai tant aimé. » (Tôi muốn cho di-hài tôi được chôn ở trên bờ sông Seine, gần với người dân Pháp nõi, bình-sinh tôi đã yêu-mến biết bao.) Dân nước Pháp đã tuân theo như lời di-chúc của ngài, cho nên ngày nay khách du-lịch mới được đến đây mà vọng-bái vong-linh một bậc đại-anh-hùng trong

lịch-sử trong một khoảng hai ba mươi năm kinh-thiên động-dịa cả một góc trời tây. Khách du-lịch đứng ngắm cái cảnh trang-nghiêm tráng-lệ ở chốn này, không thể cầm lòng cảm-phục, và chỉ có thể phê mấy chữ : hùng-tráng thay ! Người đại-anh-hùng khi tử-hậu một là được chôn như thế này, hai là chết dưới mũi tên hòn đạn, da ngựa bọc thân, thế mới thật là xứng-dáng, còn ngoại-giả là những cách phù-phiếm hão-huyền, che mặt thế-gian hết cả !

Tôi đến Paris vẫn chỉ rắp định vào xem Nghị-viện họp hội-dồng một buổi xem các ông nghị-viện bên qui-quốc có giống các ngài nghị-viện ở bên ta không. Tôi xin vội-vàng nói trước dề các ngài biết rằng tôi xét ra duy chỉ giống có cái tên mà thôi, và cứ lấy cái tư-cách hiền-lành thời có lẽ các ông nghị Tây còn kém các ông nghị ta nhiều. Muốn vào xem nghị-viện những buổi có hội-dồng phải có vé mời được vào. Vé ấy phải do các ông nghị-viện hay là các quan Thượng-thư xin cho mời được. Người ngoại-quốc thời phải do lãnh-sự hay là công-sứ nước mình xin ở bộ Ngoại-vụ. Tôi may có quen mấy ông nghị-viện cho vé được vào xem Thượng Hạ nghị-viện mấy lần. Nhưng may nhất là một lần được vào Hạ nghị-viện nghe quan Tông-ly Nội-các POINCARÉ diễn-thuyết. Tôi đọc nhật-báo đã biết rằng Chánh-phủ bị chất-vấn về việc ngoại-giao, và quan Tông-ly Nội-các thế nào cũng phải ra đối-đáp, nhưng không biết rõ ngày nào. Vả lại mỗi lần quan POINCARÉ diễn-thuyết thời người đến xem đông quá, không còn sót một ghế nào, vậy cũng không dám mong-mỗi có thể xin vào được. Không ngờ buổi sớm tôi vào bộ Thuộc-dịa thăm quan SARRAUT, nhân nói chuyện rằng tôi ước-ao được nghe quan POINCARÉ một buổi, ngài liền nói : « Ấy, chính chiều hôm nay quan Thủ-tướng sẽ diễn-thuyết

dây, » rồi ngài cho hỏi quan chánh Văn-phòng có còn thừa vé không. Xem ra chỉ còn có hai cái vé thì đã hứa cho hai người rồi. Quan SARRAUT cũng có ý ngăn-ngại, sau ngài bảo : « cứ cầm lấy một cái, rồi ngài sẽ liệu cho người kia sau. Thế là nhờ sự may-mắn là nhường mà tôi được cái hân-hạnh nghe quan Thủ-tướng POINCARÉ diễn-thuyết. Trước tôi vẫn tưởng rằng một tay văn-học như ngài thời diễn-thuyết tất là văn-chương hoa-mĩ lắm. Đến lúc thấy ngài lên diễn-dàn nói, thời bình-thường giản-dị như ta nói chuyện thường, không có một câu nào là lời nói phiếm, không có một giọng nào là giọng hú-văn, duy lời nói rắn-giỏi mà khúc-chết, nghe thật là rành-rẽ từng câu từng chữ. Ngài nói luôn trong hơn ba giờ đồng-hồ, trước mặt dề một chồng giấy cao, chock chock lại giờ ra dề tra tìm những ngày tháng cùng số-mục. Lúc đầu thời cả nghị-viện còn im phán - phắc dề nghe, sau ngài càng nói thời cả bên cung-tả nghị-viện là đảng phản-dối với Chính-phủ càng thấy lao-nhao, rồi một người đứng lên phản-dối, người ấy nói chưa dứt lời, người khác nói liền kể theo, bên tả công-kích, bên hữu đối-lại, kẻ này vỗ tay, kẻ kia huýt còi, một chock thành ồn-ào như cái chợ, ông nghị-trưởng ngồi trên rung chuông liên-banh, không làm cho im tiếng người được. Sau phái thét to lên : « Nếu các ngài cứ làm rầm như thế mãi, tôi phải bãi hội-dồng hôm nay. » Được một chock rồi mới im tiếng dân. Bấy giờ quan Thủ-tướng mới nói tiếp, ngài nói có ý gắt : « Các ngài hỏi tôi, phải dề cho tôi trả lời, muốn trả lời cho có đầu-đuôi, phải nói cho có thứ-tự, việc trước nói trước, việc sau nói sau, tôi không phải là trăm nghìn miệng mà nói cả một lúc được. » Bấy giờ nghe có mấy ông nghị-viện nói : « Được lắm ! Phải lắm ! » Nhưng đảng bên tả vẫn hăng-hăng không chịu. Có mấy ông nghị-

viên bên tả xem ra ý muốn công-kích riêng quan POINCARÉ, hơn là công-kích cái chánh-sách của ngài. Bấy giờ trông thấy ngài đứng thẳng người lên, trông về bên tả, trả lời một cách rất mạnh-bạo rằng: « Ai công-kích riêng tôi, công-kích tôi là POINCARÉ thời tôi đây không chấp, nhưng mà nếu phạm đến pháp-luat, mà pháp-luat ở trong tay tôi thời tôi sẽ cứ thẳng tay tôi làm. » Nghe mấy lời quả-quyết như thế, hầu hết cả nghị-viện đều vỗ tay, duy có mấy ghế về bên cực-tả thì không thấy động-dậy. Sau ra bỏ vé quyết-nghị, thời phần đa-số vẫn về với Chính-phủ.

Ấy cái cảnh-tượng Hạ - nghị-viện những ngày tranh-biện kịch-liệt như thế. Trong thấy cái cảnh-tượng ấy, khách du-lịch cảm-tưởng thế nào? Người xét nồng-nỗi thời cho rằng trong một nước mà phân ra nhiều đảng tranh-danh nhau như thế là một sự không hay. Nhưng mà xét cho đến nguồn gốc sự-lý mới biết rằng phàm mưu việc chính-trị tất phải có cạnh-tranh, đã có cạnh-tranh tất sinh đảng-phái, đã có đảng-phái, những lúc gặp nhau tất phải có sung-dot, đó là một lẽ tự-nhiên. Người ta không phải là sống bằng cái lý-tưởng suông được, đã có một cái lý-tưởng gì, tất muôn đem nó ra mà thực-hành, và thực-hành thế nào cho được thập-phần lợi-ich. Nhưng phải thực-hành thế nào? Cả cái vấn-dề là ở đó, cả sự khó-khăn là ở đó. Nếu ai cũng là bậc thánh-nhân cả, có cái tri rất sáng-suốt, có cái tài rất kiêm-bì, trông thấy sự lợi-ich, biết được ngay phương-pháp mà làm, thời không việc gì có cạnh-tranh cả. Nhưng người đời không phải là thánh-nhân cả, và dẫu có ông thánh-nhân ở đời, người đời cũng không biết. Đã thế thời trù phi là nhà thuần, tư-tưởng không nói chi, đã muốn ra hành-dộng với đời tất phải quyết theo một bờ nào minh cho

là phải hơn cả, đã quyết rồi thời hình như phải nhắm mắt mà theo cho đến cùng, nếu không thời không làm trọn nên công-cán gì cả. Nhưng cái bờ mình cho là phải, kẻ khác lại cho là không phải, cái phương-diện của mình không phải là phương-diện của người, muốn cho người phải theo phương-diện minh thời phải ra cạnh-tranh với người, đã cạnh-tranh thời ai mạnh là người ấy được. Nói rút lại muôn sự ở đời, đều phải lấy sức mạnh mà giải-quyết hết; công-lý công-nghĩa chẳng qua là những tiếng khâu-dầu. Cứ xem ngay ở nghị-viện nước Pháp thời dù biết: kia trong nghị-viện có đến năm-trăm người, mỗi người do một địa-phương phái đến, tư-chất tinh-tinh không có một tí gì là giống nhau. Bấy nhiêu người phải họp nhau lại để bàn việc nước, chắc rằng người nào đã được cái danh-dự ra đại-biều cho quốc-dân thời ai cũng có cái chí muốn mưu việc ích-lợi cho dân cho nước. Nhưng đến lúc phải bàn với nhau nên dùng những phương-kế gì để thực-hành sự lợi-ich ấy, thời không ai đồng-ý với ai, vì mỗi người có một ý riêng, mà đã ehắc ý ai là hơn ý ai? Người thuộc về đảng bên hữu thời nghĩ rằng muốn cho xã-hội tiến-hóa, quốc-gia phu-cường thời phải duy-trì bảo-thủ lấy những nền-nếp cũ trong nước, phải giữ lấy trật-tự cho nghiêm, phòng sự rối-loạn cho kỹ; — người thuộc về đảng bên tả thời nghĩ rằng muôn sự khốn-nạn trong xã-hội, muôn sự cực-khổ của người ta, là bởi cái thè-chè xã-hội như bây giờ, chia ra một bọn có tiền có quyền, một bọn nhọc-nhăn nô-lệ, bọn kia cưỡi cổ, bọn này phải chịu, thế là trái lẽ công-bằng, thế là không thể dung được; vậy bây giờ phải phá-hoại cái xã-hội kia đi mà gây dựng ra một xã-hội mới hợp với nhân-đạo hơn; — người thuộc về đảng trung-tuong thời nghĩ rằng không nên

thủ-cựu mà cũng không nên cắp-tiến, phải nên chàm-chước cả hai bờ là hơn. Người bên tả chê người bên hữu là hủ-lậu chuyên-chế; người bên hữu chê người bên tả là bạo-dộng gây loạn; cả tả hữu đều chê người trung-ương là do-dụ nhu-nhược, không có chủ-nghĩa, không có dám-lực. Giữa đám phản-tranh như thế, ai là người bình-tinh có thể dám quyết bên nào phải, bên nào trái? Tất phải đem ra chỗ công-trường, cho mà ra sức tranh-biện với nhau; bên nào nhiều người là bên ấy được. Nhiều người há chẳng phải là sức mạnh dữ? Như thế thi công-lý ở đâu? Hay là công-lý với cường-quyền cũng một?

Hoặc-giả nói: Nếu như thế thi làm việc chính-trị chẳng là chán lầm dữ? Vả nơi nghị-trường chẳng là giống như chợ hàng rau dữ? Nếu như thế thi các ông nghị ta mỗi năm về Hà-nội chơi mấy ngày, xin Chánh-phủ cho di xem hát chèo chớp bóng, há lại chẳng có tư-cách hơn các ông nghị tây kia cứ ngày ngày đem nhau ra chỗ công-dồng mà cãi nhau như mồ bò dữ? Người yểm-thể hoặc có cái bi-quan như thế. Nhưng mà kẻ thức-giả biết rằng ở đời phải có cạnh-tranh, có cạnh-tranh mới có sinh-hoạt, không cạnh-tranh thời có cũng như không, sống cũng như chết. Đã có nghị-viện phải có chính-dảng, đã có chính-dảng tất có cạnh-tranh, có cạnh-tranh mới hoạt-động; cái phép tiến-hóa của các dân-tộc như thế. Dân-tộc mình còn chưa tới trình-dộ đó, ta nên đàng mừng hay là đàng tiếc? Điền đó xin chất-vấn ở quốc-dân.

Ở Hạ-nghị-viện thường vẫn hay hăng-hái hơn là Thương-nghị-viện, nhưng không phải buổi nào cũng kịch-liệt như thế đâu. Thường thường những khi không có chuyện gì quan-trọng thì không những người đến xem ít mà các ông nghị-viện cũng nhiều ông vắng mặt. Một hôm tôi đến xem thấy đương bàn

về giá lúa cao hạ, quan Nông-bộ đương đối đáp với ông nghị-viện nào đó; nghị-trường vắng tanh, số các ông nghị có mặt phỏng được ba bốn chục ông, mà người đến xem thời lác-dáć giảm ba kẽ mà thôi.

Thượng-nghị-viện tôi cũng được vào xem một vài lượt. Các ông nghị ở đây phần nhiều là người có tuổi cao, cho nên cách nghị-luận không mạnh-bạo lắm như ở Hạ-nghị-viện. Nhưng cũng có nhiều khi kịch-liệt, và phần nhiều là do các ông bên tả-dảng phản đối chính-phủ hay là công-kịch bên bữu-dảng. Hôm tôi đến xem thì có một ông nghị-viện về đảng xã-hội đương chất-vấn quan Bình-bộ về việc trong khi chiến-tranh quan binh có kết-آn lầm mấy người lính đem xử-tử vì tội tháo lui trước quân giặc, sau xét ra mới biết rằng án ấy oan và mấy người lính kia vô-tội. Ông nghị-viện hết sức công-kịch bọn quan binh vì vô-doàn mà đã làm chết oan mấy mạng người, công-kịch Chính-phủ đã dung-l tung những cách vô-doàn như thế. Ông nói rất là hùng-hồn cảm-dộng; có một lúc ông dập tay xuống bàn mà nói to lên rằng: «Ú, nào có phải thiệt oan mất mấy mạng người mà thôi đâu, còn để cái khổ cái nhục cho người sống nữa! Các ngài có nghĩ đến cái tình-cảnh những cha mẹ, những vợ con mấy người chết oan ấy không? Các ngài có nghĩ đến cái đau-dớn, cái tủi-nhục vô-cùng của lũ con trẻ kia, trong khi các trẻ con khác trong làng có cha anh đi trận về, nào là mèn-day, nào là bội-tinh, nghênh-ngang vang-vé trong làng xóm, mà mình hễ thò mặt ra đầu ngõ thời người ta vạch mặt gọi tên, nói rằng: «Thằng này là con thằng phản-quốc đây. Cha nó ngày trước đã bị xử-tử.» Các ngài có nghĩ đến những nồng-nỗi đắng-cay chua-xót ấy trong lòng một kẻ hài-nhi không? Kẻ hài-nhi ấy sau này là dân nước đấy, là lính nước đấy! v.v.»

Quan Bình-bộ là quan MAGINOT, người cao lớn, giọng dõng-dã, rõ ra cái thái độ một quan Thượng-thur Bình, lên diễn-dàn đáp lại, đại-khai nói rằng : « Chánh-phủ cũng biết rằng án đó là lầm, tội đó là oan. Nhưng mà đương buồm chiến-tranh bối-rối, những sự oan-đồng ấy làm sao mà tránh cho khỏi được ? Vả lại, dù thế nào nữa, việc đã dĩ-nhiên rồi, bây giờ nói sao cũng không thể khôi-phục được mệnh người nữa. Như vậy thì dở-dói ra làm chi, cho thêm nỗi đau lòng. Thời thời bây giờ Chính-phủ đã nhận lỗi, sẽ ra sức giúp đỡ cho cha mẹ vợ con những người ấy, ban tiền dưỡng-lão, tiền tuất-cô tuất-quả cho người ta được yên thân. Vả trong buổi bình-hỏa dị-ký, những người chết oan chết khổ biết là bao nhiêu, biết mấy mươi nghìn vạn mà kẽ : tòng-chi cũng là chết vì nước cả ! v.v. » — Quan Bình-bộ hết sức biện-bạch, mấy ông nghị về đảng xã-hội nhất định không nghe, xin phải tra cho ra lỗi tự ai và làm tội những viên tướng-tá đã kết án oan ấy.

Các Ngài xét mấy câu chuyện tôi thuật đó thời biết cái thái độ các ông nghị-viên bên qui-quốc thế nào. Còn cái cảnh-tượng trong nghị-trường thời như trên kia tôi đã nói, có khi bình-tĩnh mà cũng nhiều lúc phong-ba, nhưng dù những khi rất kịch-liệt đến nỗi nặng lời nhau cũng là vì lòng nhiệt-thành về việc công-cả, cho nên lòng công-phản ấy dẫu quá-đáng cũng khả-nguyên.

Từ trên đến giờ là tôi mới thuật chuyện các ngài nghe những sự du-lịch của tôi ở phần thành Paris thuộc về tả-ngạn sông Seine, có thể gọi là phần Paris cổ. Nay trước khi qua sang bên bờ sông kia là phần Paris kim-thời, nghĩa là phần phồn-hoa náo-nhiệt nhất, hằng xin nói qua các ngài nghe về cái tháp sắt Eiffel, chắc các ngài

đã biết tiếng cả. Tháp này thật là một cái kỳ-công có một trong nghề khép-chúc bằng sắt. Kè vè bờ cao thời suốt trong thế-giới không có cái nhà lầu cột tháp nào cao bằng: tháp Woolworth Building ở New-york cao 229 thước, cột đá ở Washington cao 160 thước; Kim-tự-tháp Khéops ở Ai-cập cao 137 thước, mà tháp Eiffel này cao nhũng 300 thước; kè vè cách kiến-thiết cũng là huống-tráng li-kỳ : khởi dựng ngày 28 tháng giêng năm 1887, đến ngày 31 tháng 3 năm 1889 mới thành-công, nặng cả thảy là 7 trăm vạn cùn tay, trong có một vạn hai nghìn mảnh sắt nối lại với nhau bằng 250 vạn cái đinh sắt nặng cả thảy là 45 vạn cẩn. Dưới chân có bốn cái bệ bằng đá móng mỗi cái rộng là 26 thước vuông và chôn sâu xuống đất đến 14, 15 thước. Nghĩ kiều và đốc-công là ông kỹ-sư EIFFEL, cho nên lấy tên mà đặt tháp. Tuy các ngài đã biết cái khung-khổ nó to lớn là thế, song có lẽ chưa tưởng tượng biết ở trên thế nào. Tháp Eiffel đó tức là một cái thành-phố nhỏ ở trên không-trung vậy. Tháp chia làm ba từng di lên bằng thang máy (ascenseur), từng dưới nhất cách đất 57 thước, từng giữa 115 thước, từng trên 275 thước, càng lên càng nhỏ, trên tuyệt-dinh có một cái nhà lầu nay dùng làm sở giày-thép gió (vô-tuyến-diện); ở từng dưới và từng giữa di chung quanh rộng như đường phố, có hàng cơm, hàng rượu, hàng bán các đồ du-lịch kỷ-niệm, lại có nhà kèn, nhà nhảy - dầm nứa. Đứng trên từng thứ nhất mà tròng xuốn cái vườn hoa ở dưới đất không khác gì như một tấm gấm Lào, mảnh vụông mảnh tròn sặc-sỡ ; lại tròng những xe ô-tô chạy dưới đường như con mồi bò trên trán vậy. Đứng đấy mà chiếu ống viễn-kính thời thu-quát được cả hình-thể thành Paris, trông cứ xanh um như một rừng

## Những công-trình khéo của mĩ-thuật nước Pháp

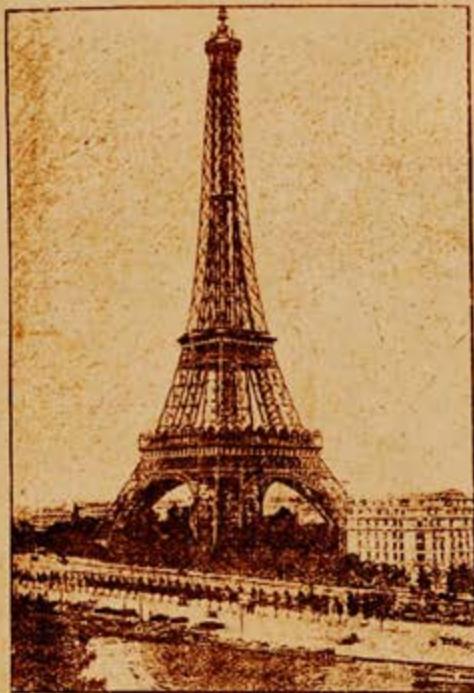
Tượng đá « Người Tư-tưởng » của ông RODIN (1840-1912)



..... Hoặc-giả nói : « Ư thì người Thái-Tây trọng người, cái gì cũng tưởng-tương ra hình người, đã dành rồi, nhưng mà có làm sao lại cứ hình-tương ra người trắn-trưởng cả, thế là nghĩa-lý gì ? » Có xem kỹ những bức tranh, những pho tượng trong các nhà bảo-tàng, bình-tinh mà xét, bỏ cái thiên-kiến của người mình cứ cho phàm khóa-thân là có ý dâm-dâng hết cả, thời mới biết rằng có nghĩa-lý lắm. Xét như một pho tượng đá của ông RODIN dè là « Người Tư-tưởng » (*le Penseur*), cả thế-giới công-nhận là một nền kiệt-tác trong nghề điêu-khắc đời nay : pho tượng ấy hình một người lực-si khóa-thân, ngồi trên phiến đá, tay tựa dưới cằm, mặt dâm-dâm, hình gò-gãm, nhìn kỹ như trông thấy bao nhiêu giây gân bắp thịt trong người thu-rút cả về cái đầu, hình như đề cổ nặn trong óc cho nó bật ra một cái tư-tưởng gi ; trông cái tượng đó sừng-sực trước mặt, tôi tưởng đâu một người rất quê mùa không quen biết mĩ-thuật của Thái-Tây, cũng không hề nghĩ đến sự khóa-thân là số-sàng mà tự-nhiên phải cảm-động vì cái ý-nghĩa cao-thâm ngù ở trong phiến đá đó. Nay thử làm lại pho tượng ấy mà hình ra một người mặc bộ áo *redingote* hay bộ áo *jaquette*, râu mày nhẵn-nhụi, áo quần bảnh-bao, thời tượng này cũng giống như ông khách qua đường kia, không còn nghĩa lý gì nữa... »

(Lời diễn-thuyết của ông PHẠM QUÝ NH.)

## Những cảnh đẹp ở Paris



Tháp sắt cao 300 thước  
(Tour Eiffel. — Xem trang 264-265)

Đền kỷ-niệm các danh-nhân  
(Le Panthéon. — Xem trang 257-258)



Cửa « Bắc-dầu-khai-hoàn-môn »  
(Arc de triomphe de l'Etoile. — Xem trang 268)

cây rậm. Từ khi chiến-tranh đến giờ tháp này mới dùng làm sở vô-tuyến-diện, chờ trước kia chẳng qua là một cái đồ chơi lợn để thêm trang-sức cho chốn Kinh-đô mà thôi. Nhưng mà nghĩ cái khí-tượng người Tây cũng hùng thay ! chơi mà nghĩ làm ra một cái tháp săt cao ba trăm thước thời cung kỳ thật. Chẳng bị với cái khí-tượng của người nước ta chỉ tra chơi những núi-non bộ với cây uốn cành, thu giang-sơn vào một góc nhà, lấy ba thước sân làm một cái tiêu-thiên-dịa, thế mà cũng tiêu-dao tự-tại, lấy làm thú được. Hai cái tinh-thần thật là cách xa nhau quá, cách xa nhau mà có lẽ cũng hơn kém nhau vì đó.

Bây giờ xin mời các Ngài di sang ngang với tôi. Nói thế chắc các ngài lấy làm ngại, nhưng không khó gì, vì đi qua sông dây không dầy hai phút đồng hồ. Sông đã nhỏ hẹp, — sông Seine nước chảy lù-dù, có đầu cuồn-cuộn những cát cùng bùn như sông Nhị-hà của ta, — lại đi bên này sang bên kia sông, trong một thành Paris có đến 24, 25 cái cầu, cái nào cũng rộng như đường cái, hai bên tượng đá bao-lon cả.

Ở xóm tôi mà đi sang bên hữu-ngạn tiện lâm, vì có một đường *autobus* chạy ngay đầu phố, — đường *autobus* hiệu chữ A di từ sở *Gobelins* đến nhà thờ *Notre Dame de Lorrette*; — nói đến những tên này lại càng thêm nhớ cảnh cũ, vì đường này là lối đi về bấy lâu !

Đường *autobus* di qua cầu *Carrousel*, lại chạy qua sân cung *Le Louvre*. Nhà đâu mà to lớn lạ nhường ! Nội các cung-diện của các bậc đế-vương trong các nước trong thế-giới từ đời xưa đến đời nay, có lẽ không có nơi nào qui-mô hoảng-vĩ bằng nơi này. Nghé nói cung *Vatican* của đức Giáo-Hoàng ở La-mã (Rome) đã là to, mà cung này còn lớn hơn gấp ba, diện-tích tới 19 vạn 7 nghìn thước vuông. Các đời vua kế-nghiệp nhau trong bảy tám trăm

năm ở đất kinh-thành Paris đều ra công xây - dựng, sửa-sang, sắp - đặt, chỉnh-dốn một chốn này cả. Từ vua PHILIPPE-AUGUSTE năm 1204 trùng-tu lại cái lầu-thành cõ nguyên có ở đây trước; đến vua FRANÇOIS thứ 1 năm 1541 sai ông kiến-chúc-kỹ-sư PIERRE LESCOT vẽ kiều làm ra một nơi cung-diện mới: đến vua Louis thứ 14 giao cho hai ông LOUIS LE VAU và CLAUDE PERRAULT mở rộng thêm ra ; cho đến vua NAPOLEON thứ 1 và NAPOLEON thứ ba từ năm 1803 đến năm 1852 dựng thêm hai dãy nhà lầu mới nữa, do tay những ông PERCIER, FONTAINE, LEFUEL, VISCONTI vẽ kiều và đốc-công; mãi đến năm 1857 mới thật là hoàn-thành như kiều-cách ngày nay. Một cái cung-diện làm trong bảy trăm năm, do những bậc đế-vương hiền-hách trong lịch-sử chủ - trương giám-đốc, những tay thợ khéo đệ-nhất trong một nước ra công giúp sức, trách gì mà không to không đẹp. Một ông văn-sĩ Tây binh-phẩm dền Đế-thiên Đế-thích (*Angkor*) của Cao-miên có nói rằng : «Chốn này không phải là một nơi cung-diện, chính là một bài thơ trường-thiên, một bài anh-hùng-ca viết bằng đá» (*Ce n'est pas un monument, c'est un poème, c'est une épopee en pierre*), là có ý cực-tán cai vẻ hùng-vĩ ly-kỳ. Khách du-lịch đứng trước cung *Le Louvre* ở Paris cũng có thè nói rằng : «Chốn này không phải là một nơi cung-diện; chính là một áng văn-chương-đại-đoạn, mà là lối văn-chương biền-ngẫu, viết bằng đá, có cái khì-vị hùng-cường mà hoà-nhã, mĩ-lệ mà trang-nghiêm như một bài văn của « Tứ-kiệt » về đời Thịnh-Đường vậy. »

Bửa trước tôi có gặp một ông bạn hỏi về chuyện di Tây, ông nói : « Ông xét cái văn-minh của họ thế nào ? Tôi tưởng họ mới văn-minh phú-cường độ giảm sáu chục năm nay, di chinh Đông phạt Tây, cướp lấy thuộc-dịa, vơ-vét của tứ-phương đem về nước mới

dược giàu mạnh như thế; chờ họ làm gì có cái văn-hoa cõ như Đông-phương minh.—Tôi bèn kè những lâu-dài cung-diện cõ ở Paris, như cung *Le Louvre*, như nhà Đại-Giáo-đường *Notre-Dame*, cho ông nghe, ông mới tinh-ngô, biết rằng tuy cái vật-chất-văn-minh của Âu-Tây mới thịnh trong khoảng nửa thế-kỷ này, mà cái tinh-thần-văn-minh của người ta vốn có cũng đã lâu đời vậy.

Ấy cái hình-thể bẽ ngoài của cung *Le Louvre* như thế, ngang dọc liền giáp với mấy đường phố lớn, mặt tiền trông ra phố, bẽ dài là 167 thước, cao 27 thước, có 52 cái cột đá dựng song-song, trông thật là có oai-nghi lâm. Mặt sau có cái sân rộng mênh-mang, xưa làm trường đấu ngựa, nay đầy những tấm hoa, chiếu cỏ, cửa khải, tượng đồng, lại liền với một cái đại-công-viên tức là vườn ngự-uyên ngày xưa, gọi là vườn *Tuileries*, qui-mô thế-thể có phần lại to-tát đẹp-dẽ hơn là vườn *Luxembourg* tôi đã nói.

Bẽ ngoài đã thế mà vào trong mới lai đẹp nứa. Ngày nay bao nhiêu những cung-diện của Đế-vương cũ, Chính-phủ Dân-quốc dùng làm quán bá-c-vật, viện bảo-tàng cõ. Cung *Le Louvre* nay chính là một cái mĩ-thuật-bảo-tàng-viện lớn nhất trong thế-giới. Bao nhiêu những của báu vật lạ, những kiệt-tác kỵ-công của cái tài-trí người ta đã sáng-nghĩ tò-tạo ra được ở khắp các nơi trong thiên-hà từ đời xưa đến đời nay, đều sru-la trân-liệt cả ở đây, để làm cái di-tích vè-vang của người đời trước, cái mẫu-mực khôn - khéo cho người đời sau. Cứ nghĩ trong một cái nhà này có những bức tranh, có những pho tượng có một trong thiên-hà, xuất đến mấy ức vạn triệu không thể mua được, mà những tranh những tượng ấy số có mấy trăm mấy nghìn cái, thời đủ biết bao nhiêu của báu họp lại ở chốn này. Gọi tòng-danh là viện bảo-tàng *Le Louvre*, nhưng mà trong chia ra nhiều

viện khác nhau, mỗi viện chiếm mấy cái nhà liền: có viện hội-họa (*musée de peinture*) liệt những bức danh-họa cõ-kim, trong lại chia ra đồ họa của nước Pháp, nước Ý, nước Hà-lan, nước Tây-ban-nha, nước Đức, nước Anh, v.v.; — có viện điêu-khắc (*musée de sculpture*), bày những tượng đá thuộc về Cõ-dại, về đời Trung-cõ, đời Phục-hưng và về Cận-dai; — viện đồ cõ của các nước, trong chia ra đồ cõ của Á-châu, của Đông-phương, của Ai-cập, của Phi-châu, những cõ-tịch thuộc về đạo Thiên-chúa, những đồ nung, đồ sứ, đồ đồng, đồ vàng, đồ ngà ngọc về các đời trước. Nhưng đẹp nhất, quý nhất, giàu nhất không đâu bằng, là viện hội-họa và viện điêu-khắc, những tranh những tượng bày ra đầy, đi qua một lượt đến mấy ngày không hết. Tôi đến đây xem những bức tranh cõ, pho tượng cõ, ngắm-nghia giờ lâu, mới hiểu được cái ý-nghĩa sâu của mĩ-thuật Thái-Tây! Trước đọc sách tay thấy tán-dương những tượng đá nữ-thần đảo *Milo*, bức họa mĩ-nhân *La Joconde*, cũng biết vậy mà thôi, chờ không có cảm gi, và xin thú thật rằng trong hùng vĩ vẫn không ưa cái mĩ-thuật thật-thà thô-lỗ của người Tây, vẫn tự nghĩ rằng: «Mĩ-thuật gi mà tượng nào tranh nào cũng chỉ hình người trần-truồng cõ, chẳng qua là cách tò-hieu-dâm, còn có nghĩa lý gi nữa.» Một bức tranh tả-chân của Tây với một bức tranh phả-bút của Tàu, mình vẫn ưa bức tranh thủy-mac Tàu hơn, vì bức tranh Tàu nó có cái phong-vị thanh-thú êm-dềm, cái khí-sắc mung lung phiêu-diều, như gần như xa, như không như có, khiến cho mình mơ-màng như trong giấc mộng. Nay được mục-kích những nền kiệt-tác của mĩ-thuật Thái-Tây, — thuộc về đời cõ thời ở trong viện *Le Louvre* này, thuộc về cận-dai và kim-thời thời ở viện *Luxembourg* và viện *Petit-Palais*, — mới giải được rõ cái tinh-thần của mĩ-thuật ấy

thế nào. Cái tinh-thần ấy thật là khác với tinh-thần mĩ-thuật Đông-phương ta. Người Tây cho người là trung-tâm của vũ-trụ, không những có sức thăng-doạt được cả vũ-trụ, mà lại có tài hình-dung được hết vũ-trụ. Cho nên phàm tưởng-tượng cái gì cũng là tưởng-tượng ra hình người cả. Tư-do, Công-lý, Lý-tưởng, Ái-tình, phàm những cái tư-tưởng siêu-hình ở trong tri người ta nghĩ ra, đều tượng ra hình người cả, mà phần nhiều ra hình người đàn-bà cả. Trên con « tem » vẽ người đàn-bà giương tay như dâng khiêu-vũ, thế là hình nước Pháp nhẹ-nhàng bay-bồng; trên con dấu, trên đồng bạc khắc người đàn-bà dựa cột, thế là hình Pháp-luật phòng-phạm uy-nghiêm. Người Tây cho thân-thể người là diễn-tả ra cái gì cũng được: như tả cái suối nước thời vẽ ra hình người đàn-bà trần, tóc bờ dài xuống dưới lưng, có vẻ thanh-tân yêu-diện mà lại hình như lười-mướt mới ở dưới suối tắm lên. Những cái không có hình-ảnh gì, tưởng không thể sao tượng ra được, thế mà cũng lấy nét mặt dáng người hình ra được cả: như lòng ký-niệm, như sự nhớ thương thời hình ra một người đàn-bà mặt râu-râu, ngồi tựa bên phiến đá mà ngửng lên nhìn cái gì; trên đầu có một vị thần-nữ có cánh bay qua. Người Tây lại yên sự thực, mến sự thực, ham sự thực, mê sự thực, cho phàm sự-thực là có mĩ-thuật hết cả, nhà mĩ-thuật có tài là biết tả-chân một cái phương-diện trong sự-vật một cách thâm-thiết trước-mình thế nào cho phát-biểu được cái ý-nghĩa sâu-xa. Như vẽ một người con gái hái nho, mặt tươi-cười hồn-hở, thế là tả cái vui-thù diền-viên; lại như vẽ người đàn-bà mót lúa, bóng dã về chiều, người còn cúi rạp, ở giữa khoảng đồng rộng mênh-mông, thế là tả cái khổ-khổ của người dân nghèo ở chốn nhà quê. Cứ xem cái nét mặt của người

con gái kia với cái nét mặt của người đàn-bà nọ là đủ biết cái tinh-thần hai bức tranh.—Hoặc-giả nói: « Ở thi người Thái-Tây trọng người, cái gì cũng tưởng-tượng ra hình người, đã dành rồi, nhưng mà cớ làm sao lại cứ hình-tượng ra người trần-truồng cả, thế là nghĩa-lý gì? » Có xem kỹ những bức tranh, những pho tượng trong các nhà bảo-tàng, bình-tinh mà xét, bỏ cái thiên-kiến của người mình cứ cho phàm khóa-thân là có ý dâm-dãng hết cả, thời mới biết rằng có nghĩa-lý lắm. Xét như một pho tượng đá của ông Rodin đề là « Người Tư-tưởng » (*le Penseur*), cả thế-giới công-nhận là một nền kiệt-tác trong nghề điêu-khắc đời nay: pho tượng ấy hình một người lực-sĩ khóa-thân, ngồi trên phiến đá, tay tựa dưới cằm, mặt dăm-dăm, bình gò-gâm, nhìn kỹ như trông thấy bao nhiêu giây gân bắp thịt trong người thu-rút cả về cái đầu, hình như để cố nặn trong óc cho nó bật ra một cái tư-tưởng gì; trông cái tượng dó sừng-sực trước mặt, tôi tưởng đâu một người rất quê-mùa không quen biết mĩ-thuật của Thái-Tây, cũng không hề nghĩ đến sự khóa-thân là sô-sàng mà tự-nhiên phải cảm-dộng vì cái ý-nghĩa cao-thâm ngụ ở trong phiến đá đó. Nay thử làm lại pho tượng ấy mà hình ra một người mặc bộ áo *redingote* hay bộ áo *jaquette*, râu mày nhẵn-nhụi, áo quần hành-bao, thời tượng này cũng giống như ông khách qua đường kia, không còn nghĩa-lý gì nữa.

Ấy nhò đi xem các quán bá-c vật, viện bảo-tàng ở Paris mà tôi hiểu rõ được cái tinh-thần trong mĩ-thuật Thái-Tây. Tôi tưởng những nhà mĩ-thuật ở nước ta cũng nên đề tài nghiên-cứu.

Ở cung *Le Louvre* di ra, dạo chơi vườn *Tuileries*, rồi đến một nơi công-trường lớn, gọi là *Công-hòa-trường*

(*Place de la Concorde*). Kè các nơi công-trường trong thế-giới thì nơi này là to-dẹp hơn nhất. Qui-mô như bây giờ là sáu-tự năm 1854. Trước ở giữa có đặt cái tượng Vua Louis thứ 15, sau bị bỏ đi; đến đời Đại-Cách-mệnh năm 1793, vua Louis thứ 16, bà Hoàng-Hậu MARIE ANTOINETTE và ngót 3 nghìn người thuộc về đảng nhà vua và đảng phản-dối với Chính-phủ cách mệnh bị chết chém ở đấy. Trường thảm-kịch lưu-huyết này mà đời sau đặt tên cho là Cộng-hoà-trường, thực cũng là một sự nực-cười của lịch-sử và là một cái gương bẽ-dầu cho kẻ-thể-nhân nồng-nòi. Bây giờ ở giữa nơi công-trường dựng một cái cột đá Ai-cập cao 23 thước, nặng 5 vạn cân, nguyên là bia đá ở một cái cổ-miếu thành Thèbes nước Ai-cập, vua nước Ai-cập MÉHÉMET-ALI năm 1831 tặng vua LOUIS-PHILIPPE nước Pháp. Cột vuông, bốn mặt đều có chữ cổ Ai-cập tân-dương công-đức vua RAMSÈS thứ II trị-vi nước Ai-cập từ 1300 năm trước Gia-tô giáng-sinh. Cột đá này hồi bấy giờ chở được từ bên Ai-cập sang Paris, rồi dựng lên ở nơi này, tưởng cũng nghiêu-khé lẫm. Chung-quanh nơi công-trường có dựng tám cái đình nhỏ bằng đá, mỗi cái đặt một pho tượng hình một nơi đô-thành lớn ở nước Pháp: Lyon, Marseille, Bordeaux, Nantes, Rouen, Brest, Lille và Strasbourg; là lấy cái ý rằng tất cả nước Phap hội-hop lại ở chốn kinh-đô này để biếu cái nghĩa Cộng-hoà. Tối đến đèn thắp như sao sa, coi rất là ngoạn-mục.

Ở Cộng-hoà-trường đi rẽ ra có một con đường lớn nhất, hai bên cây-cối um-lùm. Chính là đường thông-cù Champs-Elysées, là một đường đẹp nhất ở Paris vì có lẽ trong khắp thế-giới nữa. Mấy bữa sắp dời thành Paris, ông Vĩnh với tôi không chiều nào là không chạy xe trên đường này, nói rằng trước khi từ-bié特 chốn danh-dó muôn in lấy cái cảnh-lượng trang-nghiêm tráng-lệ

này vào con mắt. Mà thật không có cảnh nào trang-nghiêm bằng cảnh con đường thông-cù này lúc trời tây dỗ ủa, bóng cây đã hiu-hắt gió chiều, cái xe bon-bon chạy giữa cùng với trăm nghìn cái xe khác nữa chạy thi, ngoảnh lưng lại thấy cái cột đá Ai-cập đột-ngột giữa khoảng không, nhìn trước mặt thời thấy sừng-sực một cái cửa đá như một tòa thành cao ngất trời. Đó là cửa Bắc-dầu-khai-hoàn-môn (*Arc de Triomphe de l'Etoile*). Cửa này là cửa khai-hoàn lớn nhất và đẹp nhất trong thế-giới.—Nói đến những kỳ-công thắng-cánh ở Paris không thể không dùng đến những chữ: « lớn nhất đẹp nhất trong thế-giới », dùng lâm tựa-hồ như thành nhảm, song chính thật như thế, không phải là một câu khau-dầu như ở bên minh phàm tiệc gì hội gi cũng là « rất trọng-thề» hết cả!—Cửa này khôi-công từ năm 1806 để kỷ-niệm các chiến-công hiền-hách của nước Phap, bỏ dở một độ, đến năm 1825 mới làm nốt, tòng-phi cả thảy là hơn 9 trăm vạn quan. Bề cao 45 thước rưỡi, bề rộng hơn 40 thước, lòng cửa từ mặt đất lên đến cuốn cao là ngót 30 thước, năm mới rồi đã có một cái tàu bay chui lọt qua được. Chung quanh cửa có chạm những tích về trận-mạc, mấy bức chạm ấy tượng-truyền là tinh-xảo vô-cùng. Hiện nay ở dưới cuốn cửa có chôn di-hài người lính vô-danh dem ở trận-tiền về năm 1920, trên dày bằng một cái tảng đá khắc mấy chữ kỷ-niệm: « *Ici repose un soldat inconnu mort pour la Patrie* » (Đây là di-hài một người lính vô-danh đã vị nước quyền minh). Từ đấy, chỗ này thành một chỗ viếng thăm, cả ngày lũ-lượt những khách du-lịch tú-phương đến ngả mũ chắp tay kính viếng vong-linh người vô-danh-anh-hùng, một mình nằm dày dè thay vì cho hơn trăm vạn anh em đã bỏ thân nơi chiến-địa.

Chỗ đầu lại ở giữa nơi công-trường

cửa Khải-hoàn này, có 12 con đường lớn chạy thẳng băng ra khắp mọi bờ, như tia sáng ở một ngôi sao ra, cho nên cửa khải-hoàn đặt tên là « Bắc-dầu-khai-hoàn-môn. » Một con đường đó, cây cối um-lum, đi thẳng vào nơi gọi là rừng Boulogue, là một chỗ đi chơi mát lịch-sự và phong-thú nhất ở Paris. Gọi là rừng, không phải là rừng xanh nước biếc gi ; tức là một cái trại cây lớn, một cái đại - công - viên, nhưng diện-tích rộng tới 900 mẫu tây mà cây-cối rậm-rạp, như thế một cái rừng thật. Trong có đào hồ, xe đường cái chạy ngang chạy dọc cho xe hơi xe ngựa di, những đường nhỏ dưới bóng cây cho khách bộ-hành và người đi xe đạp. Lại có những phen-diếm, tầu-lâu, vũ-dài, ca-quán, cho những khách sang đến trú-du tiêu-khiển ; tối đến đèn điện thắp sáng choang, trông xà như những lầu thủy-tinh nồi lên ở giữa đám rừng rậm. Cách ăn chơi ở đây cực-kỳ xa-xỉ, người thường không thể đến được, nhưng mà buổi chiều mùa hạ, chạy xe mẩy vòng trong rừng trước hay sau khi ăn cơm, là một sự du-khoái ai cũng có thể thưởng được.

Ở Paris mà không di dạo chơi các đường - phố lớn cũng là người quê. « Đường - phố lớn » ở đây gọi là *les grands boulevards*, là mấy nơi cực-kỳ phồn-hoa náo-nhiệt. Mấy đường-phố bên trong ở về gần giữa thành-phố, như đường Opéra, đường Capucines, đường Ialiens, đường Haussmann, đường Malherbes, đường La Fayette, là những nơi buôn bán to, cửa hàng lớn, cả ngày xe ngựa người di như nước chảy. Di dạo chơi các phố-phường này hay là vào xem những cửa hàng lớn, thật là ngọt ngào người lên : mỗi một nhà hàng như một cái thành-phố nhỏ, mà trong lúc nào cũng đông như chợ ; vào đây nào đường nọ nào, ngõ kia, từng trên từng dưới, lại từng dưới đất đi ngầm qua

phố này sang phố khác, thật là mê-lì, không thể sao khỏi lạc đường được. Còn những đồ đẹp của báu, thời biêt bao nhiêu mà kẽ. Vào đây chỉ tiếc mình không phải là một đại-phú-ông nào để mua đồ cho thỏa chí. Nhưng kẽ hàn-sĩ, lấy tiền đâu mà sắm-sửa được như người. Nghe đâu có đức Hoàng-dế ta chuyển ngự-du Âu - châu này, sắm được nhiều đồ quý vật lạ lẫm, và thứ nhất là các « trang-sức-phẩm » ở Paris. Có ông Tàu đã nói với tôi rằng : « Vua anh giàu thật ! » Tôi nghĩ bụng : « Rõ ông này lại khen phò-mã tốt áo ! »

Còn một dây đường-phố bên ngoài, gọi là *les boulevards extérieurs*, thời là chỗ ăn-chơi : đường Batignolles, đường Clichy, đường Rochechouart, toàn những cao-lâu, khách-sạn, ca-quán, vũ-trường cả. Đây là dã thuộc về địa-phận Montmartre rồi, là xóm Bình-khang của Paris đây. Thời, ăn-chơi đến đây là tuyệt - phẩm. Nhưng phải có bạc vạn tiền nghìn mới được. Nào là những vương-tôn qui-khách, nào là những cự-phách làng chơi của các nước đều là tụ-hop ở đây. Và có lẽ người các nước lại nhiều hơn người Pháp. Cho nên nếu cứ lấy đây mà xét người Paris thời không khỏi oan cho người Paris quá.

Khi tôi ở Paris cũng có đi xem hát, xem diễn-kịch nhiều. Xem dù các hạng, những nhà hát lớn như Opéra, Comédie française, Odéon, những nhà hát nhỏ như Théâtre des Capucines, Théâtre du Grand Guignol, v. v. Nghe nói rằng về tối tân-kịch hay nhất là nhà Hát Vieux Colombier, nhưng tôi chưa kịp đi xem đã đóng cửa nghỉ hè. Tôi cũng lấy làm tiếc không được nghe bà SARAH-BERNHARDT là một vai đào có tài lâm dã nổi tiếng trong thế-giới từ mấy chục năm đến giờ; năm nay bà đã già, đến 80 tuổi, mà vẫn còn sức mạnh, vẫn thường ra trò. Tôi có ý xét cách diễn-

kịch bên qui-quốc xem có điều gì bô-ich cho nghề diễn-kịch ở nước ta đương lúc giao-thời này không. Ở *Comédie française*, một bữa tôi có xem diễn bài « Trường-giả học làm sang », tôi tưởng cũng không lấy gì làm tài lâm, sánh với các tay tài-tử của Hội Khi-tri diễn đầu năm nay, tưởng cũng là một mươi một bảy mà thôi. Có lẽ là bài cõ-kịch nên người ta không dụng-công lâm. Song các nhà hát lớn như *Opéra*, như *Comédie française* thì ta không thể bắt-chước được. Tôi xem như ở rạp *Grand-Guignol* có một lối kịch ta có thể châm-chước mà phỏng theo, là lối « kịch bằng cảnh » (*pièce en tableaux*), lấy cảnh mà giúp thêm cho lời nói. Bữa tôi xem, người ta có diễn một bài bi-kịch về lối ấy, đề là « Một đêm ở thành Londres », rút ở trong thuyết-bộ của nhà văn-sĩ nước Anh DICKENS. Chuyện một người dàn bà già có con phạm-tội phải xử-tử thắt cổ, sớm mai hành-binh, đêm đến tìm một ông thầy thuốc danh-sư nọ, kêu van ông ngày mai đúng giờ ấy đến nhà bà cứu cho một người sắp chết, nhưng không nói rõ vì cớ gì; hôm sau ông đến, xác mới khiêng về, nhưng đã chết rồi không thể cứu được nữa. Bấy giờ ông mới hiểu là người tội-nhân mới xử-tử; nhưng người mẹ trông thấy xác con như phát điên lên, cứ ôm lấy mà than khóc kè-kè một cách rất thảm-thiết, một mực van ông cứu cho, nói rằng con chưa chết. Ông thầy thuốc bấy giờ trong lòng cảm-thương bi-dát vô-cùng, vẫn biết rằng kẻ phạm-tội với xã-hội thời xã-hội có quyền trùng-tri, thế là lẽ công-bằng, nhưng mà trị kẻ có tội mà dè thương dè xót dè đau, dè khóc cho người không tội, há phải là lẽ công-bằng sao? Song cái công-lý của người đời chỉ có thô-lược như thế mà thôi; người ta ăn ở với nhau không thể lấy một « ông-lý » mà xử được, phải có lòng từ-bi bác-ái mới được, vì trông

thấy cái cảnh đau-khổ của người dàn-bà này, ai là người cầm-lòng cầm-dòng? — Diễn khéo quá, cảm-kịch người ta đến cù-tạ đều lưu-thể; có bà dầm ngồi bên tôi nức-nở khóc đến mười-lăm phút đồng-hồ. Trong bài kịch, lời nói không có mấy, mà những lúc không nói lại là chỗ hay nhất.

Tôi thiết-tưởng văn diễn-kịch phải là văn cứng-cát lâm mới được; văn quốc-ngữ ta bây giờ còn non-nớt, dùng vào diễn-kịch không khỏi khuyết-hám. Vậy nếu bây giờ có một lối kịch như lối « kịch bằng cảnh » đó, lấy cảnh mà giúp sức cho lời văn, thời hợp với cái trình-độ của ta lâm. Vâ lại lối này là lối đoàn-kịch, chỉ một vài hồi mà thôi, và diễn không đầy một giờ đồng-hồ, tưởng bắt-chước cũng không khó. Cái đặc-sắc của nhà *Grand-Guignol* ở Paris là mỗi buổi diễn ba bốn bài, hết bi-kịch đến hi-kịch gián-liếp nhau, bao giờ bài sau cùng cũng là một bài buồn cười, cho người xem lúc đứng lên có cái cảm-tưởng vui-vẻ.

Bốn năm bữa trước khi dời thành Paris, tôi di xem các nhà thờ. Nhà thờ ở Paris thời lớn nhỏ kẽ hàng trăm cái, có mấy cái thiệt to thiệt đẹp, thật là những công-trình vĩ-đại của nghề kiến-chúc dời xưa. Tôi có xem nhà thờ *Notre-Dame* là nhà-thờ lớn nhất ở Paris và có lẽ ở cả Âu-châu nữa, chắc các ngài cũng đã biết tiếng; nhà thờ *Madeleine*, làm theo kiểu các thần-tụ Hi-lạp dời xưa, trông có bề-thể uy-nghiêm lâm; nhà thờ *Sainte-Chapelle*, ở khuất vào trong sân Tòa Án, tuy nhỏ mà tương-truyền là một nền kiệt-tác trong kiểu kiến-chúc « gó-tích » (*gothique*), trong có bộ tượng 12 ông thánh tôn-đồ và những kính ngũ-sắc tuyệt đẹp về thế-kỷ thứ 13; nhà thờ *Saint-Sulpice*, qui-mô hoảng-vĩ, làm ghé theo kiểu Hi-lạp, dựng từ thế-kỷ thứ 16-17, có lẽ là nơi giáo-đường to rộng nhất ở Paris; nhà thờ *Sacré-Cœur* ở trên dống cao

xóm Montmartre, dựng theo kiều roman và kiều byzantin từ năm 1878, kinh phí mất hơn 30 triệu quan, có một quả chuông nặng 2 vạn 6 ngàn cân; nghe nói năm trước có một bọn phản-bảo nước Mĩ muốn xuất tiền ra mua cái nhà thờ đó mà không được;—đó là mấy nơi nhà thờ lớn và có tiếng nhất; còn nhiều nơi khác nữa nhỏ hơn nhưng có lầm, các nhà sử-học, nhà khảo-cố lại lấy làm qui và đẹp hơn các nơi lớn kia, như nhà thờ Saint-Germain des Prés, Saint-Germain l'Auxerrois, Saint-Séverin, v. v., tôi đều đi xem gần hết cả. Đến những nơi nhà thờ cổ ấy cũng vào xem những cổ-vật-quán như Musée de Cluny, mới biết rằng cái văn-hóa cũ của nước Pháp đã sờ-đắc ở đạo Gia-tô nhiều lầm. Từ đời Đại-Cách-mệnh trở về trước, trong khoảng một nghìn năm, các nghệ-thuật ở nước Pháp, đều chịu ảnh-hưởng của tôn-giáo, hình như tăm-nhiêm cái tinh-thần của tôn-giáo cả; bao nhiêu những đồ-vật cổ ở các viện bảo-tàng toàn là những đồ tết-tự ở nhà thờ cả, và bao nhiêu những công-trình kiến-chúc lớn về đời trước toàn là nhà thờ hết. Ngày nay cái phong-trào tự-tưởng tự-do mỗi ngày một thịnh, song người Pháp cũng không nên quên cái công to của Giáo-hội đã giúp cho văn-hóa trong nước bấy lâu nay.

Những nơi danh-thắng ở Paris còn nhiều lầm, tôi chưa từng xem hết được, và trong những nơi đã từng xem qua cũng không thể kể hết trong một bài diễn-thuyết được. Nay tôi đã lược-thuật những sự kiến-văn cảm-tưởng, xin cũng nói qua mấy câu về sự hành-vi của tôi trong mấy tháng ở Paris. Như tôi đã nói, chủ-ý tôi đi Tây là định đê quan-sát cái văn-minh của qui-quốc. Song công-nhiên là đi về việc Đầu-xảo, cho nên cũng phải họp mặt trong một vài buổi hội tiệc ở Marseille, như hôm khánh-thành trường Đầu-xảo, hôm đón quan Thượng-thư SARRAUT, đón quan

Giám-quốc MILLERAND. Nhưng xong việc rồi, tôi lên Paris ngay. Đến nơi có mấy trường học hội-học mời tôi diễn-thuyết, tôi cũng muốn nhân dịp nói cho người qui-quốc biết nước Việt-Nam, người Việt-Nam thế nào. Tôi diễn-thuyết cả thảy năm lần, không kể những khi lâm-thời thù-ingu phải nói giãm ba câu không có quan-hệ gì; lần thứ nhất ở Trường dạy tiếng Đông-phương nói, về sự tiến-hoa tiếng An-nam ta, kể rõ tiếng An-nam vốn quan-hệ với chữ nho thế nào và ngày nay chịu ảnh-hưởng của chữ Pháp vẫn Pháp thế nào;—lần thứ nhì ở trường Thuộc-dịa, là nơi dạy các quan cai-trị sang làm việc bên này; bài này là dài hơn và quan-hệ hơn cả, nói về cái tâm-lý của người Việt-Nam mình từ khi có Qui-Bảo-hộ đến giờ; đại-khai nói rằng hồi đầu vị không hiểu cho nên đã phản-dối, song sự phản-dối đó cũng là lẽ tự-nhiên, sau biết rằng người mình còn thiểu-thốn nhiều lầm, nên nay hết lòng trông cậy ở qui-quốc ra sức khai-hóa cho có ngày mở mày mở mặt dược với thế-giới; các qui-quan sang dày từ xưa đến nay, ngài nào cũng giảng cái chủ-nghĩa Pháp-Việt-dẽ-huề, nhưng muốn cho hai nước dẽ-huề phải cho ích-lợi quân-chiêm, nay về phần chúng tôi đã đem cái quyền tự-chủ trong nước, đem những sản-vật thiên-nhiên cùng nhân-công lao-dộng mà phó-mặc cho qui-quốc lợi-dụng sai khiến, qui-quốc nên nghĩ lại thi-thố thế nào cho khỏi phụ cái lòng mong-mỗi của cả một dân-tộc; nhưng dù thế nào chúng tôi cũng một lòng tin cậy, vì đã biết rằng qui-quốc là một văn-minh-dai-cường-quốc trong thế-giới, xưa kia đã từng di giải-phóng cho các dân-tộc khác bị lao-lung cũng đã nhiều, có lẽ đâu đối với thuộc-quốc của mình lại không ra tay tể-dộ;—lần thứ ba ở Hội « Đông-phương-Ái-hữu-hội » là một hội những thân-sĩ ở Paris có lòng yêu-mến cái cổ-văn-hóa của các nước

**Đông-phương**, lần này nói về thi-ca Việt-Nam, dịch những câu ca-dao hay của ta và giảng về truyện Kiều, kết-luận rằng tiếng An-nam cũng là một thứ tiếng hay, chờ không phải là một cái thò - âm man - mọi gì, và trong các trường của Quý-Chính-phủ đặt ra để dạy học người An-nam không hề lấy tiếng An-nam mà dạy cũng là một sự khả-quai ; — lần thứ tư, dự tiệc ở Hội Địa-dư-học Paris, nói về cái chủ-nghĩa của Hội Khai-tri-tiến-đức ; — lần sau cùng, nói tại Hội Hán-lâm, ban luân-lý và chính-trị-học.

Lần này thực là một sự may-mắn lạ thường, và cũng là một sự vinh-hạnh cho tôi quá. Tôi có dâu dám mong được vào nói ở một nơi tôn-nghiêm như Hội Hán-lâm. Nguyên tôi có quen thân một ông văn-sĩ ở Paris, thường cùng ông đàm-luận về những vấn-dề quan-hệ cho nước ta ngày nay. Ông có quen biết nhiều ở viện Hán-lâm. Ông khuyên tôi rằng : « Ông nên ra nói ở Hội Hán-lâm, han luân-lý-chính-trị-học. Nói ở đấy có ảnh-hưởng và có giá-trị hơn chỗ khác nhiều. » Tôi nói rằng tôi cũng biết vậy, nhưng tôi tuổi trẻ, không có danh-gia gì, ở Paris không ai biết, thế sao mà vào diễn-thuyết ở Hội Hán-lâm được. Ông bảo không hề gì, để ông thân-bành giới-thiệu cho ông vĩnh-viễn-thư-ký Hội Hán-lâm, tức là người chủ-nhiệm các công việc trong hội. Ông vĩnh-viễn-thư-ký ban luân-lý-chính-trị chính là quan Giáo LYON-CAEN dạy Pháp-luật ở trường Đại-học Paris. Ngài tiếp-dài từ-lẽ lâm ; nói khuyên hồi lâu, rồi ông văn-sĩ quen tôi mới ngỏ ý riêng cho ngài hay. Ngài ngăn-ngại mà nói rằng : « Hội Hán-lâm còn có một kỳ hội-dồng cuối tuần-lẽ này nưa thời giải-tán để nghỉ hè, mà kỳ hội-dồng này nưa nhiều việc quá. Vả, trừ các thông-tin hội-viên của hội ở các nơi, còn người ngoài vào, gọi ở đây cũng ít. Người Đông-phương thời năm trước có một ông bác-sĩ người An-đô,

nhưng ông thuộc tiếng Anh hơn tiếng Pháp, nói khó nghe lắm. Tôi xem ông đây nói tiếng Pháp được, song xin đề tôi nghĩ và thu-xếp xem có đủ thi-giờ để ông nói không. » Cách hai ngày thì tôi nhận được thư của ngài trả-lời rằng đến ngày thứ bảy 22 Juillet đúng 2 giờ được phép lại Hội Hán-lâm để diễn-thuyết, và thời-hạn nói chỉ được mười-lăm phút mà thôi. Bữa ấy là chiều thứ tư. Được thơ tôi lấy làm mừng lắm, với-vàng nghĩ một cái đề để thảo bài diễn-văn. Tôi nghĩ trong các vấn-dề thiết-yếu cho người minh bầy giờ không gi bằng vấn-dề giáo-dục. Tôi bèn thảo một bài tả rõ cái tình-trạng sự giáo-dục ở nước ta, phản-trần những điều lợi-hại, những sự khó-khăn và hỏi ý tòa Hán-lâm nên giải-quyết thế nào cho hợp lẽ. Tôi nói rằng nước Việt-Nam là một nước cổ, vốn dã có một cái văn-hóa cũ, nhưng cái văn-hóa cũ ấy ngày nay không thích-hop với thời-thế nưa, cần phải có cái văn-hóa mới đời nay thì mới có thể sinh-tồn được trong thế-giới bây giờ. Cái văn-hóa mới ấy, dân chúng ta nhờ Quý Đại-Pháp truyền-bá cho. Hội đầu qui-chánh-phủ dạy người An-nam chẳng qua là dạy lấy ít tiếng tây để sai-khiến các công việc cho dễ, chưa phải là truyền-bá văn-minh học-thuật gì. Gần đây mới gọi là bắt-dầu ban-bố một cái học cao hơn trước một chút. Nhưng trong sự truyền-bá cái học mới ấy, có nhiều nồng-nỗi khó-khăn, qui-chánh-phủ vẫn chưa giải-quyết được ổn-thòa. Nếu dân Việt-nam là một dân mới có, chưa có nền-nếp, chưa có lịch-sử gì, thì qui-quốc cứ việc hóa theo tây cả, dạy cho học chữ tây hết cả, đồng-hòa được đến đâu hay đến đó. Nhưng ngặt thay, dân Việt-Nam không phải là một tờ giấy trắng muỗn vẽ gì vào cũng được; tức là một tập giấy đã có chữ sẵn từ đời nào đến giờ rồi, nếu bấy giờ viết đè một thứ chữ mới nữa lên trên, thì e thành giấy lộn mất. Cho nên bấy

giờ dạy khắp chữ tay cho người An-nam từ tuổi nhỏ đến tuổi lớn, như ở các trường Pháp-Việt ngày nay, kết-quả chỉ đủ làm cho người An-nam mất giống An-nam mà chưa chắc đã hóa được theo tay bắn, thành ra một giống lủng-lo, thật là nguy-hiểm. Muốn tránh sự nguy-hiểm ấy chỉ có một cách : là dạy cho con trẻ An-nam bằng tiếng An-nam cho hết bậc tiểu-học, lấy cái phồ-thông-giáo-dục bằng quốc-văn làm gốc cho nền giáo-dục trong nước, như thế vừa tiện mà vừa mau, vì không mất thì giờ học một tiếng nước ngoài dở-dang không đến nơi và không dùng được việc gì. Học trò đã được bằng tốt-nghiệp tiểu-học bằng tiếng An-nam rồi, bấy giờ mới kén chọn người nào có sức học được lên các bậc trên Lũa, như trung-học đại-học, thời cho vào một trường dự-bị chỉ chuyên học tiếng Pháp, nhưng học theo cách tần-tốc, như người Pháp học tiếng Anh tiếng Đức, nghĩa là học như học tiếng ngoại-quốc vậy. Học thế chỉ vài năm có thể thông chữ Pháp đủ theo được các lớp trung-học như bây giờ. Như thế mới khỏi được cái nguy-hiểm thành một hạng người dở-dang, tốt-nghiệp ở trường tiểu-học ra chữ tay không đủ dùng được việc gì, mà cái phồ-thông thường-thức học bằng chữ tay cũng còn mập-mờ chưa lịnh - hội được hết, còn tiếng của nước nhà thì hầu như quên cả, v. v. — Ấy đại-khai những ý-kiến tôi đã phân-trần trong bài diễn-văn ở Hội Hán-lâm như thế, toàn là những ý-kiến tôi vẫn từng bàn-luận trong báo *Nam-Phong* bấy lâu nay. Nhưng có dịp mà trình-bày cái vấn-dề giáo-dục bên nước ta cho những bậc danh-sĩ bên qui-quốc biết, tưởng cũng là một việc hay.

Tôi được cái dịp may-mắn như thế, thực là nhờ ông văn-sĩ đã giới-thiệu cho tôi, và được quen biết ông lại là một sự may-mắn trong cuộc du-lịch

của tôi. Ông là người túc-học đạo-đức, dãi tôi một cách rất ân-cần trọng-bàu, coi như người bạn phương xa; còn về phần tôi thời kinh trọng ông như một ông thầy, vì ông tuổi đã cao mà lại có cái tư-cách cao-thượng rất đáng phục. Trong khi lữ-thứ phương xa, được gặp một người có cảm-tình chân-thật như thế, thật là một sự đáng kỷ-niệm một đời.

### Thưa các Ngài,

Bài diễn-thuyết này đã dài lầm rồi. Kè nói chuyện đi Tây của tôi thì nói đến suốt đêm cũng chưa hết. Nay hằng xin dừng lại đây, và nhân tiện tóm-tắt mấy câu về sự du-lịch này có ảnh-hưởng gì cho phần tư-tưởng riêng của tôi.

Mấy bữa sắp dời Paris, các anh em về Marseille cả, còn ở lại duy có ông NGUYỄN VĂN-VĨNH với tôi. Hai người cùng ở một trọ, đêm khuya ngồi buồn, thường bày ra pha nước, uống nước trà, bàn chuyện nước. Nói đến cái nóng-nỗi, cái thói quen cùng cái tính-chất của người mình, nhiều khi không thể không thở dài mà hối-nhiên nóng lòng sốt ruột. Chợt hai người cùng nói, thật là tư-tưởng không hẹn mà gặp nhau : « Lạ quá ! Chúng mình sang đây, hồi-tưởng đến công-việc ở nhà, sao mà nó xa-lắc xa lơ như thế. Nhiều việc mình thường lấy làm quan-hệ, ngồi đây mà xét, sao mà nó bần-tiệu nhô-nhen quá thế ! Người mình chỉ nhoc-nhắn tri-trục những sự chẳng đâu đâu, nào là tranh ăn, tranh nói, tranh đứng tranh ngồi, tranh ngồi, tranh vị, tranh lấy cái tiếng cái miếng hão-huyền ! Không biết rằng đồng-thị là một giống yếu hèn, dẫu hơn nhau được một thước môt bước, đã lấy gì mà đùi-khoái tư-cao. Người Tây họ nói phai thật : ở Paris này, hình như cái óc mình nó rộng thêm ra, cái tư-tưởng mình nó

cao hơn lên; có thể thật. Nhưng mà biết đến khi về nhà có còn giữ được như thế không? Chưa dám chắc! » — Nói đến đây hai anh em đều bật cười.

Từ khi tôi về đến nay, các ngài quen biết nhiều ông có bụng yêu ân-cần hỏi: « Chuyến này đi Tây về, có được gì không? » Tôi hỏi: « Được gì? » — « Được Bội-tinh, được thăng-thưởng chờ gì! » — Nghe câu hỏi mà tôi riêng lấy làm thận, xét mình có công-cán gì mà được những sự vinh-dự đặc-biệt như thế. Không! chuyến này đi Tây tôi cũng có cái sở-dắc, nhưng không phải sở-dắc như thế, sở-dắc được một điều: là được sáng mắt thêm ra, biết cái chân-tinh-thể trong thiên-hạ, biết cái chân-giá-trị của người ta, biết cái

gi là cao, cái gi là sang, cái gi là trọng, cái gi là quý, và những cái mình thường lấy làm quý, chưa chắc đã là quý, cái mình thường lấy làm trọng, có lẽ chưa đáng trọng, cái mình thường cho là sang, vi-tất đã là sang, mà cái mình thường lấy làm cao, chưaắt hẳn là cao. Không, chuyến này đi Tây tôi cũng có cái sở-dắc, nhưng sở-dắc là được sáng mắt ra như thế, chờ không phải sở-dắc cái huy-vinh gì để huyễn-diệu bà con. Vì không được cái gì nữa, mà chỉ được có thể thôi, tưởng cũng bõ công mấy buổi lú-dù say sóng ở trên bờ Án-dô-dương nọ!

Hà-nội, tháng mười năm 1922

PHẠM QUÝNH

## Lập Âu-trí-viên ích lợi như thế nào?

Trong một dân-tộc kè có mấy mươi triệu người cùng sinh-tự ở một quốc-thờ Việt-Nam này mà không có một hợp-quần đại công-li, không có một tể-bần đại công-xưởng, không có một cuộc từ-thiện cứu-tế đại-cơ-quan, chỉ là nhà nào ấm no riêng nhà ấy, nghè nào kiêm ăn riêng nghè ấy, không lập ra một đại đoàn-thề để bảo-trợ lẫn cho nhau, phu-tri lắn cho nhau, thi quốc-dân sao hay cùng được hưởng cái hạnh-phúc chung, sao hay tránh được những nỗi lưu-ly bần-khổn. Vậy cái vấn-dề thiết-yếu bây giờ không gì cần-thiết bằng cái vấn-dề cứu-bần trợ-cấp, mà cứu-bần trợ-cấp thi trước nhất phải thè-sát đến tình-trạng ở chốn lư-diêm, mà tình-trạng chốn lư-diêm thi thảm-thương nhất là đàn ấu-tri. Bảo-dục đàn ấu-tri ấy không phải chỉ trong về một cá-nhan, một tiêu-cục được, phải trong nhờ về một đại-doàn-thề quốc-dân, trên nì-ở có Chánh-phủ Bảo-hộ tim phuơng cứu-tế cho mời

được. Hội Khai-tri tiến-đức là một hội đoàn-thề lớn của quốc-dân, tức là một cơ-quan lớn để vị quốc-dân mưu những việc công-lợi, trừ những việc công-ích. Trong các hội-viên kè biết bao những bậc cao-quan hiền-hoạn, những nhà kỹ-nghệ nông-thương, đã có thừa thế-lực, và có dư tiền-tài, nếu để tâm vào việc từ-thiện để cứu giúp, cho xã-hội, thời lo gì không trông thấy thành-hiệu. Mới rồi hội-dồng quản-tri đã khởi-phát lập ra « Âu-tri-viên » ở các miền hương-thôn, ấy chính là cái vấn-dề quan-hệ đến sự vệ-sinh cho lũ thơ-ấu, lại chính là cái vấn-dề quan-hệ đến sự giáo-dục cho lũ nhi-dồng, mà lại chính là cái công-cuộc cứu-bần tể-cấp cho các hương-thôn, thực là một sự-nghiệp từ-thiện có công-quả lớn-lao bồ-ich cho xã-hội.

Trước nhất ta hãy nói về « Âu-tri-viên » có ảnh-hưởng bồ-ich về sự vệ-sinh như thế nào? Xem ngay như

các trẻ con ở chốn thôn-quê, cách nuôi nấng nhiều nỗi cực-khổ nên thương nêu tủi, phỏng như trong một xóm một làng chừng độ trăm nóc nhà, thời chỉ độ mươi nhà giàu có khá-giả, vài mươi nhà thời lẩn-hồi kiếm đủ bát ăn, còn thời đến sáu bảy mươi nhà gặp cảnh nghèo khó, ăn bữa nay lo bữa mai, ấy cái số nhà nghèo, thuộc về phần nhiều như thế, còn số nhà giàu thì được là bao. Gặp cảnh bần-cùng như vậy, thì lấy gì giữ gìn vệ-sinh cho con trẻ, cha mẹ díra trẻ suốt ngày hoặc đi cấy mướn cày thuê, hoặc đi mò cua bắt ốc, dem cái thân lao-lực đi làm thuê làm mướn, đòn mồ-hôi lấy bát cơm, còn lúc nào là lúc chán con dắt trẻ; con trẻ ở nhà thời hoặc anh công em, em theo chị, đầu dinh xó chợ, trước ngõ bờ ao, bồng bế nhếch-nhác, quần-áo lôi-thôi, chơi bắn chơi thủi, bò lè bò quàng, ăn bậy uống hạ, đau bụng tháo dạ, rồi sinh ra những bệnh bụng ống đít beo, mắt toét tai thối, nghĩ đến sinh-mệnh những đứa trẻ con ấy ai là chẳng thương đau! Ấy cũng vì cách vệ-sinh cho những đứa trẻ con nhà nghèo ấy cơm dã không đủ ăn, chỉ lót dạ bằng bữa ngô khoai, áo dã không đủ mặc, chỉ lót mình bằng manh áo rách, mà lại không có người trông nom chán dắt, chỉ phó mặc đứa trẻ ấy vào cái cảnh trời sinh trời duỗi, nào ai là kẻ doái hoài. Đó là phải cái cảnh nghèo-nàn nó bó buộc mà con trẻ phải khiêm-khuyết về cách vệ-sinh đã dành. Còn như các con trẻ nhà giàu, thời nhiều nhà nuôi nấng cũng không hợp cách vệ-sinh, ăn thi không thiếu gì của ngon vật lạ, mĩ-vị cao-lux, bạ lúc nào cho ăn lúc ấy, không còn có thời giờ chừng-mực nào cả; mặc thì không thiếu gì áo gấm áo vóc, áo dạ áo bông, quần vào cho đầy mình, làm cho không thể thư-thái được thân-thề; lại còn lầm người nàng-niu ôm-ấp con trẻ quá, giữ mãi ở trong màn the buồng kin, kiêng nắng kiêng gió, sợ via sợ van, không dám cho trẻ được lúc nào ra ngoài vận động để hô-hấp

lấy những không-khi trong sạch, ấy cái cách vệ-sinh cho trẻ con nhà giàu tuy không khiêm-khuyết về đường ăn mặc, nhưng lại vì ăn mặc quá-dộ, mà làm hại vệ-sinh. Nói tóm lại thì cách bảo-dục trẻ con ở nước ta nhà nghèo nhà giàu đều không hợp vệ-sinh cả, nhà giàu thời còn khá, chờ như nhà nghèo, thời vệ-sinh khiêm-khuyết cả trăm điều; kinh Thi rằng: « Khả-hỗ phú-nhân, ai thử quỳnh-dộc » nghĩa là nhà giàu thì còn kha khà, không đến nỗi nào, chờ như kẻ cõi-dộc nghèo khổ bơ-vơ, thì rất là thương-thảm. Ấy cái sinh-mệnh của lũ con nhà nghèo, thật là một số phần nhiều thiếu mất cách vệ-sinh.

Mục-dịch « Ấu-trĩ-viên » chính trọng nhất là vấn-dề vệ-sinh cho lũ đồng-ấu, chọn một nơi cao-rào sạch-sẽ, mở một vườn rộng rãi thênh-thang, có cây cỏ-thụ, có vườn hoa thơm, có không-khi trong-sạch, có gió mát thành thời, sáng sớm nhà nào nào giri trẻ con vào thi dã có người bảo-mẫu tắm rửa cho sạch-sẽ, trồng nom cho chơi bời, có quần áo cho thay, có cây đu cho nhôm; trưa đến, có quả lành, cơm giẻ cho ăn, có giường êm chóng mát cho ngủ; đứa nào ghê lở, thi dã có thuốc hôi thuốc rửa, đứa nào ho sốt, thi dã có thuốc bột thuốc viên, đứa nào đan mắt chọc dồn, thi dã có bòng có thuốc đẽ rửa đít cho, bệnh nào thi dã có thuốc ấy chữa ngay đì cho tiệt nọc; đến như trinh-hạn cho ăn cho uống, cho nghỉ cho chơi thi lại rất có điều-dộ, đúng giờ mới cho ăn, đúng giờ mới cho ngủ, đúng giờ mới cho chơi. Trẻ con ở trong vườn Ấu-trĩ tập-quán lâu mãi thành ra tự-nhiên, thời đứa nào cũng ăn có chừng ngủ có độ, khi chơi thi tập đi tập chạy, tập đứng tập ngồi, lúc thời đánh quần đẽ cho khuây-khoa, lúc thời tập hát đẽ cho du-giường, lại còn những lúc chơi thể-thao đẽ cho luyện-tập thân-thề, vận-dộng khí-huyết cho lùn-

thông khoe mạnh, ấy cái cách vệ-sinh cho trẻ con ở trong vườn Ấu-trí như thế, cho nên trẻ con mà đã nhờ được Ấu-trí-viên bảo-đục cho, thì thân-thề càng ngày càng phồng-pháp, khí-lực càng ngày càng mạnh-mẽ, không những là giúp cho nhà nghèo trong khi hằng ngày phải bỏ con đi làm thuê làm mướn; mà lại giúp cả cho con nhà giàu về sự vệ-sinh có tiết-dộ, thề-thao có phương-pháp, thế thì vấn-đề Ấu-trí-viên có ảnh-hưởng bồ-ich về đường vệ-sinh biết là chừng nào !

Sau đây ta lại nói đến Ấu-trí-viên có ảnh-hưởng về sự giáo-dụ nhi đồng như thế nào ? Trẻ con đương lúc mới lên ba lèn bốn, cũng như là nước ở nguồn mới chảy ra, chưa có bùn đen vẫn đục; hoa ở cây mới nhu nụ, chưa có ong bướm bòm xóm, tri-thức nó đương lúc còn non nớt, thời khi chơi đùa, khi trò-chuyện, cần nhất là phải gọi cái ý-trí cho nó theo về đường ngay thẳng, biếu cái vật-lý cho nó biết mọi lẽ thông-thường, thi mới dễ uốn-nắn nên cái tính hay nết tốt, « dạy con từ thủa còn thơ », chính là câu yếu-quyết về phương dạy trẻ con của tiền-bối ta đê lại; nếu bé chẳng vin cả gầy nganh, dứa bé con đã mất cái cơ-sở giáo-đục từ thủa còn thơ, thời không khác gì tấm lụa trắng kia đã nhơ đen, cũng khó lòng mà nhuộm nên vải; hòn đất giẻo kia đã rắn cắc, cũng khó lòng mà nặn nên đồ vảy.

Nay xét đến cái phương-pháp gia-dinh giáo-đục ở nước ta về cách dạy trẻ từ lúc còn thơ-ấu, thi thực là không có qui-tắc gì cả : nói dối dọa có ngáo-đop, thời làm cho ý-trí nó khiếp về sự hú-huyền; nặng-niệu những khi hòn dỗi, thời làm cho tính nết nó quen về thói lung-b匡; cái nết xấu nó tham ăn tham uống, cũng bởi vì hay lấy miếng ăn dứ cho nó gọi lòng tham; cái thói hư nó xin sô hèn mạt, cũng bởi vì

hay lấy tiền bạc dứ cho nó manh lòng lợi. Lại còn những nhà hiếm-hoi thì cha mẹ lại quá nuông quá dường, những nhà giàu sang thi chỉ phó mặc cho người vú ấm đì ngồi lê, dạy cho nói nhảm mà thôi, ấy cái cách bảo-đục con trẻ của nước ta phần nhiều làm hư nết trẻ con như vậy, không kẽ sao cho xiết được. Huống chi những con nhà cung-dinh hạ-hộ, những trẻ nhà lao-lực khổ-công, khi cha còn ở xưởng thợ chưa tan buỗi làm, mẹ còn dở buỗi chợ chưa di về kịp, thời những lũ ngày-ngó măng sưa ấy ai là kẻ chăn nuôi, hoặc buộc ở chân giường dành cho khóc nhéch khóc nhác; hoặc phóng ra ngoài ngõ, mặc cho chơi quàng chơi xiên; thôi thi lũ năm lũ ba, nghịch tinh nghịch quái, những cái thói chửug nó chơi đùa với nhau, nào là mày tao chi tờ, biết gì là nghĩa thân yêu; xưng ông xưng cha, biết gì là tình bê bạn; nói tục nói nhả, nào ai bê bắt cho biết lời ăn tiếng nói; vắng quéo vắng muỗm, nào ai răn bảo cho chừa thói xấu lời thô; tập-dữ tinh-thành lớn lên thi uốn sao cho được; ấy cái nhẫn-cách trẻ con Việt-Nam ta từ lúc u-ơ mới học nói học thura, đến lúc lưỡng-thứng đã biết đi biết chạy, không có một chút giáo-đục gì là chút gia-dinh giáo-đục cả, như thế thi sao cho thành nhẫn-cách được, có phải là nó bầm-sinh ra đã hư hại thể đâu, chẳng qua là chỉ vị cái nghèo làm cho nó thất-giao từ khi thơ-ấu. thế mà cái câu : « con nhà mất dạy », xưa nay chỉ đồ tội riêng cho lũ nhi đồng, thực là oan lầm thay ! thực là đáng thương lầm thay !

Mục-dịch Ấu-trí-viên chính là trắc-trọng về sự giáo-đục cho lũ con trẻ, những đứa trẻ lén ba lén bảy, đều tùy theo tuồi nhiều ít mà chia làm ba ban, mà cách dạy giản-dị thường phân ra có ba khoa : hoặc

là bày những đồ phảm-vật cho chơi, hoặc là phó những thức mĩ-miều cho xem cho nhận, hoặc là gợi mọi đường tri-thức cho biết cho hay. Lại còn chia các khoa-mục : 1º là du-hí, nghĩa là cho chơi đùa cốt để cho hoạt-dộng thân-thề, khoái-lạc tâm-tinh, trong cách chơi mà cũng ngũ có ý giáo-dục, đại-khai chia ra hai cách : một là cách cộng đồng du-hí là để cho một đàn trẻ cùng chơi trong một vườn rộng, hoặc cùng tập di, hoặc cùng tập hát, hoặc cùng đi lại chuyện trò với nhau, để cho nó biết cuộc giao-tế là một thú vui chung, lẽ hợp-quần là một đoàn-thề lớn ; rồi tự khắc nó biết cái lẽ cùng sinh-hoạt với nhau trong một xã-hội, thời nó tư sinh ra lòng ái-quần ; chờ không như trước kia con nhà nào ở riêng nhà nấy, chỉ cục-hạn riêng một gia-dinh mà sinh ra lòng ghen ghét tranh đánh lẩn nhau. Hai là cách tùy-ý du-hí, là tùy-ý cho lũ trẻ đứa nào muốn chơi thức gì thi chơi, hoặc đứa thi bày những miếng gỗ thắt-xảo<sup>(1)</sup> để làm ra hình bút-hình-nghiên; hoặc đứa thi cắt những miếng giấy ngũ-sắc để làm ra cái thuyền cái chong; hoặc ru đứa bé con bằng bông, hoặc ấm con mèo nhỏ bằng cùi, tùy-ý mỗi đứa chơi một cách, tuy chơi đó mà cũng là gợi cái hứng-thú cho nó biết yêu người yêu vật, mà cũng là khai cái tri-thức nó cho biết nghĩ biết suy về mọi cách chế-tạo vật-hình. 2º là đàm-hoại, nghĩa là nói chuyện cho trẻ nghe những câu chuyện có thú-vi có sự thực, hoặc nhân cái cảnh-vật thiên-nhiên mà tả ra cho biết, hoặc lấy cái phảm-vật công-xảo mà vẽ ra cho hay, thuần là những câu chuyện có ích để hâm-dưỡng đức-tinh, khai-thông tri-thức cho trẻ con, như là dẫn những chuyện ngũ-ngôn : gà mái nuôi con,

qua con mồi mẹ, thỏ rùa thi chạy, ong kiến họp đàn, vân vân, để cho nó hiểu biết vật-tinh; lại thường nói những chuyện luân-lý đồng-hoại như là chuyện : Không Dung nhường lê, Hoàng Hương ấm chiếu ; thiếu-niên anh-bùng như là chuyện : Cờ lau ông Đinh Bộ-Lĩnh, ngựa sắt ông Đồng Thiên-vương, ấy cái cách nói chuyện như thế thì không những là làm cho trẻ con vừa vui vừa thích, mà lại nuôi được lòng khì-khai, giảng được nghĩa luân-thường. 3º là xướng-ca, nghĩa là cho trẻ tập hát những câu ca-dao bình-dị để cho di-dưỡng tinh-tinh, và để luyện-tập cái giọng phát-thanh cho nó rõ-ràng trong trேo, như hát những câu : « . . . Gà cùng một mẹ chờ hoài đá nhau, . . . . . người trong một họ phải thương nhau cùn, » thời trong lũ tiểu-ahi tự-nhiên sinh ra lòng thân-ahi ; hoặc con trai thời hát : « . . . dùi mài kinh sủ để chờ kịp khoa, » con gái thời hát : « . . . . khi vào canh cữi khi ra thêu thùa, » cho nó hát những câu bình-dị như thế, trước là để cho nó hiểu những âm-diệu ca-tù, và biết cái phận-sự con trai con gái ; sau nữa là uốn nắn cái thanh-âm cho nó được hòa-nhã êm-dềm. 4º là thủ-kỹ, nghĩa là cho trẻ học làm những nghề thủ-công giàn-dị, hoặc cầm cái bút chì xanh dò để học vạch những nét ngang nét sô vẽ ra những hình con thú con cầm ; hoặc tập xe sợi chì xanh dò để xâu những hạt chai hạt cườm, mà tết ra những vòng chữ a chữ h. Ấy những cách dạy như thế cốt là cho trẻ tập những sự dễ dàng, hát những câu thiền-cản, chờ không nêu bắt làm cưỡng-bách và không nên để cho làm quá độ ; chỉ cốt khiếu cho tâm-thân đứa trẻ tập quen những nét lương-thiện và càng ngày càng phát-dục kiện-toàn thêm ra,

(1) Thắt-xảo là 7 miếng gỗ, miếng thi vuông, miếng thi chéo, miếng thi chữ nhật, để bày ra các hình.

thứ nhất là phải chú ý về tâm-linh và sự hành-dộng của đứa trẻ phải thường sửa bảo luôn luôn, tinh trẻ nhất là hay mồ - phỏng bắt chước, thời phải lấy những lời hay nết tốt để làm phép tắc cho những trẻ con.

Nói tóm lại những khóa-trình bảo-đục trong hàng ngày đại-luợc như sau này : 1<sup>o</sup> hội - lập, là họp sắp thành hàng hai hàng ba để cho tập đi; 2<sup>o</sup> tu-thân-hoại, là nói những chuyện luân-lý thông-thường để cho học sửa minh; 3<sup>o</sup> thứ - vật - hoại, là nói những chuyện sự-vật ngũ-ngôn có lý-thú; 4<sup>o</sup> bày những miếng gỗ vuông hoặc chéo chồng lên làm cái đình cái chùa; 5<sup>o</sup> bày những miếng ván vuông ngũ-sắc có diêm hoa mà ghép lại cho liền hoa như viên gạch lát hoa vây; 6<sup>o</sup> tập cắm dưa lên cái ván có lỗ thủng sẵn thành ra hàng năm hàng ba hình như bát-quái; 7<sup>o</sup> chồng những cái vòng sắt hoặc toàn vòng hoặc nửa vòng để làm cái hình nhà hoặc mọi hình-thức; 8<sup>o</sup> sắp những hột đậu ngũ-sắc dán liền lại làm thành hình hoa; 9<sup>o</sup> xâu những hạt chai hạt cườm các mùi giòn-sắc nhau rồi tết lại thành ra hình chữ; 10<sup>o</sup> đan những giấy lè ngũ-sắc làm thành một bức ván vẽ; 11<sup>o</sup> xếp giấy lại làm thành cái thuyền cái hoa; 12<sup>o</sup> lấy kim châm vào giấy làm thành ra các kiều hoa đẹp; 13<sup>o</sup> tập khâu tập tết; 14<sup>o</sup> cắt quần áo giấy; 15<sup>o</sup> tập vẽ đơn sơ; 16<sup>o</sup> tập đếm con số; 17<sup>o</sup> tập đọc tập nói những lời lẽ-phép; 18<sup>o</sup> tập viết những chữ giản-dị; 19<sup>o</sup> tập xướng-ca ; 20<sup>o</sup> tập du-hi.

Ấy cái khoán-trình trên này cả thầy có hai mươi mục, cứ trong một tuần-lễ, hoặc cho chơi một vài thứ, hoặc cho tập một nghề, thay đổi luôn luôn để cho trẻ con khỏi chán; mà khi chơi khi tập phải có trình-hạn chia ra từng giờ. Đại-khai qui-thức bảo-đục cho trẻ con ở trong Ấu-trí-viên như thế, thời đứa trẻ con đã được nhờ có cái cơ-sở

giáo-đục gây nên từ bé, từ lúc lên ba đến lên bảy, trong ba bốn năm trời, hẳn là nó tiêm-nhiễm được nết hay, uốn nắn được tinh-tốt, đến khi lớn lên đem vào trường học, thời ông thầy cũng dễ dạy cho chóng nén được tư-cách con người, như thế thì Ấu-trí-viên chẳng là cái ảnh-hưởng về sự giáo-đục lắm ru!

Ấy Ấu-trí-viên là có bồ-ich về sự vệ-sinh như thế, có ảnh-hưởng về sự giáo-đục như thế, thời cần nhất là phải tuyển-lấy các bảo-mẫu cho có tư-cách. Song tư-cách bảo-mẫu mà cầu cho được hoàn-toàn, thời trước nhất là phải có phò-thông giáo-đục, phải có biết cách bảo-đục, phải có biết cách vệ-sinh, mà thứ nhất là phải có lòng từ-thiện, tinh-cần-mẫn. Nước Nhật khi mới lập Ấu-trí-viên có đặt riêng ra một khoa để luyện-tập bảo-mẫu, tuyển đàn bà từ ba mươi, bốn mươi tuổi trở xuống, có tinh-nết tốt, thể-chất mạnh cho học qua những phương-pháp bảo-đục khẩn-yếu trong một năm; rồi bồi đì làm bảo-mẫu các Ấu-trí-viên. Về sau tuy bãi khoa luyện-tập bảo-mẫu ấy đi, nhưng trong các ban nữ-tử sự-phạm khi sắp tối-nghiệp, thời đều dạy cho phép bảo-đục Ấu-trí cả. Vì thế nên năm Minh-trị thứ 39, đã lập được 360 Ấu-trí-viên, có đến 979 người bảo-mẫu, nuôi được 32,791 trẻ con, đến bây giờ thời thiết-lập ra khắp cả mọi nơi, không biết đâu mà kể.

Một nước mà nhiều Ấu-trí-viên, thời cần nhất là phải có nhiều bảo-mẫu, mỗi một người bảo-mẫu chỉ hạn-dịnh bảo-đục được 40 đứa trẻ con, mà mỗi một Ấu-trí-viên chỉ hạn-dịnh dung được 100 đứa, vườn nào rộng lẫm có cái trường-sở đặc-biệt thời mới dung được đến một trăm rưỡi đứa là cùng.

Đàn bà nước ta xưa nay vẫn sẵn lòng thương yêu con trẻ, tuy về việc

bảo-dục không có học-thức phò-thông, nhưng vẫn sẵn có cái lòng từ-thiện, nếu các bà thương-lưu đề tâm xướng-suất lên cho, để làm gương cho kẻ khác, thời sau này luyện-tập bảo-mẫu cũng không thiếu gì người.

Ấy công-cuộc Ấu-trĩ-viên là một sự-nghiệp từ-thiện có công-quả lớn-lao bồ-ich cho xã-hội như thế, tuy rằng nhất-so sáng-lập có nhiều sự khó-khăn, và cũng chưa có thể làm ngay cho hoàn-bị mọi điều như đã kẽ ở trên được. Nhưng trước nhất là phải trù-khoản cho có tiền thường-chi, cốt là phải trống về những nhà từ-thiện có hăng-tâm hăng-sản; các nhà từ-thiện nứoc ta xưa nay vẫn sẵn lòng tán-thành cho mọi việc công-ich, há lại chẳng nghĩ đến sự công-ich lớn-lao này là sự tạo-thành quả-phúc cho lũ trẻ thơ cùng trong một nòi một giống; tạo-phúc như thế mới thực là tạo-phúc trống thấy nhau-liền, mà lại có thể di-phúc về mai-hậu; còn hơn là lập đàn chung-sinh, dúc chuông làm phúc, chỉ là cầu phúc ở cõi u-minh; mà những đàn Ấu-trĩ kia nheo-nhóc ở trước mắt mình, ý-oi ở bên tai mình, trống thấy cái tinh-cảnh nghèo-khổ như thế lại không bỏ ra ít nhiều để giúp đỡ cho thành công-quả, nhà từ-thiện không lẽ nào lại nhẫn-tâm như thế bao giờ. Ai chẳng biết thừa tiền thừa của, thì đề cho con cháu mình về sau, cái thường-tinh yêu con ai là chẳng thế. Nhưng phải biết rằng nếu chỉ khư-khư giữ của cho con cháu mà không biết lưu-tâm về đường vẹ-

sinh giáo-dục cho con cháu, để đến nỗi con cháu mình hư thán mất nết đi từ thủa bé, thời đầu đề cho bao nhiêu tiền cũng chỉ làm thêm cái hư cho cậu ấm cô chiêu; xưa nay những con nhà thất-giáo, vị-tất đã trường-hưởng được cái già-sản của tồ-phụ di-lai. Gi bằng ta coi con cháu làng xóm, con cháu họ-hàng, con cháu anh em chú bác cũng như là con cháu mình, nếu mình đề của cho con mà gặp phải con hư di nữa, thời mình cũng còn bớt được ít của để giúp đỡ cho con cháu anh em chú bác, hoặc con cháu trong họ ngoài làng ở trong Ấu-trĩ-viên, tạo-phúc cho Ấu-trĩ-viên tức là đề phúc-trach cho con cháu mình về sau đó. Ước-ao rằng những nhà quan sang mà có dư tiền thừa-thế muốn mong để phúc-ấm cho con, thời nên lưu-làm đến Ấu-trĩ-viên; những nhà tư-bản, mà có dư tiền thừa-thóc, muốn mong để cơ-nghiệp cho con, cũng nên giúp sức vào Ấu-trĩ-viên, hoặc giúp tiền sáng-lập, hoặc bỏ tiền quyên-trợ, để làm cơ-sở lập ra Ấu-trĩ-viên; hoặc may quần áo, hoặc mua đồ chơi, để làm ăn-vật mà tặng cho Ấu-trĩ-viên. Ấu-trĩ-viên mà được thiết-lập khắp ra cả mọi nơi, thời dùn ấu-trĩ cùng trong nòi Hồng Lạc ta, sẽ được nhờ về cách vệ-sinh, nhờ về đường giáo-dục, mà thành nên được một dân-tộc mạnh-mẽ, một xã-hội hoàn-toàn, há chẳng phải là một sự-nghiệp từ-thiện lớn lao bồ-ich cho chủng-tộc nứoc nhà lầm ru!

Đông châú  
NGUYỄN HỮU-TIẾN

## KHẢO-LUẬN VỀ CÁCH HÀI-VĂN

Hài là gì ? Hài là những lời hi-hước. Kinh Thi có nói : « Thiện hi-hước hỡ, bất vi ngược hè », Nghĩa là trong cuộc công-chung, đàm-luận về lúc vui chơi, nên dùng một cách hài-hước để mua vui ; nhưng mà trong khi hài-hước, phải nên nhã-nhặn, phải nên khéo khôn ; chờ khiến cho trái mắt lẽ thường, mà xâm vào cách thô-bỉ.

Thế thời thánh-nhân có hi-hước không ? Thưa rằng có.

Khi xưa đức Khổng phu-tử ngài có qua chơi ấp Vũ-thành ; ông quan cai-trị ấp đó, tức là người mâu-dệ ngài là thày Ngôn-Yên ; ấp đó nguyên là cái ấp làm-thường nhở-nhặt, không quan-hệ và không giá-trị gì ; mà dân-phong đó lại là dân-phong vũ-dũng cường-lương ; tự lè-thường mà coi ra, thì đối với địa-phương ấy và dân-phong ấy, chẳng qua dùng một cái thủ-doạn nghiêm-mãnh, khiến cho dân đó biết được pháp-luật, tránh khỏi tội lỗi, thế là trách-nhiệm dù.

Nhưng thày Ngôn-Yên lại không thế, bắt đầu đến cai-trị đất Vũ-thành, chấn-hưng ngay sự học ; khiến cho trai dâu trộm đuôi cướp xưa nay, ném những đồ giao-gắm quâ-dẩm ấy đi, mà đọc lên văn Đại-nhã Tiêu-nhã ; gái trốn chúa lòn chồng dây đó, bỏ những thói ăn-xôi ô-thi ấy lại, mà hát lên thơ Chu-nam Thiệu-nam ; nào là những khúc « *U-n minh-lộc thực dã chi binh, ngũ hưu gia-tân, cõ sát xvg sinh,* » varg lừng ở nơi ngõ hẻm ; nào là những câu : « *Quan-quan thư-cưu, tại hù chi châu, yều-diệu thục-nữ, quản-lử hảo cầu,* » réo-rắt ở chốn hang cùng ; nào những lúc tiếng đàn chen tiếng học, nào những khi tiếng giảng lẫn tiếng ca ; thế-giới Đạo Trich, biến ra thế-giới Đường, Ngu ;

địa-phương vũ-biền, chuyển ra địa-phương văn-học.

Khi ngài qua đến đất đó, ngài nghe thấy những tiếng huyền-ca ; ngài đã biết hẳn cho rằng chính-sách thày Ngôn-Yên, là cái chính-sách cao-thượng sâu-xa ; mà sau này cái hiệu-quả ở Vũ-thành chắc cũng thu được cái hiệu-quả to-tát dẹp-dẽ ; song ngài lại cả cười mà ngài nói bỗn thày Ngôn-Yên rằng : « Cắt tiết con gà kia, cớ chi phải dùng đến cou dao mồ trâu nọ, » là ý ngài cố hi-hước mà phản-thuyết lại thế, để cho cái tâm-lý của thày Ngôn-Yên đối với dân Vũ-thành thế nào, tự-nhiên khích-dộng mà phải bật ra.

Cũng như trong thấy có mĩ-nhân khi bước ra khỏi cửa, dù mưa dù lạnh, dù nắng dù mát trời thế nào, cũng cứ tắt là phải nón-thúng và quai-thao dịu-dàng ; kẻ thíc - giả đã biết hẳn cho rằng phàm dân bà con gái khi ra ngoài đường phải có cái nón để che đầu, cũng như cái mũ của người dầm để trở-quang, khiến cho bóng mặt có nửa tối nửa sáng, cho khỏi tro-trên, đó là thuộc về cách nữ-dung ; lại phòng khi lở ra phải chen vào đám đông, nhờ có cái nón làm thành làm mờ ; để che mình, cho những giặc bướm ong nó khỏi xâm - phạm đến thân-danh ngà ngọc vậy ; nhưng hằng nói bỗn có mĩ-nhân ấy rằng : Thi buổi tự-do thế này, cớ chi có phải giữ mãi lấy lè khuê-các vậy ; thời cái tâm-lý của cò mĩ-nhân ấy đối với thàn-thể thế nào, cũng phải tự-nhiên khích-dộng mà nói ra.

Lại như trong thấy ông vũ-tướng khi nhảy lên mình ngựa di diêu vòng quẩn, cũng cứ tắt là phải có thanh tràng-kiếm cài ngang lưng ; kẻ thíc - giả cũng đã biết hẳn cho rằng phàm

làm tướng, phải chỉnh-bị vũ-sự ở lúc binh-thời; thiên-hạ tuy rằng thái-binhs nhưng không dám cậy là thái-binhs; thiên-hạ tuy rằng không có giặc, nhưng không dám coi là không có giặc; nếu cờ đến tay mới phất, nước đến chân mới nhảy; thời kịp được sao; nhưng hằng nói bốn ông vũ-tướng ấy rằng: Thiên-hạ thái-binhs vô-sự thế này, có chi ông phải cần mãi những đồ vũ-trang vậy; thời cái tâm-lý của ông vũ-tướng ấy đối với thiện-hạ thế nào, cũng phải tự-nhiên khích động mà diễn ra.

Đó là một cách hi-hước lè khêu-gợi lấy tâm-lý ra; ông-thày dạy học-trò thường có khi dùng mèo ấy để mà xét xem cái đê-uần của người học-trò ấy thế nào, thực là một cách thi-nghiệm khéo-khôn ở trong giáo-giới vậy.

Sau ông Ngõa-Yền qua-nhiên thưa lại rằng: « Xưa kia thày vẫn dạy rằng: « Kẻ làm trên học được đạo, thì biết trách-nhiệm mà yêu người, kẻ làm dưới học được đạo, thì biết nghĩa-vụ mà dẽ sai bảo; ngày nay con bắt dân Vũ-thành phải học đạo, chính là con nghe lời thày đấy ».

Rồi ngài nói rằng: « Yền kia, mi nói phải! cái lời ta nói ban nãy, là cái lời ta hi-hước mi đó mà thôi ».

Phàm những lời không nói chinh-ngôn, mà nói phản-thuyết để hi-hước, đều thuộc về thể hài-dám; nhưng đó đều là cái lời thày trò thi-nghiệm tâm-lý với nhau mà thôi; chưa thành ra bộ-phận hài-hước văn-chương, chưa có ảnh-hưởng gì đến xã-hội cả.

Đến đời Tây-Hán, về khoảng kỷ-nguyễn-tiền năm sáu mươi năm, có ông Đông-Phương Sóc ra đời, ông sao khôi-hài mới thật sáng lòe mọc lên ở cõi Á-dông; ông là con nhà văn-học, thuộc về phái nhà nho; ông thường bàn: « Trò đời, nâng lên thi ở mây xanh, ném xuống thi ở vực sâu, dùng ra thi là hùm, không dùng thi là chuột; tuy vậy, con người ta bá lại chả nên

tu lấy thân, vì như con chim tích-linh, cứ việc mà phi và minh; truyện có câu rằng: « Trời kia chẳng vi người ta ngại rét mà bỏ mắt lệnh đông, đất kia chẳng vi người ta ngại xa mà bỏ mắt thề rộng, người quân-tử chẳng vi đưa tiều-nhân nó nhao-nhao mà bỏ mắt tiết-hạnh. » Khi ông tri-ngộ với vua Han Vũ-dế, ông liền thượng-thư bày ra hai cái chính-sách lực-nóng và lực-chiến để làm giàu làm mạnh cho nước.

Xem vậy, thì ông là con nhà thánh hiền, con nhà kinh-tế, không phải là con nhà khôi-hài; mà lạ thay! cái anh-khi thủa bình-sinh ông phát-hiện ra, lại chuyên về mặt khôi-hài, ông nhất-sinh tao-tế vi nghề khôi-hài, thiên-cô danh-dự cũng vi nghề khôi-hài; ông thực là một ông tị-tồ khôi-hài, từ đó về sau, muốn cầu lấy một tay đệ-nhi Đông-Phương Sóc nữa mà còn chưa thấy ai.

Ông thờ vua Vũ-dế, vua Vũ-dế là người da-dục, nào chinh-phạt, nào thô-mộc, nào thần-tiên, nào vu-thuật, nào tướng-thuật, những sự vô-ich và có hại cho quốc-dân, đều là sự vua ham mến cả; các quan bấy giờ đem lòng trung-ái, cứ lấy lẽ thẳng mà can vua, thì vua thường ít nghe; ông Đông-Phương Sóc thì chuyên về lối khôi-hài, thường có sự không phải can vua, mà tự-nhiên vua nghe; như một sự ông biện bác về tướng-thuật, thi cũng ngực cười lầm thay! mà cũng đến lầm thay!

Vua Vũ-dế bấy giờ mê tướng-thuật, những người tướng-sĩ nó don-bót dở hay; các quan trong triều không khôi vi tướng-thuật mà sinh ra hơn kém; một hôm đang buỗi tại triều, có anh thày tướng nói với vua rằng: « Người nào nhân-trung dài được một tấc, thi sống lâu được một trăm tuổi ». Vua xét nhân-trung các quan ở trong triều không ai đủ được một tấc; mà vua cũng tự

xét nhân-trung vua, và tự than rằng không biết có sống lâu được trăm tuổi hay không. Khi đó, ông Đông-Phương Sóc lấy tay bung miệng mà vỗ xuống chiếu, cười sảng-sắc mãi, vua càng hỏi ông lại càng cười, vua và các quan ai cũng lấy làm ngạc-nhiên ; sau tinh cái cơn cười ấy rồi, ông mới đứng dậy tâu vua rằng : « Chúng tôi không dám cười bệ-hạ, chỉ cười ông Bành-tồ mặt dài đầy thời ! » Là ý cười rằng ông Bành-tồ khi xưa sống lâu tám trăm năm, thì chắc là nhân-trung ông Bành-tồ phải đến tám tắc ; người mà nhân-trung đã đến tám tắc, thì cái mặt dài đến đường nào ! đó là một cái quái-vật, không phải hình người, đáng nực cười vậy ». Ông tâu xong, vua cùng các quan cùng cười ầm cả lên, từ đó các thày tướng mắt nho-nhoe ; cái cách ông dùng mèo khôi-hài để ông can vua và biện-bác những sự vô-lý đại-loại như vậy.

Khi ông làm ra văn-chương, bè trong thi nghĩa-lý, bè ngoài thi khôi-hài, tự-nhiên khiến cho người ta thích xem và thích đọc, từ đó thiên-hạ mới biết văn-chương khôi-hài là có ích, mà văn-chương khôi-hài mới dần-dần có giá-trị.

Về sau như ông Vương Bột đời Đường, ông Tô Đông-Pha đời Tống, ông Lưu Cơ đời Minh, các nhà danh-sĩ, cũng muôn tiếp theo cái hậu-trần, để mà cõ-xúy lên ba-lăng; khiến cho trong làng văn mở ra được cái địa-diện hi-tiểu nô-ma, dựng lên được cái lá cờ quang-quai lục-li ; song lại bị cái phái đạo-học họ chuyên - chử nghĩa-lý, họ bài-bác tỏa-chiết đi, hoặc mang là văn-chương bài-ưu, hoặc chê là văn-chương hi-tiểu ; cho nên trải qua nhà Đường nhà Tống nhà Nguyên nhà Minh khoảng hơn một nghìn năm, cái giông qui hài-văn tuy rằng có manh-nha ra đó, nhưng cũng không phát-dạt lên được.

Đến đời Thanh-mạt, từ hồi Quang-tự năm Giáp- ngọ mới rồi trở về sau, gặp được cái thời-bội đồng-tây kich-

thich, Âu Á giao-thông, cái tư-tưởng mới của Thái-tây tràn vào, cái nghĩa-lý cũ của người Tàu mấy nghìn năm xưa mới lồng-leo ra ; dân Tàu bấy giờ, miệng nói văn-minh nhưng chưa biết nhận-chân-thể nào là văn-minh ; miệng nói hủ-bại, nhưng cũng chưa biết đích-xác-thể nào là hủ-bại ; người thi rằng duy-tân, người thi rằng thủ-cựu ; tư-tưởng và học-thuyết của dân Tàu bấy giờ, thực là láo-nháo như cháo với cơm ; những phái cắp quyền sách cũ, tự-niệm minh là thánh-thần, coi người ngoài là mọi-rợ, thi ra ếch ngồi đáy giếng ; lại những phái quyết chí duy-tân, thâu-thái lấy văn-minh của thế-giới, mà văn-minh thời nam-mác lầm, cũng chưa biết thể nào mà thâu-thái cho phái đường, thời ra chim-chích vào rừng ; lại những phái chỉ hấp được cái văn-minh binh-thíc mà thôi, như ăn-vận cách mới, nhà-cửa cách sang, nam-nữ tự-do, dua nhau nói tiếng ngoại-quốc văn-văn, mà hỏi đến văn-minh tinh-thần như chính-thuật, học-thuật, công-quyền, công-lệ, công-lý, công-đức, thi thật là ủ-li, lai vursion cứ nhởn-nhơ ta đây là phái văn-minh, thi ra con đĩ đánh bồng ; lại những phái cho luân-lý phuong đông khi xưa là cũ-kỹ bất-hợp-thời, muốn bỏ cả di, nhưng mà đời chử hiếu-dẽ, chử tử-ái, chử trung-tín, chử liêm-sỉ, chử xưởng-tuy ra, thi lấy gì mà kết-cấn cho xã-hội, giáo-đục cho gia-dinh, thi ra sầm mât gậy ; bấy giờ thói hay trong dân-gian, ứng-thời mà sinh-sản vô-lương ; mà thói-xấu trong xã-hội, cũng ứng-thời mà suất-lộ vô-cùng ; hài-văn tuy rằng chưa xuất-hiện, nhưng cái tài-liệu hài-văn, đã có một cái kho thiên-nhiên phong-phú ở đó cả rồi.

Bấy giờ các nhà văn-sĩ nhà Thanh, đem tâm-tru-thời mẫn-thể, mới lợi-dụng lấy cách hài-văn, lập riêng ra một thể-tài ở trong văn-xã, gọi là thể-thời-hài ; nghĩa là hài-hước về tinh-

trạng phong-tục ở hiện-thời, đề mong đạt cái mục-dịch khuông-thời, mà tỏ ra cái khồ-tâm cùu-thể, trong rừng hoạt-kê lại bày ra có lâm giỗng, nào là thi-phú, nào là truyện-ký, nào là luận-thuyết, nào là thư-trát, nào là từ-điệu, nào là văn-dáp, nào là khẽ-ước, nào là chương-trình vân-vân, tróc có đến vài ba mươi giỗng; bút-thái cực-ký ly-ký, bút-tinh cực-ký hùng-khoái ; vận-văn biều-văn và tản-văn, đều diễm-nhiêm có cách khôi-hài cả.

Lại mới lạ nhất là một giỗng xuyết-cô bài-văn, xuyết nghĩa là diễm-xuyết chứ không phải là xuyết-thập : đem những bài cô-văn, bất-luận vận-vân biều-văn hay là tản-văn, bài nào nǎo-nùng kỵ-tuyệt, trong dân-gian đã thường đọc quen miệng quen tai xưa nay ; và hoặc những lời thánh-kinh hiền-truyện, đã từng phô-thông ở trong danh-giáo bấy lâu : cô-văn thời trich ra lấy từng bài, kinh-truyện thời trich ra lấy từng chương từng tiết, rồi đem tư-tưởng mới giỏi vào, hoặc trong một bài dồi dì rầm ba câu, hoặc trong một câu dồi dì một vài chữ, thê-chế và cách-diệu thì vươn y-nhiên là cô-ngữ là cô-văn mà mi-mục và tinh-thần thi lại sán-nhiên là kim-văn là thời-vụ ; khiến cho người, ai nấy đều quái-ngạc và bật cười cái thú-vị cũ và cái thú-vị mới, hai cái thú-vị giao nhau, rõ thật là ngô-nghê, mà thật là lý-thủ tài-tinh ; song, cách xuyết-cô có phần khó hơn cách tâu-tài một chút ; bởi vì cách tâu-tài, thì lời chẳng qua tò-diễn cho ý, mà cách xuyết-cô, thì ý lai thêu-khám vào lời ; trong khi thêu-khám đó phải dùng một cách biến-hóa khéo-khôn, dùng để cho có ngắn-tich ; cho nên cách xuyết-cô bài-văn, chờ lấy khắc-hoạch hơn cô làm hay, mà lấy hoạt-động ra kim làm khéo.

Cái lịch-sử bài-văn và cái thê-cách bài-văn, tôi xin xét qua như vậy ; nay

tôi lại xin uôi qua về cái tinh-chất bài-văn :

Hài-văn nghĩa là cái văn-chương ta ra những sự buồn cười, nhưng không phải là sự buồn cười đâu, chính là sự khóc đấy, người quân-tử đã đem lòng yêu-mến loài người, yêu-mến xã-hội, cái sự vui-vẻ của quân-tử, không phải là cái sự vui-vẻ riêng của quân-tử đâu, là cái sự vui-vẻ chung của loài người vậy ; cái sự buồn rầu của quân-tử, không phải là cái sự buồn rầu riêng của quân-tử đâu, là cái sự buồn rầu chung của xã-hội vậy ; người quân-tử khi trông thấy cái tình-trạng xấu-xa cái cơ-mầu hư hỏng ở trong cõi đời, đáng lo đáng sợ, đáng xót đáng thương, bẽ-dòng bao nhiêu nước, thì giọt lệ của người quân-tử đã từng chan-chứa bấy nhiêu, cứ lấy lời-nghiêm nghĩa-chinh mà nói ra, thì khác nào như người trực-bữu người nghiêm-sư, xã-hội tuy có lòng kính-mến, nhưng cũng ít có người số-sã mà thân-yêu, cho nên bất-dắc-dĩ cũng phải góp lấy một vai hè, gạt nước mắt, bước lên vũ-dài, than-vân mấy câu, cười ha-hả, khiến cho người xem nhận khi vỗ tay mỉm miệng mà có cảm-tinh, cho mới biết người quân-tử khi thảo ra bài bài-văn thực là có khồ-tâm lầm đấy ; kẻ tầm-thường thi không thể, thấy người ta có sự xấu, chỉ biết khúc-khích mà cười, thậm-chí thấy người ta có sự tốt hẳn-hoi, lại đem lòng ghен-ghét, bới lòng tim vết ra mà cười.

Than ôi ! cùng là một sự cười, quân-tử cười, kẻ tầm-thường cũng cười ; duy kẻ tầm-thường chỉ biết cười là cười, biết chi cười là khóc ; quân-tử thi cười ở trong trận khóc, khóc ở trong trận cười ; khi thảo ra bài-văn thực là hòa mây hàng-lệ, viết ra mấy hàng chữ ; kỳ-thủy mong cho người ta cùng cười, kỳ-thứ mong cho người ta cùng khóc, lại kỳ-chung mong cho

người ta đòi xấu làm tốt, đòi dở làm hay, đòi dại làm khôn, đòi dũ làm lành; chứ không như những thói thường cốt đẽ tiểu-mạ người, mà đẽ thân ra làm khách-vị ở ngoài xã-hội vậy.

Cho nên trong tinh-chất hài-văn, dẽ phạm nhất là có mấy cái tật xấu; kè làm hài-văn, thực cũng nên hiều trước mà tránh xa.

Một là cái tật thô-bỉ; phàm văn-chương đại-phương, dẽ đúc được về thanh-tao; văn-chương tiêu-thừa, dẽ xâm vào cách thô-bỉ; nhưng phải biết rằng, tinh-chất hài-văn khác với tinh-chất tiểu-lâm; tiểu-lâm mục-dịch ở về giải-buồn, hài-văn mục-dịch ở về phùng-thể; văn-chương tuy thuộc về thể khôi-hài, nhưng cũng phải giữ-gìn câu văn cho có giá-trí.

Hai là cái tật xỏ-xiên; phàm ở đời, có cái nỗi hư thói xấu gì là cái nỗi hư thói xấu công-chung cùng mắng, công-chung cùng chê, thì sẽ mắng sẽ chê; cái chê cái mắng đó, tức là đại-biểu cho công-chung mà mắng mà chê; thi-phi phải cho xác-dáng, thiện-ác phải cho phản-minh, chứ không nên thấy người thò ra có sự gì thi bất-luận thi-phi, bất-văn thiện-ác, đã ngứa miệng ngứa nghè, ngâm-nga nghi-ngoáy, dẽ diễu-cợt và xỏ-xiên chơi; khiến cho cái mầm vi-thiện có thể vì đó mà thui đi; đó là con người có tội-ác với xã-hội, mà cũng là con người dê-liện đáng bỉ đáng khinh.

Ba là cái tật dụng-ý làm cho đau-dớn riêng một người; phàm quan-tử khi làm ra hài-văn, cốt cầm lấy lòng tru-áj, lấy lẽ công-bằng, dẽ ảnh-hưởng cho nghĩa cửu-thể; vậy không nên như thói nhỏ-nhen, nguyên là bình-nhật có ghét riêng một người, khi thảo ra hài-văn, tuy rằng không nói rõ họ rõ tên người ấy, nhưng mà lại hóa ra câu-văn tả-chân cái lịch-sử xấu-xa của người ấy; mà so-sánh với công-đạo công-lý ở trong nhân-quần xã-hội, thì cũng

không có ý-vì gì thi thật là vô-ích.

Bốn là cái tật xâm-phạm đến chính-lý; tuy rằng hài-văn đó, nhưng cũng phải theo trong khuôn chính-lý, mà tả ra cái tinh-trạng dáng thương dáng khóc dáng nực cười, chứ không nên thị-tài lồng-bút, diễn-dảo cho thị-phi, ba-däng cho tâm-hồn, mà xâm-phạm đến mọi đường luân-lý mọi nghĩa tôn-giao của thế-gian.

Năm là cái tật không có thể-lại; hài-văn tuy rằng có đứng riêng ra một bộ-phận ở trong văn-giới, nhưng cũng không có phép được lồng-bóng mà thoát-li ra ngoài thể-cách ở trong văn-dàn; thể-cách ở trong văn-dàn thể nào tôi đã kè qua như trên; thể lớn thời như truyện-kỳ, như luận-thuyết, như vấn-đáp, như thi-phú, như từ-khúc; thể nhỏ thời như đối-liên, như thư-trát, như lời minh, như lời tự, như lời nụy, như lời văn, như khế-ước, như chương-trình văn-văn; xã-hội thông-hành có giống văn-chương nào, thi tức là hài-văn có giống ấy, văn-chương khôi-hài chẳng qua là lẩn bóng ở trong văn-chương chính-thức mà thành; nếu cây là bài-văn, gấp đâu viết đầy, thoát-li ra ngoài thể-cách trong văn-dàn, thời khác nào như người có bệnh điên-cuồng, lia cửa lia nhà, xé quần xé áo, chạy quàng chạy xiên, nói lẩn nói thẩn, thì lại càng dơ lắm, cho nên phép làm hài-văn, cái tài-liệu hài-hước phải nên phong-phù và li-kỳ, mà cái thể-cách ở trong văn-dàn, khi mượn ra mà dùng về lối hài-hước, lại phải nên rất là tinh-nghiêm, như vậy thời bài hài-văn viết ra, mới có thể-lại, mới có giá-trí.

Vì bằng chỉ cớp-nhặt lấy những bâ-căn ở trong tiểu-lâm, để cung những sự hi-tiểu cho những người hạ-lưu ở trong xã-hội; hay hoặc vơ-vào lấy những sự tần-mùn ở ngoài ngõ ngoài đường, đem về chắp nối lại lấy giảm ba câu hài-dám mà xem ra thì không

thành thiên-bức gi cả, như vậy thời sao dù gọi là hài-văn ; song những hạng đó là những hạng tầm-thường, không có tư-tưởng, không có văn-chương, dành vô-túc-luận ; còn thời gián-hoặc cũng có những người hơi có tư-tưởng, hơi có văn-chương, trông thấy cái tình-trạng trong xã-hội đáng khóc đáng cười, cũng chịu khó tia-tot mấy câu hài-văn, dè phô bày ra tấm nhiệt-huyết ; nhưng mà chỉ vi một nỗi không biết chú ý về thê-tài, rồi thành ra văn-cục thì lôi-thôi, văn-khi thì yếu-ớt, văn-tinh thì nhạt-nhẽo, văn-thê thì dở-dang, không đủ cái tính-chất hài-văn, khiến cho người đọc không có cảm-động và hứng-thú gì cả ; như vậy mà cũng gọi là hài-văn, thì khác nào như trỗ dỗng rạ làm con voi, nhận người bồ-nhin làm ông tướng vậy.

Cho nên phải biết rằng cách văn-chương khôi-hài, ngắn tự bốn câu thơ trở lên, dài tự năm mươi trang truyện-ký hoặc luận-thuyết trở xuống, đều là theo trong khuôn văn-chương chính-thức mà chế ra thiên-bức và biến ra thê-tài.

Lại phải biết rằng cách văn-chương khôi-hài, thực là có quan-hệ về một cái tài đặc-biệt, cũng như cách làm thơ ; bởi vì cách văn-chương khôi-hài là một cách văn-chương mảnh-khởe, văn-chương bóng-bảy, so với văn-chương chính-thức, thật khác nhau xa ; tuy vậy, cái cách mảnh-khởe, cái cách bóng-bảy cũng không khó gì, chỉ khó về trong chốn mảnh-khởe lại có tâm-huyết, trong chốn bóng-bảy lại có đạo-đức mà thôi ; kẻ làm hài-văn, lại phải nên chú ý về đường học-văn

về đường quan-sát lầm lầm, chứ không nên cậy tài.

Than ôi ! văn-chương chính-thức mà có giá-trị, ít thấy và đáng qui đă dành ; văn-chương khôi-hài mà có giá-trị, lại thực là ít thấy và đáng qui lầm thay ! rứng văn quốc-ngữ ở nước ta ngày nay, đã manh-nha ra giống hoạt-ké rồi đấy, các bạn hùng-văn ở trong văn-giới, có lưu-ý cho nhân-tâm phong-tục thì xin cố đi.

Hoặc có người bàn rằng : Văn-chương quốc-ngữ ngày nay, hiện còn dương tenuc về thời-kỳ ấu-trí chưa có định-thê. Tôi trộm nghĩ rằng chưa có định-thê là chưa có định-thê với những kẻ lóng-bóng bất-học mà thôi ; còn như những người uyên-nguyên về Hán-học, hay hoặc thâm-thúy về Âu-văn, lại chẳng nên tham-chước lấy kiều-mẫu đóng tay, dè chẽ-tạo ra nền quốc-văn cho được xứng-đáng hay sao, nếu cứ lấy nê là quốc-văn chưa có định-thê, mà phó-mặc cho những thói lóng-bóng ; dè cho những người cầm cái bút chưa nỗi, đã tự nhận mình là văn-sĩ ; cất lên tiếng còn ngọng, đã tự-nhận mình là zăng-ngôn ; tôi chắc rằng quốc-văn một ngày một hư-hỏng mãi đi, biết bao giờ mong được đến tuổi thành-lập ; tiện đây tôi bàn về cách văn-chương khôi-hài, tôi tại sực nghĩ đến toàn-thê văn-chương chính-thức trong cõi quốc-văn, mà tôi bàn thêm ra một đoạn này, bằng đường như đối-doa vậy ; song cũng là một tấm nhiệt-thành của tôi đối với văn-chương quốc-ngữ ngày nay, xin các bạn quân-tử trong làng văn-xét cho.

Tùng-Vân Dao-Nhân  
NGUYỄN ĐÔN-PHỤC

# VĂN-HỌC-SỨ NƯỚC TÀU<sup>(1)</sup>

## VIII

### CHƯƠNG THỨ XI Thời-kỳ tăng tiến

#### TIẾT THỨ 67

**Các nhà cõ-văn đời Thanh.** — Dương giữa đời Kiền-long có nhà cõ-văn đại-gia là : Diêu Cơ-Truyền 姚姬傳 khởi lên, văn-phái nhà Thanh từ bấy giờ mới thành-lập. Cơ-Truyền tên là Nại 納, người ở đất Đồng-thành. Khi nhỏ theo học ông thê-phụ, lại học văn-pháp ở ông Lưu Hải-Phong và ông Chu Mai-Nhai là người cùng làng, nên giọng văn cao-thượng mà giản-cô, kè ra từ-diệu hay hơn Vọng-Khé, mà văn-lý thâm hơn Hải-Phong, đời bấy giờ gọi là *văn-phái Đồng-thành*. Nguyên đồng-thời với Hải-Phong có Tiền Lỗ-Tú học theo văn Hải-Phong, thường đem những lời thày dạy nói chuyện với hai người bạn là : Hồ-Kinh, Trương Huệ-Ngôn, hai người bèn bỏ không học văn biền-ngẫu nữa mà học lối cõ-văn, thời bấy giờ gọi là *văn-phái Dương-hồ*. Nói theo sau lại có Tân Doanh, Lục Kế-Lộ, nêu văn-phái Đồng-thành lại càng truyền rộng thêm mãi ra. Học trò Cơ-Truyền thời có Trần Dụng-Quang, Mai Tăng-Lượng, Quản Đồng, Lưu Khai, Phương Đông-Thụ, Ngô Đức-Toàn, Diêu Xuân, Mao Nhạc-Sinh, Diêu Oánh đều là trứ-danh về cõ-văn ; nhưng tựu-trung chỉ có văn Bá Ngôn là nêu theo được di-hưởng văn Tich-Bảo, mà truyền-bá lại rộng khắp ra cả mọi nơi, như ở Tích-giang thời có Thiệu Ý-Thời, Tô-châu thời có Lỗ Nhất-Đồng. An-huy thời có Ngô Gia-Tân, Hồ-nam thời có Tôn Đinh-Thần, Quảng-dông thời có Chu-Kỳ,

Bành Giục-Nghiêu, Long Khải-Thụy, Vương Tich-Chấn; nguyên từ Diêu Cơ-Truyền trở về sau này ai cũng bảo là văn-chương trong thiên-hạ đều ở cả phái Đồng-thành. Song về mặt-lưu-nhiều người bắt-chước lối văn ấy lại thành ra sơ-sài quá. Từ năm Đạo-quang, Hàm-phong trở về sau này lại có Tăng Quốc-Phiên, Ngô Mẫu-Thụ khởi lên chấn-chỉnh văn-phong. Văn Ngô Mẫu-Thụ thời không theo một sư-thuyết nào, cho nên sở-dắc cũng giống như văn họ Diêu ; Tăng Quốc-Phiên thời tự bảo rằng bởi họ Diêu khai-phát ra nên minh mới hơi biết được văn-chương, song xét ra thì cũng không có đạo-tập chút gi. Văn họ Diêu thời từ-ý uyên-nhã, nhưng kém cái khí-thể hùng-hồn mại-trực. Tăng Quốc-Phiên thời muốn theo nghĩa huấn-hỗ mà làm ra văn-chương như văn họ Tả họ Ban, có phần lại tinh-tiến hơn. Học-trò họ Tăng thời có Trương Liêm-Khanh, Lê Thủ-Xương, Ngô Nhữ-luân là trứ-danh hơn cả. Lê Thủ-Xương có nói rằng : « Văn-chương bản-triều (Thanh), thè-cách sáng-thủy ra từ Vọng-khé ; đến Diêu Cơ-Truyền thời văn-tứ mới thực nhã-khiết, Tăng Quốc-Phiên mới biến-hoa làm cho rộng rãi thêm ra ». Lời nói trên đó thực là xác-dâug không phải là a-dua vậy.

#### TIẾT THỨ 68

**Thè-văn biền-ngẫu tăng-tiếp.** — Trong khoảng năm Kiền-long, Gia-khánh có Thiệu Tề-Đảo làm rachè biền-văn muốn giữ lấy những qui-chế thanh-cương giản-chất, nên thời ấy cũng biến theo cả ; như là biền-văn của Vương Thái-Nhạc

(1) Dịch theo quyển Trung-quốc văn-học-sử của ông Vương Mộng-Hoa. Xem Nam-Phong từ số 56.

thời giản-khiết lão-luyện, Lưu Tinh-Vĩ thời thanh-cao hoa-diệu, Ngô Tích-Kỳ thời uý-uyễn chừng-khiết, đó đều là theo chính-quí thê-văn. Sau ở Khúc-phụ có Khòng Quảng-Xâm, Dương-hồ có Tôn Tinh-Diễn, Hồng Lượng-Cát, Nam-thành có Tăng Úc khởi lên thời thê hiền-văn ấy lại càng xướng-phát. Tân-Cốc luận văn có nói rằng : « Thời cõ-văn mà làm mất thực thời lại kém thê biền-văn, thê biền-văn mà làm thoát-tục thời cũng tức là cõ-văn ». Ngô Nại thường tóm cả đời Thanh có tám nhà biền-văn đại-gia là: Viên, Thiệu, Lưu, Ngô, Khòng, Tôn, Hồng, Tăng. Ngoài tám nhà ấy lại còn có Lưu Tự-Quán ở Dương-hồ, Nhạc Quân ở Lâm-xuyên, Bành Triệu-Tôn ở Trần-duong, Lưu-khai ở Đồng-thành, Mai Tăng-Lượng ở Thương-nguyễn, Đồng Cơ-Thành, Hựu Thành ở Dương-hồ, Phương Lý-Tiền ở Đại-hưng, Phó Đồng ở Tứ-châu, Chu Thọ-Xương ở Trường-sa, Triệu Minh ở Tú-thủy, Vương Khải-Vận ở Tương-dàm, Lý Từ-Minh ở Cối-kè, đó đều là những nhà hậu-tiến mà sở-trường về thê biền-văn cả. Sau lại có mười nhà sở-trường về thê biền-văn nữa, thê-văn đều thanh-khiết chuộng theo lối văn đời Hán đời Đường, kè ra từ đời Kiền-long, Gia-khánh trở về sau, thê-cách biền-văn đời Thanh mới thực là chính-dáng, mà các nhà tác-giả mới thực là thịnh vượng.

#### TIẾT THÚ 69

*Các nhà sử-học.* — Từ đời Kiền-long trở về sau, cái thói học khảo-cứu mới thịnh lên, các nhà sử-học bèn cải-chính lại những sách cựu-sử. Thảm Bich-Trần có làm ra sách Tân-cựu Đường-thư-hop-sao, sách này là chiết-trung hai bộ sử mà thảm-dịnh lại, như là về cái biều thê-hệ các quan Tề-tướng thi sửa lại những chỗ sai-lầm; về cái biều các nước phiêu-trần thì bồ thêm những điều tiết-mục. Lại còn

nhiều sách Nguyên - sử tân - biên của Ngụy - Nguyên, sách chủ Ngũ-dai-sử của Bành Nguyên-Thụy, sách Tân-lược của Chu-Tế, những sách ấy đều tinh-vi thiết - đáng hơn những bộ nguyên-trước. Lại như những lời tự-luân trong sách Tân-lược, đều làm theo thê biền-lệ cả, đó cũng là một thê-chế khác thời ấy. Bộ sử biên-niên cải-chính lại sử cũ mà là thiện-bạn hơn cả thời có bộ ục Tư-trị-thông-giám của Tất Nguyên và Vương Minh - Thịnh, Tiền Đại-Hán, Thiệu Tân-Hàm sửa lại, đó là nhân bản của họ Từ chép mà sửa lại bắt đầu từ đời Tống đến đời Nguyên thành 220 quyển, đến bây giờ vẫn theo bản ấy làm nhất định. Trần Hạc có soạn ra bộ Thông-giám Minh-kỷ, bút chép cũng rất là cẩn-nghiêm. Lại còn như khảo-dinh sử cũ thời có bộ Thập-thất-sử thương-xác của Vương Minh-Thịnh, Chấp-nhị sử khảo-dị của Tiền Đại Hán; bồ-tập sử trước thời có bộ Liêu-sử thập-di của Lê Ngạc, và bộ Địa-chi bồ các sử của Hồng Lượng-Cát, bộ bồ-chứng dịch Nguyên-sử của Hồng-Quán; đại-loại những bộ sử như thế nhiều lắm, không thê kẽ xiết được, đều là muốn khảo-cứu những điều sở dắc dè cải-chính lại sử cũ cho được hoàn-thiện vậy.

#### TIẾT THÚ 70

*Các thi-gia đời Thanh.* — Trong khoảng năm Kiền-long, Gia-khánh, những nhà thi-sĩ trong nước rất nhiều, nhưng tiêu-bièn rõ tôn-chỉ dựng ra thi-dàn để tranh-hùng thời ấy thời có ba nhà là họ Viên, họ Thảm, họ Ông. Viên Mai thời có tập thơ Tùy-viên, cốt chủ tinh-linh, tân-kỳ phóng-khoáng, không có theo qui-củ người trước, song thi-phẩm lại rất kém, mà ở thời ấy lại thịnh-danh hơn cả. Tè-danh với họ Viên thời có Trường Sĩ-Thuyên, Triệu Dực, thơ hai người này thời chán-phương, suất-trực, tuy rằng Viên Mai

vẫn coi khinh, nhưng các nhà nghị-luận vẫn khen khí-phách thè-tài thơ hai người trên đó còn hơn họ Mai. Ông Phuong-Cương (hiệu Đàm-khê) lo cái phái thơ Tân-thành lưu-lệ thành ra điệu không-hư cả, bèn làm cho niêm-sát chân-lý, là muốn lấy thực-lý mà bồ-cứu hư-văn. Song lời thơ đều chừng thực-cả, cũng không phải là chính pháp phái thi-gia, cho nên thời ấy phải tôn Thâm Qui-Ngu làm bậc đại-tôn trong thi-giới. Nguyên từ khoảng năm Khang-hi có Diệp Nhiếp hiệu là Hoành-sơn ghét các nhà thi-nhân cũ hay mô-phỏng thơ họ Phạm bộ Lục, bèn làm ra bài « Nguyên-thi nội-ngoại thiên » nói về cách làm thơ thi phải theo như thơ ông Đỗ-Phủ, mà cái tôn-chỉ thơ thi phải làm cho thiết-dào tinh-canh và đáng lý. Qui-Ngu khi nhỏ theo học thi-pháp ở Hoành-sơn, cho nên thơ cõ-thè của ông tôn theo thè-cách thơ đời Hán đời Ngụy; mà thơ cõ-thè thi theo như thơ đời Thịnh-Đường; nhất là thơ Đỗ-Phủ, ông lại càng khâm-phục lắm. Ông có soạn ra bộ cõ-thi-nguyên. Đường-thi biệt-tài, Minh-thi biệt-tài, Thanh-thi biệt-tài, để tiêu-biều cái tôn-chỉ làm thơ, các người thi-sĩ ở Ngô-hạ đều hướng theo cả. Những học-trò thụ-nghiệp ông mà trứ-danh nhất là: Thịnh-Cầm, Chu-Chuần, Trần-Khôi, Cố Di-Lộc; ở Ngô-trung lại có bảy người học-trò danh-thi nữa là: Vương Minh-Thinh, Vương Xưởng, Tiền Đại-Hân, Tào Nhân-Hồ, Hoàng Văn-Liên, Triệu Văn-Triết, Ngô Thái-Lai, thời ấy gọi là Ngô-trung thất-tử. Sau học-trò ông Qui-Ngu lại có Trữ Định-Chương, Trương Hi-Thuần, Tất-Nguyễn kế-nghiệp khởi lên lại truyền cho học-trò sau nữa là Hoàng Cảnh-Nhân; học-trò tư-thục thời có Chu-Bành; kè trong khoảng năm Kiền-long, Gia-khánh các nhà thi-gia mà truyền-

thụ được rộng, chưa có ai bằng Qui-Ngu. Qui-Ngu tên là Đức-Liềm 德潛, tự là Xác-Sĩ 碩士, người Trường-châu, Qui-Ngu là tên biệt-hiệu. Sau Qui-Ngu mà có tiếng hay thơ thời có Thủ-Vị ở Đại-hưng, Vương-Đàm ở Tú-thủy, Tôn Nguyên - Tương ở Chiêu-văn; đương-thời khen ba thi-nhân ấy là tam-quán, nghĩa là ba vua. Ở Linh-nam lai có tam-tử là: Phùng-Mẫn-Xương, Hồ Diệc - Thường, Trương-Cầm-Phương. Cầm-Phương mà sánh với Hoàng Đan-Thur, Lê Giản, Lã Kiên thời thành ra Linh-nam thi-gia, nghĩa là bốn nhà hay thơ ở đất Linh-nam; đều là học theo lối Đường-thi cả; tuy rằng không có cập-môn học Qui-Ngu, nhưng cũng là chịu cái ảnh-bưởng của Qui-Ngu cả.

#### TIẾT THÚ 71

*Các nhà ca từ đời Thanh.* — Trong khoảng năm Kiền-long, Gia-khánh, các nhà làm ca-từ cực nhiều mà ít có nhà nào hay, Tưởng Sĩ-Thuyên thời học lối ca-từ của Già-lăng mà lại càng thô-liệt lắm; Triệu Văn-Triết thời học lối ca-từ của Trúc-Xá mà rườm rà quá; Ngô Tích-Kỳ thời học theo Phàn Tạ mà lời ca-từ non nớt lắm; còn nhiều nhà làm ca-từ nữa, nhưng cũng không có giai-tác gì cả. Đến sau ở Dương-hồ có anh em Trương Cao-văn khởi lên thời mới chấn-hưng được lối văn ca-từ, có phần hơn phái ca-từ của họ Chu họ Trần (1) đời Thanh-sơ. Cao-văn tên là Huệ-Ngôn 惠言 thấy lối ca-từ của họ Chu họ Trần về mặt-lưu này thành ra tiêm-xảo thô-lệ, bèn siêng-minh cái tôn-chỉ ca-từ phải làm cho ngũ-ý ở trong mà bông ra ngoài lời nói. Thường cùng với em là Trương Kỳ tuyệt lấy 166 bài từ của bốn mươi tư nhà ca-từ đời Đường đời Tống, gọi là một bộ

(1) Chu, Trần là Trần Hoằng-Môn, Chu Di-Tôn là hai nhà sở-trường về ca từ xuất-hiện tự đầu đời nhà Thanh.

Từ-tuyên, từ bấy giờ mới khởi lên thành ra một phái ca-tù Thượng-châu; mà ca-tù của hai anh em họ Trương thời thực là trầm-uất sướng-khoái, uyên-chuyên chiền-miên. Lại còn những người bạn-hữu với hai họ Trương là: Hồn Kinh, Tiền Qui-Trong, Đinh Lý-Hàng, Lục Kế-Lộ, Tả Phụ, Lý Triệu-Lạc, Hoàng Cảnh-Nhân, Trịnh Thiện-Trường đều sở-trường về ca-tù cả; mà tựu-trung ca-tù của Tả Phụ thời dật-tinh bát-ngát có cái ý-vị vô-cùng ở ngoài câu ca. Ca-tù của Hồn Kinh thời ý-viễn tinh-thâm; ca-tù của Lý Triệu-Lạc thời thâm-trầm mát mẻ; ca-tù của Trịnh Thiện-Trường thời khắc-khổ thâm-tư; lại còn người trác-trúc-trúc hơn nữa là Kim Ứng-Thành, Kim Thủc-Ngọc đều là học Trương Cao-Văn mà có sở-dắc cả. Đồng Sĩ-Tich thời là cháu(sanh) Cao-Văn mà hay truyền được sở-học vậy. Chu Tế là bạn với Sĩ-Tich có bàn cái tôn-chỉ ca-tù bảo rằng: « Làm ca-tù mà không ngụ ý ký-thác thời không vào bài, mà chuyên lời ký-thác thì không ra ý ». Lời nói ấy thực là suy-minh được tôn-chỉ ca-tù của họ Trương mà nói cho rộng thêm ra; cho nên ca-tù của Chu Tế cũng tinh-mật thuần-chính lắm. Từ đó về sau căn-cơ phái ca-tù Thượng-châu lại càng vững bền lắm. Những người bắt chước ca-tù phái Thượng-châu là Cung Củng-Tộ, Dương Truyền-Đệ, Trang Vực, Đàm Định-Hiến, Trần Định-Xước. Lại còn những người tuy không phải là phái ca-tù Thượng-châu mà thanh-khi vẫn tương-thông với nhau, cũng nhiều người sở-trường về ca-tù lắm. Đàm Phục-Đường thường hợp cả Cáo-Văn, Bảo-Tự, Định-Am, Liên-Sinh, Hải-Thu, Lộc-Dàm, Kiếm-Nhân bảy nhà sở-trường về ca-tù gọi là *hậu thất-gia*; lại họp thêm Hán-

Phong, Mai-Bá, Thiếu-Hac ba người nữa là mười gọi là *hậu thập-gia*.

### TIẾT THỨ 72

*Kết-luận.* — Tự Khuất Nguyên, Tống Ngọc khai-doan ra lối văn từ-phủ, truyền mãi đến hơn nghìn năm; lại tự Hàn Dü. Liêu Tôn-Nguyên khai-doan ra lối cõ-văn, truyền mãi cũng đến hơn nghìn năm; kịp đến đời Thanh, luận đến cõ-văn thời có Diêu Cơ-Truyền, Tăng Quốc-Phiên; biến-văn thời có Khồng Quảng-Xâm, Tăng Úc; luận đến thời có Thầm Qui-Ngu, Vương Minh-Thịnh, luận đến từ thời có Trương Cao-Văn, Chu Tế; đó đều là những nhà sở-trường về văn-học, phép-tắc rất là chính-dáng, tư-văn hấy còn dương hưng-thịnh vô-cùng. Chỉ từ khi Âu-hóa tràn sang bên phương đông này, học-giả phải kiêm học đến hai ba khoa học, tam vì đó phân ra mà không chuyên-nhất, nghiệp vi đó bắc-tập mà không tinh-vi, bởi thế cái nền văn-học cổ-hữu của nước Tàu, mới thành ra mỗi ngày một suy kém vậy. Song cũng là tại học-giả bỏ xao-nhãng quá đi đó thôi. Chẳng xem như nước kia ở vò thi tròn, ở ống thi vuông, nếu học-giả mà biết nghiên-cứu thêm ra, thời đương cái буди thời-cục tân-kỷ này học-thức càng rộng, lẽ nào cái nền văn-học cũ của nước Tàu lại chẳng mở rộng đường nghị-luận, lập ra từng thê-tài, khiến cho cái trình-độ văn-học càng ngày càng tăng-tiến. Cái câu bảo rằng: « Thế-giới càng tiến-hóa, thời văn-học càng thoái-hóa », thiết-tưởng không có lẽ thể bao giờ, học-giả xin cứ cố gắng đi.

Hết

ĐÔNG-CHÂU dịch

## Bộ sách mới, ông Nghè mới

Ông Nghè mới là ông TRẦN VĂN-CHƯƠNG, con quan Tông - đốc sung Thượng-thàm-viện TRẦN VĂN-THÔNG, mới thi đỗ Luật-khoa-tiến-sĩ ở Pháp đầu năm nay. Bộ sách mới là sách « Bàn về cái tinh-lý của Pháp - luật nước Tàu và nước Nam » (1), tức là bài luận - văn thi tiến-sĩ của ông ở trường Đại-học Paris, bài này đã được quan trường xét trung - cách và phê cho chữ « Ưu » (*mention Très bien*).

Quốc-dân ta được tin mới có một ông Nghè tân-học, văn thi xuất-sắc như thế, chắc ai cũng lấy làm mừng, vì sự thành-công này không phải là cái danh-dự riêng của một người, của một nhà, mà thật là cái danh-dự chung cho cả nước. Học-sinh ta sang du-học bên qui-quốc trước sau kề cũng đã nhiều, nhưng mà học thật thành-tài, đỗ đến đại-khoa, vẫn còn ít lắm. Nay ông TRẦN VĂN-CHƯƠNG, tuổi hay còn trẻ mà thi đỗ được cao như thế, thật đã đáng công đèn sách và không phụ lòng kỳ-vọng của quốc-dân.

Vậy trước khi bình-phẩm bộ sách của ông, kỵ-giả hãy xin trước là thay mặt cả quốc-dân, sau là về phần riêng mình, có lời mừng ông, mừng quan Tông - đốc Trần đại-nhân, và mừng cả quan Học-Bộ Thượng-thư ở Huế Thân đại-nhân nữa, vì ông Nghè mới đây chính là con rể của ngài.

Một bài luận - văn đã được quan trường phê « Ưu » chắc là bài có giá-trị-lâm. Bài này đã in ra thành sách hơn hai trăm trang, kỵ-giả dụng công đọc rất kỹ-càng từ đầu chí cuối, thấy lời văn đúng-dắn, nghị-luận phân-minh, lập-luận có phương-pháp, phô-diển

có thứ-tự, thật là hợp với cách hành-văn lý-luận của Âu-Tây. Kỵ-giả cũng thường có dịp đọc những bài luận-văn thi tiến-sĩ về Luật-khoa của người Tây nhiều, không bàn về nội-dung các bài ấy, nói cái thê-tài mà thôi, thật ít bài thấy sắp-dặt được đúng lề-lối như bài này. Bởi thế nên tuy là một bài luận chuyên-khoa, mà đọc cũng có hứng-thú.

Theo như tên sách, sách này là « bàn về tinh-lý của pháp-luat nước Tàu và nước Nam »; tổng-luận về tinh-lý của pháp - luật, chứ không phải nghiên-cứu về văn-lý các điều luật, hai cách khác nhau lắm. Thường các nhà luật học là đem bộ luật ra, nghiên - ngẫm so-sánh các điều các mục, rồi phê - bình biện - bác cho vỗ lẽ, và kết-luận theo một cái chủ ý hay một cái phương-diện nào đã định trước. Đó là học về văn-lý của luật, kẻ học-giả cần phải tra-cứu cho kỹ - càng, giải nghĩa cho đích-đang, không được sót một điều, không được sai một mục, đâu tì-mì cũng không nè, đâu phiền-tòa cũng không ngại, cốt cho tinh-tường xác-tạc. Cách ấy là cách học thông-thường về pháp-luat, hợp với phép nghiên-cứu của khoa-học đời nay, vì chỉ trọng cái điều-luat trước mắt, cái sự-thực hiền-nhiên, không hề nghị-luận đến những nghĩa-lý sâu-xa. Nói tóm lại, cách học này cũng giống như phép tả-thực về nghề vẽ. Nhưng ngoài phép tả-thực, còn có phép phâ-bút nữa: ngoài cách học khảo-cứu tì-mì, còn cách học suy-luận nghĩa-lý nữa. Ngoài cách học về văn-lý của luật, còn cách học về tinh-nghĩa của luật nữa. Cách sau này thì thuộc về triết-

(1) *Essai sur l'Esprit du Droit sino-annamite.* — Paris, Librairie générale de Droit et de Jurisprudence, 1922. — 224 trang.

học nhiều hơn là thuộc về luật-học ; cho nên đã có tên riêng gọi là « triết-học về pháp-luật » (*la philosophie du droit*). Bài luận-văn của ông TRẦN VĂN-CHƯƠNG tức là một bài khai-luận về cái triết-lý, cái tinh-nghĩa của pháp-luật nước Tàu và nước Nam, không phải là một bài nghiên-cứu tinh-tường về các điều luật của ta và của Tàu vậy. Phải nên biết rõ cái chủ-ý ông lập-luận như thế, thời xét sách ông mới khỏi sai-lầm được.

Nghiên-cứu cần phải lỉ-mỉ bao nhiêu thời nghị-luận lại cần phải rộng-rãi bấy nhiêu. Tác-giả đã không chủ-ý nghiên-cứu về các điều-luật, thời không thể trách-bị những điều nhò-nhặt phiền-toái được. Tác-giả muốn phát-minh cái tinh-lý của luật ta và luật Tàu ngày xưa, vậy ta nên xét xem cách nghị-luận chứng-giải có đủ phát-minh được cái tinh-lý ấy không.

Phàm luật-pháp chẽ-dộ của một dân một nước, đã thành-lập được lâu năm, đã thi-hành thành nền-nếp, tất tự-trung phải có một cái ý-nghĩa sâu-xa ; ý-nghĩa ấy tức gọi là cái tinh-thần hay là cái tinh-lý của pháp-chẽ. Cái tinh-thần của pháp-chẽ nước ta và nước Tàu ngày xưa thế nào ? Những bậc đế-vương bên Tàu và bên ta đời xưa đặt ra luật-pháp là có cái chủ-ý gì ?

Sách *Luận- ngữ*, thiên *Vi-chính*, có câu rằng : « *Đạo chi dĩ chính, tề chi dĩ hình, dân miễn nhi vô sỉ; đạo chi dĩ đức, tề chi dĩ lễ, hữu sỉ thả cách.* 道之以政。齊之以刑。民免而無恥。道之以德。齊之以禮。有恥且格。 Nghĩa là : « Lấy pháp-chính mà dưa dân, lấy hình-luật mà sửa dân, thời dân không làm xâng, nhưng không biết xấu-hồ ; lấy đạo-dec mà dưa dân, lấy lê-chẽ mà sửa dân, thời dân biết xấu-hồ mà lại có cái bụng làm điều thiện. »

Coi đó thời biết cái chủ-ý của tiên-vương phàm trị dân là muốn dạy dân

cả, nhưng dạy dân có hai đường, một là lấy đức, lấy lễ mà dạy dân thời dân biết lấy làm xâng là xấu-hồ, và trong lòng tự-nhiên hướng về điều thiện ; hai là lấy hình lấy chính mà dạy dân thời dân tuy sợ phép không dám làm xâng mà cái bụng xâng vẫn có, vì chưa biết lấy làm xâng là xấu-hồ. Nhưng thuộc về những đời tục thuần dân phác thời trị dân lấy đức lấy lễ mới được ; về sau có người thuần, nhưng cũng có kẻ nghịch, có người ngay nhưng cũng có kẻ gian, thời đức với lễ không đủ làm cái đồ đẽ trị dân nữa, tất phải đặt ra hình với chính.

Cho nên trong sách *Lịch-triều hiếu-chương* là sách tập những diền-chương cũ của nước Nam ta, đầu quyển « Hình-luật chí », có mấy lời bàn như sau này :

« Đẽ dùng đẽ trị dân, tất phải có hình-luật, là đẽ trừng kẽ gian-nặc và nghiêm diền cấm-giới vậy. Cõ-giả xử việc lấy lê-chẽ, không làm ra hình-luật, là vi đời còn thuần, phép còn giản, có thể châm-chước tùy-nghỉ được ; nhưng xuống đến đời sau càng ngày càng văn-phiền, phải đặt ra hình-thư cho dù, đẽ định những điều cấm, điều nào là trọng là kinh, đẽ phân những việc làm, việc nào là nên là cùi-ång ; tuy lập ra khoa-diều phiền-phức như thế, không khỏi trái với ý đời xưa, nhưng mà đặt ra đẽ đẽ-phòng sự biến, biều rõ diền-bình, đã gọi là có nước, cũng không thể khuyết được. »

Như thế thì các cõ-dẽ-vương lập pháp chẽ hình chẳng qua là một sự bất-đắc-dĩ, đẽ giúp cho sự giáo-hóa và bồ cho cái phâu giáo-hóa không kịp tới mà thôi. Kinh Thư đã có câu : « *Hình dĩ bất giáo* 刑以弼教 », nghĩa là : « *Hình đẽ giúp cho việc giáo-hóa.* » Lại có câu : « *Hình kỳ vô hình; tích dĩ chỉ tích* 刑期無形。辟以止辟 » nghĩa là : « đặt ra hình là đẽ mong không phải dùng đến hình ; đặt ra phép là đẽ mong khỏi

có điều phạm pháp.» Lại có câu: «Khám tai, khám tai, duy hinh chi tuất tai 欽哉 欽哉 催刑之恤哉» nghĩa là: « Phải cần-thận, phải cần-thận, việc hình là việc đáng thương vậy.»

Tiên-nho bàn về các lẽ đó cũng đã tường lâm. Nay trích dịch mấy lời bàn của ông Chu-tử như sau này, đủ biết các học-giả đời xưa xét về cái nguyên-lý của hình-phạt đã rạch-ròi đến nỗi vậy:

« Thành-nhân chuyên-ý chỉ tại việc giáo-hóa, việc hình không lấy làm cấp. Thành-nhân vốn lấy việc giáo-háo làm cấp, vì có kẻ nào phạm, mới lấy hình mà trị. Cái bụng dũng Thành-nhân lúc chưa cảm vào vật ngoài, thè nó quảng-đại mà hư-minh, tuyệt không có một tí gì là thiên-ý; kịp đến khi cảm vào vật ngoài, thời những sự mừng, giận, buồn, vui mới phát ra, tùy sở-cảm mà ứng-phó, không một việc gì là không trùng-liết. Nay cứ lấy cái thè mà nói, thời như cái kinh chưa có chiếu vật gì, hư-không cả; như cái cản chưa có đặt cái gì, bằng-phẳng cả; đến khi đem dùng ra thời dẫu hư-không mà xấu đẹp không thè ăn được; dẫu bằng-phẳng mà nặng nhẹ không thè sai được. . . . Cứ thè mà xét thời biết dũng Thành-nhân trị thiên-bà, phàm thường-phạt không phải là không có lẽ vậy. . . Tuy vậy, mừng mà thường ấy là thuộc về dương, lòng Thành-nhân vốn muốn như thế; giận mà phạt ấy là thuộc về âm. lòng Thành-nhân vốn không ưa thế. Cho nên dẫu nói rằng hư-không bằng-phẳng không có thiên-ý, mà trong hai sự thường phạt cái cách xử-trí không thè không có khác nhau ít nhiều. Bởi thè mà có câu nói rằng: Tôi nghĩ cho làm nhẹ, công nghi cho làm trọng (*Tôi nghĩ duy khinh, công nghi duy trọng*), đó là cái vi-ý của Thành-nhân; nhưng đến khi ra việc tuy nói hiếu-thường, mà không thè thường cho kẻ vô-công được; tuy nói ố-hình mà không thè dung những

kẻ có tội được. Dẫu thi-thố hai đảng có khác mà bụng Thành-nhân bao giờ cũng như vậy. Bụng Thành-nhân là gồm trong hai chữ Khám tuất như trong kinh Thư đã nói, nghĩa là cần-thận và thương người vậy. Ấy cái thâm-ý của Thành-nhân chế ra hình-pháp là thế.»

Đó là những lời trong sách cũ của các tiên-vương tiên-nho giải về cái nguyên-lý của hình-pháp như thế. Tuy lời văn cõ mà ý-nghĩa tường cũng rõ-ràng lâm. Bài luận-văn của ông TRẦN VĂN-CHƯƠNG, cũng là muôn phát-minh cái nguyên-lý ấy ra, nhưng ông nghị-luận theo lối Tây, ông lại khảo-cứu toàn bằng sách Tây cả, — tuy những sách tây ấy phần nhiều cũng là dịch-thuật ở sách tàu ra, nhưng sách dịch sao cho bằng nguyên-bản, và lại người Đông-phương bàn về nghĩa-lý của Đông-phương mà không trực-tiếp được những nghĩa-lý ấy ở trong các cõ-thư-tịch của xứ mình, lại phải xét qua cái óc của người Âu-Tây thì thè nào cho thấu-dáo được, — cho nên dẫn lời kết-luận của ông đại-khai cũng không sai cái bản-ý của cõ-nhân, nhưng cách ông biện-nạn chứng-giải cho tôi được chỗ kết-luận đó không khỏi có ý khó-nhọc nghiêm-khê một đỏi chút. Xem như lời lược-thuật về cái nội-dung sách ông như sau này thì dù biết.

Sách ông chia làm hai phần; một phần thường, một phần hạ, trên thêm một thiên Tự-luận, dưới một thiên Kết-luận.

Thiên Tự-luận xét về nguồn-gốc của luật-pháp tàu và ta, nguồn-gốc ấy là ở các biến-chương diền-lệ của các triều-dinh, do một quyền vua đặt ra, quan tư-pháp chỉ biết tuân đó mà thi hành, không có quyền tùy-nghi châm-chước. Nhân ông xét đến Ngũ-Kinh, nói rằng có nhà làm sách Tây cho Ngũ-

Kinh là nguồn gốc của pháp-luật Tàu, ông bác đi cho là không-phải.

Phần thượng chia làm hai chương : Chương thứ nhất xét về hình-thức luật An-Nam, nói rằng luật An-Nam loại-mục không được phân-nhánh bằng luật tây, và xét kỹ ra chẳng qua là một mớ những điều-kiện rời-rạc thuộc về từng việc một, không có đại-cương yểu-lĩnh gì, không thể lấy lý-luận (*dialectique*) mà suy-diễn được, như luật của nước Pháp hay của La-mã đời xưa ; nhân dân lời nói của ông bác-sĩ VON IHERING rằng : « Người Tàu không tới được cái bậc tim ra được một thứ mẫu-typ cho pháp-luật » (*Les Chinois n'ont pas su s'élever jusqu'à la découverte de l'alphabet du droit*) ; — Chương thứ nhì xét về những duyên-cớ sở-dĩ làm sao mà luật ta và luật tàu kẽm luật tây không có trật-tự cương-lĩnh như thế, phân báy-kiến của ông giáo FOURNIER-WAILLY nói rằng người An-Nam chỉ có cái tri phân-tich (*esprit d'analyse*), không có cái tri tổng-quát (*esprit de synthèse*), và ý-kiến của ông bác-sĩ VON IHERING nói rằng luật La-mã sở-dĩ có cái nghĩa-lý quán-thông, trật-tự minh-giản như thế là vì người La-mã vốn được trời bẩm cho cái tư-chất riêng về đường chẽ-tác pháp-luật ; — kết rằng cái hình-thức của pháp-luật mỗi nước là duyên-do ở những cơ-hội riêng trong lịch-sử của nước ấy, chờ không lấy cái tâm-lý người dân hay cái tinh-chất thiên-bẩm mà giải được ; như luật An-Nam và luật Tàu không thành thê-hệ nhât-trí như luật La-mã, không lấy phương-pháp lý-luận mà hội-giải được, là bởi vì nước Nam và nước Tàu ngày xưa quyền lập-pháp là ở vua, trong pháp-luật thiển diều gì vua đặt ngay diều ấy, các quan tư-pháp không cần phải suy-luận biện-nạn để bồ vào những chỗ khiếm-khuyết, thành ra không cho việc nghiên-cứu luật là một việc trọng, không đặt thành một

khoa-học riêng, nên điều luật phân-vân, không có thống-hệ gì ; ở La-mã thời không thế : quyền lập-pháp là ở cả toàn-dân, nhưng dân không phải mỗi lúc một họp cả lại được, cho nên sau khi đã đặt ra mấy điều luật trọng-yếu, còn thời dễ cho các quan tư-pháp có quyền suy-diễn và bồ - khuyết, thành ra các quan phải ra công-nghiên-cứu luật, đặt thành một khoa-học chuyên-môn, bởi thế nên luật có kỷ-cương thống-hệ. — Cả chương này, tác-giả nghị-luận cứng và biện-bắc giỏi lắm, dù rõ là người học luật đã thâm và lý-luận có phương-pháp, trưởng trong phái tân-học ta cũng ít người có cái sức học đứng-dẫn như thế.

Phần hạ nói về mục-dịch và phạm-vi luật An-Nam, cũng chia làm hai chương : Chương thứ nhất xét về các cách giáo-hóa (*moyens de moralisation*) trong xã-hội Tàu và An-Nam, chứng-giải rằng phép cai-trị của các đế-vương cũ là chỉ chủ giáo-hóa dân, giáo-hóa bằng gương đạo-đức, bằng sách luân-lý, thứ nhất là bằng lề với nhạc ; sau cùng là bằng hình với luật ; như thế thì hình-luật chẳng qua cũng là một cách giáo-hóa mà thôi. Chương này có mấy tiết bàn về lề-chẽ và cái ảnh-hưởng của lề-chẽ trong văn-hóa nước Tàu thế nào, rõ ràng và rõ-vac lắm. — Chương thứ nhì xét về sự thi-hành những cách giáo-hóa ấy đối với xã-hội quốc-gia, đối với gia-dinh, đối với cá-nhân giao-tế với nhau. Đối với quốc-gia xã-hội thi chỉ dạy cho người dưới biết kính người trên, biết sợ quyền trên ; cả luân-lý pháp-luật đời xưa là gồm hết trong hai cái chủ-nghĩa : kính-thượng-chủ-nghĩa (*doctrine du respect*), và phục-tòng-chủ-nghĩa hay là thượng-quyền-chủ-nghĩa (*principe d'autorité*). Tác-giả cho hai cái chủ-nghĩa ấy là tuyệt hay, tuyệt đẹp, rất phải, rất tốt, « thần-thánh bất-khả xâm-phạm » ! Ký-giả thiết-tưởng tán-

dương như thế thời cũng khi quá, sẽ bình-phàm dưới này. Đối với gia-dinh thời về đường luân-lý lấy sự hiếu-dễ và sự phung-sự lồ-tiên làm gốc, về đường pháp-luat lấy quyền cha anh làm gốc, tức cũng là hai cái chủ-nghĩa kinh-thượng và phục-tòng. Đối với cá-nhân giao-tế với nhau, thời cá-nhân tuyệt-nhiên không có một chút quyền-lợi gì, cách giáo-hóa của các đế-vương ngày trước chỉ biết dạy dân thờ người trên mà thôi, không hề dạy cho dân biết tự mình có quyền-lợi gì không. Ấy luật ta khác hẳn luật tây là thế: luật tây thời phân rõ nghĩa-vụ và quyền-lợi, luật ta thời chỉ nói nghĩa-vụ không nói quyền-lợi. Tác-giả xem ý ra cho luật ta như thế là hay hơn luật tây; ký-giả đây không dám biêu đồng-tinh.

Thiên kết-luận gồm các ý-kiến ở trên mà phát-biểu ra ba cái đặc-tính đặc-sắc của pháp-luat ta và tàu đối với pháp-luat các nước Âu-Tây. Ba cái đặc-tính ấy như sau này:

1º Pháp-luat lẫn với luân-lý (*confusion du droit et de la morale*), pháp-luat chẳng qua là luân-lý đem ứng-dụng ra hình-luat mà thôi. Các nước Âu-Tây thời phân-biệt rõ-ràng luân-lý với pháp-luat<sup>1</sup>: luân-lý là thuộc về lương-tâm người ta, những việc lương-tâm bắt phải làm là thuộc về lương-tâm xử-doán, pháp-luat không biết đến; như lương-tâm khuyên nên nhân-tử với kẻ khác, giúp-dở người khốn-khổ, nhưng có kẻ không nhân-tử và không giúp đỡ ai, tuy trái với phép luân-lý, song miễn là không phạm đến quyền-lợi kẻ khác, pháp-luat không thể trách đến được. Như thế thì gốc pháp-luat là ở quyền-lợi của người ta, kẻ khác không xâm-phạm được; ai cũng có quyền tự-do, quyền tự-do của mỗi người chỉ lấy quyền tự-do của người khác làm giới-hạn. Luật của ta thì trái hẳn, cho người ta là không có một tí quyền-lợi gì, chỉ có

cái nghĩa-vụ phải thờ phải kính người trên mà thôi, nếu sai cái nghĩa-vụ ấy thì roi trượng ở đấy, cùm vồ ở đấy! Không trách dân ta đã có tiếng là một dân ngoan nhất trong thế-giới, ngoan đến mất hết cả cái tư-cách làm người!

2º Trong luật ta tuyệt-nhiên không có quan-niệm về quyền-lợi (*effacement de la notion du droit*). Theo cái chủ-nghĩa phục-tòng kinh-thượng như trên kia, thời cái tư-tưởng quyền-lợi còn mọc ra chỗ nào được, nghĩ-hồ không quan-niệm tới là phải lầm. Tác-giả cực suy-diễn cái ý-kiến đó mà nói rằng: «Trong một cái luân-lý như thế thì nghĩa quyền-lợi là một nghĩa trái với đạo-đức, và sự tự-do là một cái yêu-quái, không thể có được. Trong pháp-luat của An-Nam và của Tàu, thời cái quyền-lợi của người dưới là người trên có cho phép mới được có, sự tự-do của người dưới là người trên có dung cho mới được có.» (*Dans une telle morale, le droit proprement dit est une conception immorale, la liberté une monstruosité. Dans la législation sino-annamite, le droit de l'inférieur ne saurait être qu'une permission du supérieur et sa liberté, une tolérance.* (Page 152).

3º Pháp-luat của An-Nam và của Tàu không có quan-thiệp gì đến thần-quyền, ở ngoài cả các tôn-giáo (*laïcité du droit sino-annamite*), khác với pháp-luat của La-mã do ở tôn-giáo mà ra. Cái đặc-tính này là đối với cái tư-tưởng về pháp-luat của Âu-Tây mà phát-minh ra, chờ đối với tư-tưởng người phương Đông ta thì vẫn là một sự cố-nhiên rồi.

Nói tóm lại thì trừ điều thứ ba là đối với người Tây mà phát-biểu ra, điều thứ nhì là kết-quả của điều thứ nhất, còn điều thứ nhất nói rằng pháp-luat ở nước ta và nước Tàu là lẫn với luân-lý, vì chẳng qua cũng coi như là một cách giáo-hóa mà thôi (*confusion du droit et de la morale*, *le droit com-*

*me moyen de moralisation*), thời điểm đó các tiên-nho tiên-hiền phát-minh ra đã lâu rồi, cho là một lẽ cõ-nhiên, không cần phải nghị-luận giảng-giải đến-nữa. Pháp-luật lân với luân-lý, pháp-luật là một cách giáo-hóa, thời lúc là cái nghĩa « *Hình dĩ bất giáo* » của các tiên-nho đã thuật trên kia vậy. Thành ra tác-giả phải cần nghị-luận trong hai trăm trang để chứng-giải một lẽ mà các học-giả đời trước đã phát-minh tự bao giờ rồi, tưởng cũng là khó-nhọc nghiên-khê lắm vậy.

Song cũng phải biết cái mục-dich của tác-giả là muốn phô bày cho người Tây biết cái hay cái đẹp trong các chẽ-dõ cõ của nước ta, cho nên phải nghị-luận theo lối tây, chứng-giải theo lối tây và kết-luận ra phương-diện tây. Một nhà tân-học mà có bụng hoài-cõ như thế, muốn cố sức biều-dương cái văn-hóa cõ của nước mình cho người ngoài phải cảm-phục, thật cũng đáng khen thay. Chẳng bi với nhiều ông tây-học khác cho ông cha loài giống mình là dã-man-yết cả!

Song cái gì cũng không nên quá: Không nên hí-lân quá mà cũng không nên sùng-cõ quá. Trong cái lòng nhiệt-thành của ông TRẦN VĂN-CHƯƠNG muốn biều-dương những cái hay cái đẹp của các chẽ-dõ cõ nước ta, không khỏi có ý hám-hở một đôi chút, như nhà thảm-biếm kia mới phát-minh được một cõi tân-tbế-giới vậy. Theo ý ông thời cái văn-hóa cõ của nước ta và nước Tàu tốt đẹp vô-cùng, và gốc văn-hóa ấy chính là cái chủ-nghĩa phục-tòng và kinh-thượng như trên kia đã nói. Bởi người An-Nam và người Tàu được hon người các nước khác là biết phục-tòng kính-trọng người trên, cả đời chỉ một lòng thờ kẽ trên, cho nên nước Tàu và nước ta mới có cái văn-mì h sán-lan như thế. Đọc văn ông thời tưởng trong thế-giới này không có cái gì qui bằng hai cái chủ-nghĩa phục-tòng và chủ-

nghĩa kinh-thượng đó, và dân ta biết trọng hai cái chủ-nghĩa ấy thật là một dân khôn-ngoan vô-cùng! Nhưng ngạn-ngữ tay có câu rằng: « Cái mè-day nào cũng có mặt phải mặt trái. » Ông chỉ xét mặt phải trong cái mè-day mà ông không xét đến mặt trái, nghĩ-hồ ông cho là toàn tốt toàn đẹp cả phải lầm. Hai cái chủ-nghĩa phục-tòng và kinh-thượng kia không phải là hay hết cả, dở cũng nhiều, mà phần dở có lẽ lại nhiều hơn phần hay; hai cái chủ-nghĩa ấy không phải là chỉ có công với xã-hội ta, có tội cũng nhiều, biều-dương công kia đã dành, cũng phải chỉ vạch tội này mới được, không thời thành ra nghị-luận không công-bằng.

Làm cho dân-tộc ta yếu-bèn, làm cho xã-hội ta đồi-bại, chính là tội bài cái chủ-nghĩa đó. Không những một nước ta, nước Tàu khốn-nạn như bây giờ cũng vì đó. Nói rằng phục-tòng, nói rằng kinh-thượng, vẫn là hay lầm, nhưng hay về đời vua Nghiêu vua Thuấn kia, người trên toàn là bậc thánh-nhân cả, bắt-dắc-dĩ phải đặt ra hình-luật để dạy dỗ, nhưng lại sợ nghiêm-khắc quá, phải lấy cái nghĩa « khâm-tuất » mà chế lại; về đời ấy thi phục-tòng là nên, kinh-thượng là phải lầm. Nhưng đời Nghiêu Thuấn đã xa lầm rồi, các đời sau không hiểu cái nghĩa lớn « Tùy-thời », không biết lấy cái chủ-nghĩa tự-do, chủ-nghĩa bình-dâng mà chế lại cái chủ-nghĩa kinh-thượng, chủ-nghĩa phục-tòng, thành ra người trên đã không phải là bậc thánh-nhân như Nghiêu Thuấn nữa mà kẻ dưới vẫn phải thờ người trên như dân đời Nghiêu Thuấn; người trên được kẻ dưới nhầm mắt phục-tòng như thế, thấy không gì hạn-chẽ được minh, bấy giờ mới lạm-dụng quyền minh mà sinh ra lầm cái chính-sách chuyên-chế độc-ác; kẻ dưới lập quen cái thói nhầm mắt phục-tòng, biến thành cái cẩn-tính nô-lệ, cái tư-cách ngựa trâu, suốt đời chỉ để cho

kẻ trêu cưỡi cò mà không dám nhắc đầu. Lúc quốc-gia thái-bình thời còn do-khả, gặp khi ngoại-xâm nội-loạn, kẻ trên không đủ sức chống giặc, kẻ dưới thời có cũng như không, vì có hình người mà không có nhau-cách, chẳng qua là một lũ trâu ngựa, cái số phận chỉ đến «dịch-chủ tài-nô» là hết. Thương thay!

Không nói đâu xa, nói ngay một quan-trường. Theo cái lý-tưởng cũ, ông quan vẫn là cha mẹ dân; nghe ông TRẦN VĂN-CHƯƠNG tán-dương cái đức-tinh của ông quan, thời tưởng nội-trong thế-giới không có nước nào có quan hay bằng nước Nam ta. Nhưng hẵng gặp sách lại mà thử nhìn ngay chung-quanh mình; dám dối ai kiểm đâu được giống quan như thế. Giống ấy có lẽ chỉ ở trong tưởng-tượng ông mà thôi; bay là phải sống lại về đời Nghiêng Thuấn họa may mới tìm được! Còn quanh mình thời bất-nhẫn nói.

Không; những cái chủ-nghĩa về đời Đường Ngu Tam-đại ấy, không những

ngày nay không thích-dụng nữa, mà ngày xưa kia vì đã lạm-dụng quá nên mới đời-bại như bây giờ... Kia, như bên Tàu kia, vì đời xưa không quá tiêm-nhiêm cái chủ-nghĩa phục-tòng, chủ-nghĩa kính-thượng, nếu biết tập cho có cái tư-cách một quốc-dân tự-do độc-lập, thì ngày nay nước Tàu làm chi mà đến nỗi đảo-diên diên-dảo như thế. Không; những cái chủ-nghĩa quá cũ ấy không phải là chỉ có toàn lợi cho xã-hội ta; di-hại cho xã-hội ta cũng nhiều. Nói phần lợi mà không nói phần hại, thế là lập-luận có thiên-vệ.

Ký-giả chỉ không biều đồng-linh với ông TRẦN VĂN-CHƯƠNG về một điều đó mà thôi, còn thời hết sức khen ông về bài luận-văn rất xứng-đáng của ông, lý-luận đã giỏi mà lời văn lại cứng, sánh với các bài văn thi tiến-sĩ luật thật có giá-trị của người Tây-tưởng cũng không kém vây.

THƯỢNG-CHI

## VĂN-UYỄN

### DỊCH THƠ TÀU

#### Vịnh giai-nhân (詠佳人)

(Ông Đỗ-Phủ đời Đường, hiệu là Thiếu-lăng).

Có một cô đẹp ghê!  
Ra vào ở khe núi.

絕代有佳人。  
幽居在空谷。

Kè mình con nhà dòng,  
Sa-sút phái túi-múi.

自云良家子。  
零落依草木。

Quan-trung mới rời loạn,  
Anh em đánh giặc chết.

關中皆喪亂。  
兄弟遭殺戮。

Làm chi tiếng quan sang,  
Bỏ liều đồng xương thịt.

高官何足論。  
不得收骨肉。

Thế tình hay nói cũ,  
Đuốc lè quang vinh-nhục.

世情惡衰歇。  
萬事如轉燭。

Thẳng chống chẳng ra gì,  
Vợ mới đẹp như ngọc.

夫婿輕薄兒。  
新人美如玉。

Hoa, thường đến đêm nở,  
Chim, chẳng một con nâm.

合 昏 尚 知 辰。  
鶯 鸟 不 獨 宿。

Thấy những kẻ cười nụ,  
Hay đâu người khóc thầm.

但 見 新 人 笑。  
那 聞 舊 人 哭。

Suối dành ở núi, trong.  
Suối chảy ra sông, đục.

在 山 泉 水 清。  
出 山 泉 水 澈。

Sắn nghè bán hạt châu,  
Cắt gianh về giội nóc.

侍 婢 資 珠 回。  
牽 羅 榆 亭 尾。

Hai hoa chẳng giật dẫu,  
Chầy quả mong đầy vốc.

摘 花 不 插 髮。  
採 枝 動 盛 捧。

Thơ-thần buồn chiều hôm,  
Khép áo nép bóng trúc.

天 寒 翠 袖 薄。  
日 暮 倚 修 竹。

### Lời giải

Thơ này là thơ tả ra một cái lịch-sử eay dàng của người già-nhân, thuộc về mối đong-diệu cảm-tinh; đong-diệu cảm-tinh nghĩa là thương cho người, tiếc cho người, khóc cho người, mà lại thương cho mình, tiếc cho mình, khóc cho mình, tức là nghĩa quan Giang-châu tư-mã đối với kè Li-bà-phu vậy; thơ này kể ra một người đàn-bà người đẹp, nhà dòng, đời loạn, chồng bỏ, ra vào túi-mùi, nghè-nghịệp hèn-mọn, mà danh-tiết vươn thơm thơm sạch sẽ, chẳng chút bụi tràn; rõ-ràng in ra lịch-sử cụ Đỗ-Phủ, mà thơ thi nghe ra cũng đau-dớn trầm-tuất!

### Vịnh nàng Tây-Thi (西施詠)

(Ông Vương Duy đời Đường, hiệu là Ma-cát).

Người đẹp ai chả chuốc,  
Cô Thi hẳn chắc cô.

絕 色 天 下 重。  
西 施 寧 久 微。

Sớm ngày chị ả Việt,  
Chiều tối vợ vua Ngô.

朝 爲 越 溪 女。  
暮 作 吳 王 嬪。

Ở nhà khác gì ai,  
Khá lên danh-giá to.

賤 日 豈 殊 衆。  
貴 來 方 悟 稀。

Ông-éo phấn sai đánh,  
Dòng-dây áo mượn thay.

邀 人 傅 脂 粉。  
不 自 著 罗 衣。

Vua yêu, lại càng đẹp,  
Vua nè, gì chẳng hay.

君 寵 益 嬌 態,  
君 憐 無 是 非。

Gặp bạn rặt sa cũ,  
Xe cô đi như bay.

當 辰 浣 紗 伴。  
莫 得 同 車 踏。

Hồi các chị nhăn nhó,  
Đừng bắt chước gái này.

持 謝 隣 家 子。  
效 嘘 安 可 希。

### Lời giải

Thơ này là thơ tả ra cái lịch-sử hơm minh của nàng Tây-Thi, thuộc về mối phùng-thê; nghĩa là rắn những người chơi được phú-quí không nên hơm-minh mà vội quên người bạn lúc bần-tiện; là rắn những người bần-tiện, không nên nhăn-nó má bất chước cái bộ-dạng kẽ phú-quí; con người ta phải nên nghĩ rằng cô Tây-Thi lấy được vua Ngô thì

qui, về sau vua Ngò mất nước, thi cô Tây-Thi còn qui gii! Cô Tây-Thi cười thi đẹp, mà các ả ở phía Đông-lan cũng bắt chước cô Tây-Thi cười, thi càng tò nhẫn-nhó, chứ đẹp gì!

### Ngày xuân rượu say ngủ dậy tờ chí 春 日 醉 起 言 志

(Ông Lý Thái-Bach dời Đường, hiệu là Thanh-liên).

Ở đời, giấc mộng lớn,  
Làm chi nhọc xác này.

處世若大夢。  
胡爲勞其生。

Cho nên rượu cả ngày,  
Ngả bên cột ngủ say.

所以終日醉。  
頹然臥前檻。

Sợ dậy trông trước sân,  
Hoa cười chim hót hay.

覺來吟庭前。  
一鳥花間鳴。

Mùa, phải xuân chàng tá?

Lời oanh gửi gió bay.

借問此何日。  
春風語流鶯。

Nghị bụng toan thở dài,  
Hô rượu lại cầm tay.

感之欲嘆息。  
對酒還自傾。

Ngâm nga đợi trăng tỏ,  
Thơ dứt ý quên ngay.

浩歌待明月。  
曲盡已忘情。

### Lời giải

Thơ này là thơ giải tỏ cái chi minh thuộc về mối yếm-thể; yếm-thể và cừu-thể, hai cái chủ-nghĩa ấy khác nhau, nhưng xét ra cũng không phải thật là khác nhau, mà có phuong-hai với nhau; bởi vì con người ta lao-dao tất-tiả & trong vòng vật-cạnh, trong hai mươi bốn

giờ, cái trí khôn nó thường bó-buộc; phải có một đôi khi nhớ cái lý-tưởng cao-siêu khoáng-đạt, cho con mắt tròn bừng lèn được sáng-sủa, để tim mối gữ dần moi lẽ ở trong sự vật ra; mà nuôi lấy cái óc cao-minh, để mà lai đổi ra ương-thể; đó là phép xem thơ Ông Lý Thái-Bach, nếu mà « Còn trời còn nước còn non, còn cõi bán rượu, anh còn say-sưa », thì chẳng hóa ra coi người túy-mộng đó ru!

TÙNG-VÂN dạo-nhân  
NGUYỄN ĐÔN-PHÚC  
cần dịch

### THƠ LAI - CÀO

#### Phố-Hiển hoài-cõ

Tỉnh cũ còn trơ dấu cõ-thành,  
Bè Gàn nay đã mọc dâu quanh.  
Bến Vương-hậu nọ bia hưng-phế,  
Lũy Phạm-công kia sử chiến-tranh.  
Bóng thỏ Nguyệt-hồ chênh nửa mản!  
Chày kèn Chung-tự đóng năm canh  
Phồn-hoa nếp cũ ghi truyền lại,  
Phố-Hiển lơ thơ mấy lớp tranh.

Giao-thụ hữu-trí NGUYỄN ĐÌNH-GIÁ

#### Khuynh bạn hỏng thi

Đeo đẳng làm chi mãi nợ đời,  
Tang-bồng gánh nặng biết bao thoi?  
Cho hay sự thế xui nên thế,  
Đè khách giang-hồ giọt lệ rơi.  
Bán phấn mua son nào mấy kẻ?  
Cầu danh chuốc lợi đã bao người?  
Cờ dương dở cuộc đèn hay dở?  
Chẳng khỏi rồi ra lại khóc cười..

#### Tự-de

Năm nay hai chục tuổi đầu rồi,  
Còn cứ phong-trần mãi chưa thôi!!  
Lối dọc đường ngang coi lóa mắt,  
Sân Trình cửa Không vắng tăm hơi.  
Hương danh khói lợi đã phai nhạt,  
Vè sách mầu đèn đã hết tươi.  
Bóng nguyệt lờ mờ khi buỗi tối,  
Hy Hoàng cảnh cũ hỏi ai chơi?

Liêu-dương-tử ĐẶNG TRẦN-PHẤT

### Nghé tin nhà cháy

Cách trở quau-san mây đậm trường,  
Nghe tin nhà cháy dạ tơ vương !  
Còn đâu mái lá che mưa gió,  
Luống dè nền tro dài nắng sương.  
Ngơ ngẩn đau lòng chim mất tồ,  
Xa-xôi giờ mặt chuột không hang.  
Phù-phàng con Tạo trêu người thế,  
Bó buộc chi ta lầm đoạn-tràng !

### Cảm-khai nhà cháy

#### I

Nhà gianh vách đất cảnh vui vòn,  
Ngọn lửa vô-tình nỡ phá tan.  
Sương nắng bấy nay nương bóng mát,  
Rèm phên bồng chốc hóa tro tàn.  
Nơi lưng chút đinh trời co lại,  
Kiếm củi bao lâu lửa cháy tràn.  
Chú Lộc phen này chơi rõ ác,  
Làm cho vận đỏ quá ra than.

#### II

Dẫu hơn vượng-khi chốn Long-thành,  
Hồi-lộc sao mà vẫn quần quanh ?  
Gió thổi vi-vèo cơn lửa bốc,  
Trống khua rầm-rì lúc đêm thanh.  
Cửa nhà khắp đất phơi nền đỏ,  
Tàn khói tung trời lấp-dạng xanh.  
Non nước xa trông miền cổ-quốc,  
Tâm lòng thương nhớ cảnh nhà gianh.

TRẦN QUANG-HUYỀN (Vientiane)

### Ở nhà lầu

Vì chẳng quan sang cũng phú hào,  
Bốn phương đều thấp một mình cao.  
Ba gian lợp ngói mưa nào giọt,  
Bốn mặt xây tường gió chẳng nao.  
Ngày hạ cung đàn khi gió mát,  
Đêm thu cuộc rượu lúc trăng cao.  
Xưa nay mấy kẻ danh cùng lợi,  
Đào-cúc phong-lưu thủ bắc nào....!

### Vịnh cảnh chùa

Đè nhất thanh-cao ấy cảnh chùa,  
Một mảng non nước thơ trời tô.  
Xanh um bình quẽ cây trâm thưóc,  
Phổ ánh tòa sen sắc bốn mùa.  
Giọng kè pha cát êm hồi mõ nhỏ,  
Câu kinh họa lẵn tiếng chuông to.  
Trần ai mấy mặt tri-âm tá ?  
Biết thú mà chơi dãng đại-nho.

HOÀNG ĐÌNH-TIẾT (Thath-hoa)

### Anh dốt hay làm thơ

Nghề văn nào phải việc đùa chơi,  
Thơ phú khuyên ai chờ vội đòi.  
Phận dốt sao không cam chịu phận,  
Tài hèn còn cứ giở khoe tài.  
Túi thơ quăng quách cho xong kiếp,  
Bầu rượu ham chi đè bạn đời.  
Mặc khách văn-nhân đâu có thể ?  
Hoa thêu gấm dệt thử xem coi.

### Thương ai

(ca lục-bát)

Thương ai mặt ngọc da ngà,  
Đoạn-trường lâm lúc nghỉ mà thêm đau.  
Thương ai nắng dài mưa dẫu,  
Một mình thui-thủi bấy lâu quê người.  
Thương ai học-thức tốt vời,  
Nở náo đè thiệt một đời thông-minh.  
Thương ai tiết-liệt trung-trinh,  
Mà sao gặp cảnh tan bình vỡ gương.  
Thương ai bồ-thi tử-phương,  
Trông vời cổ-quận mạch thương khôn cầm.  
Thương ai chiếc bóng âm-thầm.  
Giận đời đèn bạc ruột tăm vò tơ,  
Thương ai ra ngàn vào ngo,  
Bút thần muôn động hồn thơ vô-tình.  
Thương ai lên thác xuống ghềnh,  
Phận bèo luống chịu lênh đênh rập vùi.  
Thương ai ta những ngậm ngùi,  
Khôn ngăn giọt ngọc xụt-xùi rỗ sa.

ĐƯƠNG ĐÌNH-TÂY (Đàp-cản)

### Thăm bạn học ở Hà-nội

Phòng văn nhán buồi êm trời.  
 Xem thư Phật-mộc nhớ người đồng-thanh.  
 Bạn-huynh từ Hà-thành du-học,  
 Đè năm canh trân trọc âm-thầm.  
 Bảng khuênh nhớ khách đồng-tâm,  
 Nước non luồng những tri-âm bấy chày.  
 Nhớ khi phố Hạc xum vầy,  
 Khi đêm chén nước khi ngày câu thơ.  
 Sựng nghĩ đến vò tơ trăm mối.  
 Biết cùng ai sớm tối bạn bau ?  
 Biết ai ý-hợp tâm-dầu,  
 Nỗi vui ai biết nỗi sầu ai hay.  
 Ngao ngán thay đêm ngày nhớ bạn,  
 Bỗng đâu mà chim nhạn đưa tin.  
 Giờ xem thấy chữ bình-ninh,

Bấy lâu xa cách tấm tình nhớ mong.  
 Tin đâu nhẫn trong lòng vui vẻ,  
 Chữ đồng-tâm như vẽ tranh tùng.  
 Càng xem càng nhớ càng trông,  
 Nghĩ sao cho xiết tấm lòng tương-tư !  
 Tạm mấy chữ phục-thư trước án,  
 Chúc bình yên ngày tháng như thường  
 Đã sinh ra kiếp bồng tang,  
 Phải chen vai hội danh-tràng cho xong.  
 Làm giai bay bồng cách hồng,  
 Gần nơi kinh-quốc xa vòng hương-quan.  
 Rời ra công-nghiệp hảo-hoàn.  
 Anh em ta sẽ giao-hoan có ngày.  
 Làm ghi một bức thư này.

An-xuân NGUYỄN ĐÔN-TÙ

## TIỂU - THUYẾT CỔ

### LĨNH - NAM - DẬT - SỨ<sup>(1)</sup>

### 嶺 南 逸 史

XV

#### HỘI THỨ XVI

*Giả trợ-chiến, một trận liền giải vây,  
 Thực giảng-hòa, ba quân đều cõi giáp.*

Nói về binh-mã đại-dội trại Gia-quế kéo đi được hai ngày, thời tiên-phong Đặng Bưu truyền lệnh đóng quân lại dè đợi Lý công-chúa đến thương-nghi. Khi công-chúa đến nơi, Đặng Bưu vào thưa rằng :

— Nay quan-quân họp cả quân toàn-tỉnh và mươi vạn chia giữ các nơi yếu-hại; nếu ta phản binh ra mà đánh thì không đánh nổi; hợp-binh lại đánh thì lại sợ bên quan-quân trước sau ứng-cứu, ta hữu giáp-công, thời minh thành ra thế-cô không thể chống lại được. Cứ như ý tiêu-tướng thời ta nên giả-danh đến trợ-

chiến, dè cho ý họ không ngờ, rồi ta tiến binh lên đóng sit vào trại quan-quân. Vâng tôi nghe Đồng Miêu-Công Long-quân ở Liên-châu, ta nên mật sai người đến ước-dịnh, báo y thura khi ban đêm đem quân di tắt đến đánh Phat-linh, rồi liền kéo đến đánh Ân Chinh-Mậu; bě Đời tuân-phủ nghe tin ấy thời tắt đem quân di cứu-viện; công-chúa thời thura lúc đương điêu-bát quân-sĩ, khởi-binh đánh áp vào, như thế thì chỉ một trận là giải vây cho Mai-Anh được.

Công-chúa cả mừng mà rằng :

— Thúc-phụ bày kế ấy rất diệu! Nhưng phải kén lấy một người sứ-giả nói năng hoạt-bát, thời mới nói lừa được hẳn; thúc-phụ thử xét xem ai có thể sai đi sứ được?

Đặng Bưu nói :

— Nay có tì-tướng Đặng Kế-Luân có thể sai đi được.

(1) Xem Nam-Phong từ số 48.

Công-chúa liền cho gọi Đặng Kế-Luân vào hứa, dặn bảo ý-tử rồi cho đem lě-vật sang trại quan-quân. Dời tuần-phủ nghe tin báo, cho dời Kế-Luân vào trại trung-quân Kế-Luân bái-yết xong, dâng lě-vật lên bầm rắng :

— Tiều-tướng phụng-mệnh Lý công-chúa đến đây thưa với đại-nhân biết cho rằng quân giặc Thiên-mã vốn có thảm-thù với công-chúa tôi, nay nghe nó dám đem binh đến phạm tinh-thành, vậy công-chúa tôi thống-suất ba-mươi vạn quân, linh-nguyệt xin làm tiên-phong, quyết ra tay chém giết quân cường-tặc ấy để rửa cái hờn trước ; bởi vậy sai tiều-tướng đến đây tỏ tình hòa-hiếu bầm lên đại-nhân lượng biết cho.

Dời tuần-phủ nghe nói trong bụng nghĩ thầm có ý kinh-nghi, bèn truyền hứa cho Kế-Luân lui ra, liền họp các quan lại thương-nghi mà rắng :

— Nay Lý công-chúa không đợi có mệnh-linh điều-khiển mà tự thống-binń đến đây, sợ rằng có ý trái-nguy gì chẳng, chẳng hay các ngài có kế-sách gì để cấm chỉ được không ?

 Chi-huy-thiêm-sự Vương Kinh thưa rắng :

— Lý công-chúa ở trại Gia-quế từ khi hàng-phục đến giờ, vẫn giữ theo phép-tắc triều-dinh. Tháng chín năm ngoái vì sự cựu-thù có đem quân đến đánh trại Thiên-mã, khi ấy quan Ngò đại-nhân có trợ-cấp cho vừa lớn vừa nhỏ một nghìn chiếc thuyền ; không ngờ quân Thiên-mã hung-cường dânt: cho đại-bại ; vì thế trại Gia-quế đã mấy lần cho người đến quân-môn dè xin quân di đánh báo thù, song quan Súc đại-nhân không cho, khi ấy các quan tam-ti đã từng vì Lý công-chúa mà xin binh hộ ; nay y lại trợ-chiến, tướng cũng không có ý gì khác đâu.

Khi ấy có quan Tham-nghị Triệu Khả-Hoài ngồi ở bên ngảnh về quan Dời tuần-phủ mà thưa rắng :

— Quan Ngò đại-nhân vẫn có lòng tin Lý công-chúa, tướng cũng chẳng có ý gì khác.

Dời tuần-phủ nghe lời bèn trọng-thưởng cho Trịnh Kế-Luân rồi cho trở về. Lý công-chúa được tin ấy cả mừng, liền thông-linh đại-binń kéo thẳng đến núi Bạch-vân. Đặng-Bưu lại xui Lý công-chúa thân đến yết-kiến quan Dời tuần-phủ nói tỏ cái sự tinh oán-giận giặc Thiên-mã, nay xin đến phá giặc để trước là báo ơn triều-dinh, sau là tiết cái lòng tư-phẫn. Dời tuần-phủ thấy Lý công-chúa dung-nhan từ-khí có vẻ hiền làng trung-hậu, bèn không có ý ngờ vực gì cả. Ngày hôm sau Lý công-chúa đem tướng-sĩ đến núi Bạch-vân khiêu-chiến. Trông lên núi thời thấy : Khi thiêng nghi ngút, mây trắng phất-phor; khe Qui-long nước phun trắng xóa, dài Thư-hạc bóng xé mập mờ ; đỉnh núi tron-von, xanh biếc một mầu xa ngắt bóng ; lá ngô bát-ngát, đỏ ngòn nghìn dặm nức bay hương ; dấu cõi mây mờ, nhà tiên bóng khuất ; rõ ràng ngọn kỳ-phong đệ-nhất, thực là nơi thẳng-dịa vô-song.

Khi ấy Mai Anh bị vây ở trên núi Bạch-vân, lương-thảo đã hết, ngày ngày sai người lên đỉnh núi Ma-tinh trông ngóng cứu-binń, thì chẳng thấy tăm hơi gì cả, rong bụng đã hoang-mang. Chợt thấy tên tiều-hiệu chạy lên phi bão rắng :

— Bầm, dưới núi có một toán quân, kéo hiệu cờ quan trại Gia-quế, kéo đến khiêu-chiến với đại-vương.

Mai Anh nghe nói cả mừng, liền thúc-trang lên ngựa chạy tể xuống núi, thời thấy Lý công-chúa kìm ngựa đứng ở trước cửa cờ, cầm roi trả Mai Anh mà mắng rắng :

— Bỏ quân giặc kia, dám thị-cường đến đây, có muốn chết không ?

Công-chúa thét mắng rồi liền nganh lại tă hứu mà rắng :

— Chư-tướng, ra bắt tên tặc-nô kia cho ta, đem bầm thày nó ra, dè vi ta rửa hận !

Nói vừa rút lời, Nguyệt-Nga liền nhảy ngựa múa gươm ra xung-sát. Mai Anh với vàng đối địch, hai bên đấu nhau đến một trăm hiệp không phân thắng-phụ ; dời bên quân-sĩ đều vỗ tay reo herra. Mai

Anh trong bụi: cũng khen thầm là người kỳ-nữ, lại xông vào đánh hơn hai-mươi hiệp nữa. Nguyệt-Nga giả cách vỗ dội gươm rồi quay ngựa chạy. Mai Anh phi ngựa đuổi theo, chừng gần đến nơi. Nguyệt-Nga bắn bật ra một mũi tên. Mai Anh vội ném minh tiánh thời mũi tên ấy tin sóc vào trên yên ngựa. Mai Anh nhò tên lên xem thì thấy khắc ba chữ: « Mai Ánh Tuyết » Mai Anh cả mừng, liền giả cách thua, quay ngựa chạy. Lý công-chúa bèn vung roi lên trỏ bảo, quân-sĩ liền xung-sát xông lên, tiến vào giáp trận. Mai Anh vội vàng sai quân-sĩ vứt áo giáp bỏ đồ binh mà chạy. Lý công-chúa thúc quân đuổi đến dưới chân núi, rồi hồi trống đắc-thắng mà trở về. Đời tuân-phủ nghe lín thắng-trận ấy bèn sai người trọng-thưởng cho Nguyệt-Nga. Chợt lại thấy thám-mã chạy về báo rằng: « Đồng Miêu-Công đã đánh phá mất Phật-linh, đương xung-sát đánh vào tâ-doanh ». Đời tuân-phủ vội vàng sa Tham-tướng Lý Úng-Tường, Du-kich Trần Dần đem quân đi ứng-cứu. Lại chợt nghe thấy tin báo: « Bình-mã trại Gia-quế đương khua trống hò reo, khói lửa bốc ngất trời ». Đời tuân-phủ đương lúc kinh-nghi hoảng-hốt, lại thấy tên tiêu-hiệu chạy vào báo rằng: « Trại Gia-quế phát hỏa ! » Nói chưa rút lời, thời liền nghe tiếng súng nổ, binh mã trại Gia-quế đã xô-xát kéo áp vào đến nơi; quan-quân thất-kinh, ồn-ào rối loạn cả lên. Giảm-quân là Cố Dương-Khiêm lật-dật bỏ trại mà chạy. Quân lính trông thấy ngờ là Đời tuân-phủ, bèn cả kêu lên rằng: « Ôi thôi ! Chủ-súy trốn đi mất rồi ! » Trong quân đều kêu khóc ầm cả lên, đồ xô nhau mà trốn chạy, giày seo lắn cả lên nhau. Đời tuân-phủ không thể nào ngăn lại được. Lý Úng-Tường nghe tiếng hò reo rập đất, ngẩn lại trông về quân-trại, thì thấy ngọn lửa bốc lên sáng rực trời, mới biết là phải quân Dao-man đánh phục mất quân-trại. Liền cùng với Trần Dần quay binh trở lại cùu-ứng, đánh xông vào trung-quân tiếp đón Đời tuân-phủ, rồi liều chết

đánh rẽ ra lấy một đường bao-hộ. Đời tuân-phủ vừa đánh vừa tháo lui, chạy về đến tĩnh-thành. Đời tuân-phủ liền phản-phó cho hai tướng đóng đồn lại ở Tam-nguyễn, để tiếp-ứng cho các cánh bại-quân. Đời tuân-phủ thời tự ra trận để bao-thủ lấy thành-trì. Rạng sáng hôm sau, Lý, Trần hai tướng thu được và vạn bại-binh kéo về thành. Còn Ân Chinh-Mậu thi kéo quân chạy về Huệ-châu. Thực là :

*Công đã gần nên lại hóa tàn,  
Giảm-quân trách kẽ bỏ quân tan.  
Binh chúa giao-chiến đã thua chạy,  
Hờ-hững vì chung mắc kẽ gian.*

Nói về Mai Anh được Nguyệt-Nga thông tin cho biết, bèn trở về trên núi, phản-phó cho quân-sĩ sắp sửa đầu đầy, chỉ đợi nghe hiệu-lịnh sau này, thì chia quân ra xông - đột đánh xuống. Trống canh hơ đêm hôm ấy, chợt thấy dưới núi lửa bốc rực trời, tiếng reo rập đất. Mai Anh liền thúc quân-sĩ hò reo đánh xông xuống núi sau lưng trước mặt hai dàn giáp-công; quan-quân bại-trận thua chạy chết lăn như rạ. Quan-quân đã thua chạy đi, Mai Anh bèn thu quân lại, đem tướng-sĩ đến trại quân Gia-quế, bái-tạ Lý công-chúa. Ngày hôm sau, hai trai quân đều chia binh-mã kéo ra hai ngả đến vây đánh tĩnh-thành. Đánh luôn ba ngày ròng rã. Đời tuân-phủ tùy-cơ ứng-biến, phòng-bị nghiêm-mật không thể sao phá được. Gia Cát-Đồng cả giận hăng lên bèn truyền lệnh cho quân-sĩ cứ mỗi một tên quan-dêm nay phải dự-bị một dấu đất lớn, hẹn đến giờ thin ngày mai đem đến nộp ở phía thành cửa đông, nếu không thì chém lập tức. Chỉ-kỳ, Gia Cát-Đồng thản cầm một túi đất, sai Đồng Miêu-Công nhâm vào chỗ dấu mũi tên ở dưới thành, vứt ném cái thò-nang vào đó. Chu-quân trông thấy đều reo ầm lên đồ xô lại đem thò-nang chất đầy dưới thành, vụt chọc thò-nang chõng lên từng bậc, cao vút hơn thành. Chu-quân hò reo đánh trống nhảy

lên. Đời tuần-phủ cả kinh, liền hô quan bắn súng ra. Song đã phải Vạn Nhân-Dịch nhảy vào trong thành, quân-sĩ thất-kinh dien-dảo, không kịp đốt lửa bắn súng ra. May đâu Lý Ứng-Tường nghe tin ấy, liền đem năm nghìn tay súng Qua-oa đến bắn nỏ ra rầm rời. Quân Dao-man mới chịu lui rãnh ra; quân trong thành cũng mỏi mệt hết sức.

Lý công-chúa thấy sắp phá được tỉnh-thành, trong bụng buồn rầu không vui. Đặng Buru hỏi rằng :

— Tỉnh-thành sắp phá được nay mai, chẳng hay công-chúa có sao lại? k' ông vui lòng vậy?

Công-chúa nói :

— Tôi từ khi qui-thuận triều-dinh, vẫn thèm một lóng giữ đạo trung-thuận. Nay chỉ vì Súc Nục làm khốn-khổ Hoàng-lang không ra tay cứu không được. Nhưng mà phá thành nhà vua, giết quan nhà vua, xé trung-thuận nào lại làm như thế bao giờ! chẳng hay thúc-phụ có kế-sách gì hay, khiến cho tôi khỏi sai lạc mất lòng trung-thuận, thời mới là diệu-sách?

Đặng Buru nói :

— Nếu như thế thời chỉ có kế giảng-hòa mà thôi.

Công-chúa nói :

— Trước đã xin trợ-chiến để đánh lừa Đời tuần-phủ; nay lại nói xin giảng-hòa, sợ họ không tin chẳng, thì làm thế nào?

Đặng Buru nói :

— Tuy trước có nói dối họ thật, nhưng vẫn chưa nói rõ cái tình-tiết Hoàng-lang. Nay nếu công-chúa sai được người nói giỏi, đến nơi Đời tuần-phủ thuyết-minh cái căn-do Súc Nục trước sau cẩn túc, và cái tình-tiết Hoàng-lang bị vu-oan. Rồi xin tha cho Hoàng-lang, để dù hàng quân Thiên-mã. Đời tuần-phủ là người trung-canh liêm-minh, đã biết rõ cái sự khiêu-hấn nhuros-tranh là bởi tại Súc Nục cả; thời tất là tha cho Hoàng-lang để giảng-hòa.

Công-chúa nói :

— Phải, song đi sang đó thuyết-minh, phi thúc-phụ thời không được. Xin thúc-phụ chờ từ khó-nhọc, vì cháu đi bộ chuyễn này.

Đặng Buru nhận lời ra đi. Lý công-chúa bèn mời Mai tiều-thư lại thương-nghi, truyền đem binh-mã hãy tạm kéo lui. Đặng Buru một mình một ngựa đi đến dưới thành, gọi quân-sĩ thủ-thành mà bảo rằng :

— Hỡi quân thủ-thành! Ta đây là Gia-quế trại Tiêu-lòng Đặng Buru, có việc đến mời tuần-phủ đại-nhân ra thương-kiến, xin nhờ thông-báo hộ cho.

Đời tuần-phủ nghe tin báo, truyền quân-sĩ lấy dây giòng đem Đặng Buru lên mặt thành, thi-lễ thương-kiến xong. Đời tuần-phủ hỏi :

— Chẳng hay túc hả yết-kiến ta có việc gì?

Đặng Buru nói :

— Tôi nghe: Người nhân-giả dãi người, không hay ghi nhớ cái oán nhỏ; trước kia chủ tôi là Lý công-chúa, nhân vi di cùu cha là Đô-bối đại-vương, đem ba trăm nữ-binhh đánh phá hai mươi vạn quân của Súc đại-nhân ở Lệ-tử, và đánh Súc đại-nhân phải bi-thương ở dùi; khi ấy chủ tôi vì thiết-tình phu-tử, dẫu thân mình cũng chẳng tiếc, nữa là nghĩ gì đến Súc đại-nhân. Thế mà Súc đại-nhân cứ cầm túc để bụng không nói ra, trước kia đã không muốn cho công-chúa tôi về hàng, cố sức gạt lời Ngõ-hầu đi; sau lại sai Dương Kiệt đến Sơn-trại làm cho tàn-nugược. Song công-chúa tôi vẫn chịu nhẫn-nhục, cốt giữ cho trọn thắn-tiết. Tháng mười một năm ngoái, nhân chồng công-chúa tôi là Hoàng Phùng-Ngọc có việc đến khiếu-oan ở quân-môn, Súc đại-nhân chẳng hỏi xét gì cả, liền đem giải Phùng-Ngọc đến Nam-hải, nghiêm-hình tra khảo bắt ép chiêu-xưng phải nhận là bạn-ngbịch, kết thành án đem tổng giam. Tôi tiết-tưởng như nhà họ Mai ở Thiên-mã không phụng chính-sóc, không thuộc bần-dồ, như thế

mà gọi là bạn-nghịch, thì ai còn dám cãi nữa. Chớ như chủ tôi từ khi về hàng đến nay, vẫn dốc một niềm trung-thuận, nhân-dân bốn huyện vẫn yên ổn cả không thấy có xảy ra điều gì; thế mà Súc đại-nhân đã oan cho là giặc, buộc cho cái danh bạn-nghịch; cố giết chết chồng chủ tôi, để tiết cái lòng tức giận xưa nay thì mới là sướng. Như thế thời dưới bóng thiên-nhật này lại không dung cho lũ chúng tôi cải-quả tự-tân hay sao? Cùi xin đại-nhân rửa cái oan ấy đi cho, mà tha cho chồng chủ tôi; lũ chúng tôi xin đi dù hàng quân Thiên-mã, để trước là dền ơn nhà nước, sau là báo nghĩa đại-nhân, xin đại-nhân lượng xét.

Đời tuần-phủ nói :

— Xin mời túc-hạ hãy tạm đợi ở nơi quán-dich, để bắn-chức tra hỏi đầu đuôi sẽ hay.

Đặng Bưu vâng lời cáo-thoái. Đời tuần-phủ họp cả các quan lại thương-nghi. Tham-nhi Triệu Khả-Hoài nói :

— Nay nếu tha một Hoàng Phùng-Ngọc, mà bay hàng-phục được quân cường-tắc mấy mươi năm, đó cũng là cái công to đe lưu trâm đời. Duy chỉ có một điều là nó lấy binh-lực áp-chế ta thời cũng đáng tiếc cho thê-thống triều-dinh lắm! Bây giờ chỉ nên tra cứu đầu đuôi cái sự-trạng Hoàng Phùng-Ngọc, nếu quả là chán-tinh đáng tội, thời cũng không thè thau-an một lúc mà phóng-xá, để hoại mất phép-tắc triều-dinh. Nếu xét ra quả là oan-uồng, thời mới tha cho được.

Đời tuần-phủ nói :

— Lời quan Tham-nghi nói phải.

Lập-tức sai người đến huyện Nam-hải đòi huyện-quan Hồng Nhất-Giáp lại chất-vấn mà rằng :

— Chẳng hay nhà thày tra hỏi Hoàng Phùng-Ngọc nó cung-xưng là phản-nghịch có đích-thực không?

Hồng Nhất Giáp trước kia vẫn cầm cái lời tiên-nữ mách bảo, biết Phùng-Ngọc sau này tất là một người dị-nhân, vẫn có bụng muốn nhân dịp đe cứu gớ cho. Nay thấy

quan Đời tuần-phủ hỏi đến, bèn nói tỏ sự đầu đuôi Súc Nục xui bão và bắt ép phải chiêu-xưng là bạn-nghịch; và sự Phùng-Ngọc kêu trời kêu đất, thề chết thề sống không chịu chiêu-xưng; sau có bảo Phùng-Ngọc cứ tạm cung-nhận, để sau này sẽ thanh-lý v.v. Sự-tình thế nào đều cứ thực nói ra cả chớ không giấu điều gì. Đời tuần-phủ nghe xong liền quát mắng Nhất-Giáp đuổi ra. Liền sai người mời Đặng Bưu vào cho ngồi ở bên mà rằng :

— Bắn-chức đã tra được đầu đuôi sự Hoàng Phùng-Ngọc rồi, quả thực là bị oan. Song chẳng hay túc-hạ làm thê nào mà dù quân Thiên-mã về hàng được?

Đặng Bưu nói :

— Nguyên trại Thiên-mã có nàng Mai tiêu-thư vốn yêu tài-mạo Hoàng-lang, bắt ép Hoàng-lang lấy làm chồng. Song Hoàng-lang ghét rằng quân Thiên-mã không theo giáo-hóa nhà vua, bèn bỏ mà trốn đi. Thế mà Mai tiêu-thư cũng bỏ cả dân-chúng và mươi vạn, liền theo đi tìm Hoàng-lang, chỉ một niêm giữ tiết bồ-kinh cho phai đạo; suy cái tâm ấy thì biết nhà họ Mai không phải chỉ là hung-hăng tàn-bạo đà. Lòng trinh-thuận ấy chính là đạo làm ấy, mà chính là đạo làm tôi, xem như nàng đã không nỡ phụ Hoang-lang, lẽ nào lại nỡ phụ triều-dinh hay sao? Bởi thế tôi mới biết rằng quân Thiên-mã có thể dù hàng được.

Đời tuần-phủ cả mừng mà rằng :

— Nếu như vậy thì nhờ túc-hạ đi dù hàng cho mới xong.

Đặng Bưu nhận lời cáo-tử xin lui, bèn lại giòng dày đưa xuống dưới thành, trở về binh-trại. Đặng Bưu bèn thuật chuyện lại cho Lý công-chúa nghe; rồi lại đến trại Mai tiêu-thư, cùng với Mai Anh thi-lễ xong, Đặng Bưu lại đem những lời quan Tuần-phủ nói, thuật chuyện lại một lượt, chúng nghe nói đều mừng rỡ xin đầu hàng. Lý công-chúa bèn cùng với Mai Anh thương-nghi, đem cả binh-mã hai trại lui về đóng ở Hoa-huyện. Mai tiêu-thư xin Lý công-chúa làm hộ cho tờ biếu-chương

dè dâng lên xin nộp thuế cống. Lại sai Tống Kim-Cương cùng đi với Đặng Bưu vào thành dâng nộp. Đói tuẫn-phủ bước xuống thềm đón rước, bày tiệc khoản-dãi, lại lấy lời nói úy-lạo hai tướng mà rằng :

— Nay chư túc-hạ đã qui-thuận triều-dinh, thời túc là thần-tử triều-dinh. Bản-chức sẽ tâu lên xin phong chức cho chư túc-hạ.

Hai tướng đều đứng dậy cảm tạ. Đặng Bưu nói rằng :

— Tiêu-tướng chúng tôi nhờ ơn đại-nhân che chở cho, rất lấy làm cảm tạ. Còn như chồng công-chúa tôi là Phùng-Ngọc xin đại-nhân sớm phóng-xá cho, để cho yên-ủi lòng mong đợi của nhân-dân hai trại.

Đói tuẫn-phủ nói :

— Xin túc-hạ hãy trở về, bản-chức sẽ sắp lê-nghi đưa Phùng-Ngọc về sơn-trại.

Hai tướng bái-tạ rồi trở ra về. Thực là :

*Cửa công nếu được quan Tuần khá,  
Cõi bẽ can chi giác nỗi nhiều.*

Nói về Phùng-Ngọc bị-giam ở Nam-hải, Tống-Nhất-Giáp thường thường sai người đến thăm nom; lại được Mai-tiêu-thư sai Hoàng Thông với Chi-Long hai người đem nghìn vàng đến đó dè tiều-dùng chi-cấp, nên mua được lòng những quan ngục-lốt đều phải phục-dịch cũ. Phùng-Ngọc cả ngày rời dài vò-sự: song chỉ thời-thường thương đau Lý công-chúa bị chết nỗi thảm-tuyệt, và nhớ Trương-tiêu-thư không biết sống chết dường nào, lòng đau như cắt, lắm lúc ngất đi; lại lắm lúc buồn bã không thể giải được, thời chỉ ngượi-ngâm thê-thảm; khiến cho cả người trong ngục-thất ai nghe cũng rỗ nước mắt. Một hôm, ngủ ngày, mơ màng thấy cùng với Trương-tiêu-thư đi về nhà; trông thấy mẫu-thân Sa phu-nhân ra tiếp đón. Dương lúc bàng-khuâng nứa phần thương đau, nứa phần mừng rỡ: thời sự đau cơn mưa gió kéo đến ầm-ầm, quan ngục-tốt hô-hoán, thời sự tĩnh giác dậy, trong lòng buồn bã, bèn cầm bút viết một bài *Giang-thành mai-hoa-dân* dè giải muộn rằng :

*Ngày dài tĩnh giác luồng bàng khuâng,  
Ngoi tựa cửa cánh tường ngắn.*

*Thôn thức lòng này, khôn xiết nỗi  
bản-khoän !*

*Nỗi bản khoän, dạ đau như rắn,  
Giận không ngắn, nghĩ lại thêm càng !  
Mỗi sầu cắt không dứt, mộng hồn  
sao an.*

*Chỉ nguyện sona-thân ngày vui vẻ,  
Nỗi con chờ nghĩ dè thêm phiền ;  
May ra lòng con nguôi bớt một vài  
phân.*

Phùng-Ngọc viết rồi, dương lúc trầm-ngâm thê-thảm, chợt nghe tiếng ngục-lốt chạy vào gọi ầm lên rằng :

— Nào Hoàng-công ở đâu, Tuần-phủ đại-nhân có sai quan đến tiếp rước đó !

Phùng-Ngọc nghe tiếng gọi, bụng nghĩ thầm rằng: Chẳng hay quan Tuần-phủ nào lại đến tiếp rước mình làm chi vậy. Nghĩ rồi từ-từ bước ra, thời thấy ngục-tốt vội vàng chạy lại tiếp đón, liền tháo bỏ gông, cởi bỏ siêng xích, đưa ra ngoài cửa ngục. Thời thấy có một quan tướng-quân đưa đến một bộ áo bào, một bộ mũ, một đôi giầy: sau lưng lại thấy một tên lính dắt một con ngựa đến. Quan tướng-quân ấy khi trông thấy Phùng-Ngọc cúi mình mà thưa rằng:

— Hạ-quan phùng-mệnh quan Tuần-phủ đại-nhân, đến nói với lệnh-công thay áo mũ, rồi mời đến nhà-mòn tương-kiến.

Phùng-Ngọc nghe nói không biết duyên-có làm sao, chưa chịu thay áo vội, nói rằng:

— Phùng-Ngọc này chưa biết cái lệnh đại-nhau phóng-thích ra làm sao, sao dám thay bộ áo tú di vội.

Dương lúc dứng-dâng chưa chịu thay áo thời chợt thấy Hoàng-Thông và Chi-Long cầm lược cằm khăn tự phía bên dòng chạy lại cười ha-hả, dắt tay Phùng-Ngọc đứng lại một bên, rồi ghé tai mà rằng :

— Mai tiêu-thư nay lui binh đến đóng ở Hoa-huyện, đã sai người vào thành dè giảng-hòa với quan Tuần-phủ rồi.

Chi-Long thời liền nhận lấy áo mũ nói với quan tướng-quân ấy rằng :

— Xin tướng-quân cứ về trước để anh tôi trái dầu lửa mặt rồi sẽ lại hầu ngay.

Tướng-quân nói :

— Quan lớn tôi đợi để tướng-kiến, xin mời ngài đến mau mau cho !

Hai người liền rửa chải thay mũ áo cho Phùng-Ngọc xong, rồi cùng đi đến nha-môn quan Tuần-phủ. Bộ-tướng trông thấy Phùng-Ngọc đến nơi liền đưa vào quí ở trước cung-đường. Đói tuần-phủ trông thấy vội vàng mời dừng dậy tướng-kiến. Phùng-Ngọc khẩu-dầu đứng dậy; quan Tuần-phủ mời ngồi ở bên cạnh. Quân lính hiến trà xong. Đói tuần-phủ nói :

— Bản chức đã tra xét rõ sự hiền-thai oan-uồng, đã làm tờ tâu để biện-oan cho hiền-thai rồi. Nàng tri-kỷ của hiền-thai ít lâu nay, vẫn phụng-mệnh triều-dịnh, hiền-tại có đến đó, nên khuyên bảo giữ lấy lòng trung-thuận, một bể làm tôi nhà vua, chờ sinh lòng phản-trắc. Bản-chức muốn mời hiền-thai ở lại xơi rượu, nhưng sợ rằng nàng tri-kỷ của hiền-thai mong đợi đã lâu, hiền-thai nên trở về ngay cho khỏi mong đợi.

Quan Tuần-phủ nói rồi lại trả con ngựa trắng đã thắng yên cương tử-tế ở dưới thềm mà rằng :

— Xin tặng hiền-thai con ngựa đó, gọi là chút biếu tâm lòng.

Phùng-Ngọc không hiểu rõ dầu đuôi, không biết đáp lại sao, chỉ là vâng lời rồi cáo-tử trở ra. Hoàng Thông, Chi-Long liền tiếp đón cùng đi ra ngoài cửa thành, vòng quanh đến Hoa-huyện. Phía đằng xa đã có quân thám-mã trông thấy chạy về phi-báo hai trại. Lý công-chúa và Mai tiều-thư được tin liền đem tướng-sĩ ra ngoài thành nghênh-tiếp. Phùng-Ngọc trông thấy vội vàng xuống ngựa. Lý công-chúa và Mai tiều-thư chạy lại đón rước, ôm đầu că khóc. Phùng-Ngọc nguyên chỉ biết rằng Mai tiều-thư lại cứu mình, còn cái đoạn phải đi cầu-cứu Lý công-chúa, thời vì trong thành tuần-phòng nghiêm-mật quá, không ai dám lộ ra, nên Phùng-Ngọc không hiểu rõ ra làm sao, Nay chợt thấy Lý công-chúa chạy ra đón, Phùng-Ngọc phải ngừng

giọt lệ lại không khóc lên được nữa, bèn trừng mắt nhìn rồi nói rằng :

— Chẳng hay tiểu-sinh với công-chúa sao lại được gặp nhau dày ? Tự hờ như giấc chiêm-bao làm vậy !

Công-chúa khóc mà rằng :

— Thiếp có chết ở đâu, cái xác mà lang-quán chôn đó, là nữ-tướng Hứa Ngọc-Anh đấy.

Phùng-Ngọc liền rõ nước mắt mà rằng :

— Tiểu-sinh vẫn nghĩ là đã cùng với công-chúa quyết-biệt rồi, ai ngờ lại còn có ngày nay nữa. Song nếu không gặp được Hứa phu-nhân hai lần cứu cho, thời tiểu-sinh chẳng chết đuối như Khuất Nguyên, cũng phải chết ở dưới trướng tra-tấn của bọn tham-quan khốc-lại !

Mọi người nghe nói đều hỏi Hứa phu-nhân cứu hộ ra làm sao ? Phùng-Ngọc bèn đem sự Ngọc-Anh hai lần hiền-linh cứu hộ thuật-chuyện lại cho mọi người nghe, chúng đều ta-thán nức nở. Mai Anh liền mời Phùng-Ngọc lên ngựa trở về trại Lý công-chúa. Phùng-Ngọc tiếp kiến chư-tướng đều nói ân-cần cảm-tạ cái ơn cứu-hoạt. Lý công-chúa sai bày tiệc khánh-hạ. Đêm hôm ấy Mai tiều-thư phải nhường Phùng-Ngọc nghỉ bên trại Lý công-chúa. Trường tò giáp mặt hoa đào, càng âu duyên mời càng dào tình xưa ; tình ân-ái buổi trùng-phùng này tì với buổi so-hôn kia, lại càng keo sơn khăng-khit. Vậy có thơ rằng :

*Mảnh gương tan lại hợp,  
Giấc mộng luống mơ màng.  
Chung gối lâng đêm chuyện,  
Tương-tư giải đoạn-trường.*

— Ngày hôm sau, Mai Anh bày tiệc mời Phùng-Ngọc mở cuộc khánh-hạ, yến-âm luôn hai ba hôm. Một hôm Gia-Cát Đồng bảo Mai Anh rằng :

— Tôi xem Đặng tiều-thư Nguyệt-Nga, tài-mạo song-toàn, nếu đại-vương cầu lấy làm phổi-ngẫu, có thể làm được một tay lương-tá ở chốn khuê-môn.

Mai Anh nói :

— Ta đã cưới lấy Tiên Cô-nương rồi, sao lại lấy Đặng tiều-thư nữa.

Gia-Cát Đồng cả cười mà rằng :

— Ông lão nhà quê được mùa thu thêm được và mươi hộc thóc, còn muốn lấy vợ lẽ, huống chi như đại-vương, giàu có đến thiên-thượng, dẫu lấy thêm đến ba thiếp bảy nàng-hầu nữa lại không được hay sao !

Mai Anh nói :

— Quân-sư nói thế cũng là phải, song chẳng hay Đặng thóng-quân có đoái đến hay không ?

Gia-Cát Đồng nói :

— Đề bất-tài này xin đi nói thử xem thế nào.

Nói rồi, liền đi đến yết-kiến Lý công-chúa mà rằng :

— Nay Hoàng tướng-công đã cứu ra được rồi, lũ bất-tài chúng tôi đi vắng nơi sơn-trại đã lâu, muốn xin từ công-chúa trở về. Cứ lẽ ra thì Mai tiều-thư phải ở hầu Hoàng tướng-công ở bên công-chúa đây là phải ; song dẫu tiên-dại-trong tôi sinh ra tiều-thư, chỉ có hai chị em ; nếu tiều-thư đã phải ở bên công-chúa này, thì chủ tôi thiếu mất một tay giúp đỡ, chủ tôi ý muốn xin cô tiều-thư của Đặng tướng-quân để làm nội-trợ, xin công-chúa vì tình Mai tiều-thư mà nói giúp đỡ cho một lời.

Lý công-chúa cả mừng mà rằng :

— Xá-muội tôi tài kém đức mỏng, chỉ sợ không đáng sánh đôi với đại-vương, nếu đại-vương muốn kén dùng, thì tôi xin vâng-mệnh để nói với Đặng tướng-quân cho được.

Gia-Cát Đồng cả mừng, cáo từ trở về trại ; nói với Mai Anh sắm sửa đồ thiên-

kim sinh-lễ, đề đến trại Lý công-chúa để đưa cho Đặng Bưu thâu-nhận. Lý công-chúa sai người vào tỉnh thành sắm sửa đồ nữ-trang hai ba nghìn bạc, chọn ngày tốt làm lễ thành-thân ngay ở trong trại. Ngày hôm cưới, âm-nhạc linh đình, lễ-nghi chỉnh-bị, rước dón Nguyệt-Nga đưa về trại Mai Anh làm lễ thành-hôn. Khi dón dâu vào đến trại sau, Mai Anh sẽ đỡ Nguyệt-Nga nâng bỏ cái khăn phủ đầu ra, thử ngắm nhìn xem, dời bên đều ý-hợp tâm dẫu, mười phần hoan-hỉ. Tả hữu bày bàn tiệc yến, hai người giao-bôi uống rượu. Mai-Anh nói :

— Hôm trước ở trận-tiền gặp hiền-khanh trong lòng tôi lấy làm hâm-mộ lắm, không ngờ hôm nay lại được sánh dời loan phụng !

Nguyệt-Nga cúi đầu mỉm cười. Mai Anh tình cảng lai-láng, liền sai tả hữu triệt bỏ yến-tịch đi. Hai người đều duyên ưa cá nước, tình dặm mây mưa ; gầm duyên kỳ ngộ xưa nay, chẳng duyên hổ dẽ vào tay ai cầm !

Ngày hôm sau, hội họp cả tướng sĩ, mời tiệc yến-ầm. Đời Tuần-phủ và các quan nghe tin, đều sai người đến chúc mừng. Mai Anh đều khoản-khai tử tế cả. Cách và hôm sau, Mai Anh vì đã bỏ vắng sơn-trại lâu ngày không dành lòng, bèn cùng Nguyệt-Nga đến bài-từ Lý công-chúa xin về sơn-trại. Lý công-chúa định sắp bàn tiệc để tiễn-hành. Chợt đâu thấy một người jật-dật chạy lại trước dinh, trông vào Mai tiều-thư qui xuống cất tiếng khóc òa lên. Chúng đều cả kinh, không biết là việc gì.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU dịch



## DU' - LUẬN

*(Mục này đăng những lời bàn của các bạn đọc báo, bản-chí không giật trách-nhiệm. — N. P.)*

### Nên dúc tượng kỷ-niệm hai bà Trưng

Ít lâu nay, tôi đọc các báo ta thấy nhiều ông bàn về vấn-dề lập ngày hội kỷ-niệm cùng xây bia dúc tượng kỷ-công các bậc anh-hùng vĩ-nhân nước ta. Mỗi ông có một ý-khiến xác-dáng, mỗi ông có một tư-tưởng cao-xa, rút lại đều là những bậc biết nhớ ơn người trước, biết mến nghĩa người xưa, theo nghĩa « ăn quả nhớ kẻ trồng cây » mà bàn cả.

Qui-trọng thay là lời bàn ấy !

Kinh-phục thay là ý-khiến ấy !

Tôi nay, cũng vẫn sẵn có một lòng đó, xin biều-dồng-tinh cùng các ông, gọi là vài lời góp vào văn dư-luận, cùng anh em Trung Nam Bắc nhà ta, phô bày ý-tưởng.

Cái vấn-dề này không phải là một vấn-dề bé nhỏ, không phải là một vấn-dề riêng một ai bàn; tức là một vấn-dề chung của cả quốc-dân Nam-Việt, chung của cả đồng-báo Bắc Nam. Ai là quốc-dân cũng nên phô-bày ý-tưởng minh cho đồng-bang hay, ngõ-hầu thành dư-luận chung của cả toàn-quốc.

Tôi trộm nghĩ không gì xấu cho bằng một nhà không có con hiền, cháu thảo; không gì hèn cho bằng một nước không có hào-kiệt, anh-hùng; không gì nhục cho bằng một dân-tộc không có kỷ-niệm, tượng bia...

Vì sao? — Con hiền cháu thảo là hoa đẹp cỏ thơm của một gia-tộc; anh-hùng hào-kiệt là của qui muôn đời của một quốc-gia; kỷ-niệm tượng bia là biều-hiệu để lưu-truyền tiếng thơm

việc tốt của người trước. Nhà không con hiếu, sao nhà có yên, nước không anh-hùng, sao nước có mạnh. Nhà không yên, nước không mạnh, sao có đủ sức mà sinh-tồn, sao có đủ lực mà cạnh-tranh.

Nước Nam ta sở-dĩ sinh-tồn được đến ngày nay ở dưới gốc trời Á-Đông trên bờ biển Thái-bình-dương mênh-mông bắc-sở này, được hưởng-thụ bộ-hấp cái văn-minh Âu-Á, nghĩ mà xem, bởi đâu mà được thế, bởi đâu mà có cái buổi bách-nhật thiêng-quang này, mà chẳng phải nhờ ở các bậc tiền-bối, nhờ ông cha ta đã bao phen nắng-mưa dầm-dãi, lặn suối trèo đèo mà vào sinh ra tử, chịu lấy hòn đạn mũi tên để giữ-gìn lại cho anh em ta cái nước Việt ngày nay rư!

Chẳng phải là các bậc anh-hùng vĩ-nhân đó rư! Thế thi: nước Nam nhà cũng có anh-hùng, nước Nam nhà cũng có vĩ-nhân.

Vậy mà người minh ít khi biết đến công-đức các bậc ấy, coi hình như xa lì đâu đâu, xem bằng chuyên mơ-bồ huyền-hoặc, thế đã chán chua, thế đã buồn chua?

Thiên-ý tôi xem ra người minh lại hay cho bụt nhà là không thiêng mà cầu Thich - Ca ngoài đường; cho nên hỏi đến vua Đinh Tiên-hoàng là ai, đồng Hoa-lư ở đâu không biết; mà giá có hỏi ông Lưu Bị thế nào, nước Tây-Thục những gì, thì đọc thuộc lòng chon như nước chảy; xét ra cũng vì mấy lẽ sau này.

1º Người minh ít đọc sử. — Nước ta cũng có sử nhưng sử chẳng qua là chỉ riêng cho ít người văn-học biết đến

xem đến, chờ còn hạng bình-dân, là cái hạng da-số, thì mấy người biết, thì mấy người hay; vì rằng nước mình đã làm gì có phò-thông học-thức như người các nước văn-minh mà học cho biết được. Sau nữa nước ta cũng còn ít những bài ca-tụng các bậc anh-hùng, như các bài hát thông-thường của người các nước; vậy cũng có thiệt cho đàn-bà con trẻ học quốc-sử mau nhớ mau thông.

2. *Người minh kém lòng ái-quốc.* — Người minh kém người cái lòng ái-quốc, là cái bỗn-phận thiêng-liêng (*devoir sacré*) của dân đối với nước; không biết sứ thi còn sao yêu nước được nữa. Biết yêu vì cái gì? Biết yêu ai? — Đó là ý-nghĩa của người không biết sứ là chi chi.....

Những lúc canh khuaya thanh vắng, cha con vui-vầy, mẹ con quấn-quít, ấy chính là những lúc êm-dềm mà có thể luyện cho đứa trẻ tâm lòng ái-quốc lúc còn thơ. Cha kè chuyện cho con nghe, mẹ hát du cho con ngủ; ta có thể mang những chuyện nghĩa hiệp anh-hùng ra mà nói, những ca-vịnh thánh-nhân ra mà ngâm, can chi lại kè cho trẻ nghe những thay Đường-Tăng, ông Đại-Thánh, việc gì phải ngâm-nga những Tô-Thị cùng Tam-Thanh, v.v... Trẻ nó không biết chuyện, biết đâu là anh-hùng. Trẻ nó không tra chuyện, làm gì ra yêu nước?

3. *Nước minh ít tượng bia dè kỷ niệm.* — Nói rằng nước minh ít tượng bia dè kỷ niệm, xin các độc-giả chư quân-tử chờ với tưởng lầm với các tượng bia trong các chùa dinh của ta. Nếu theo nghĩa đó thì có thể nói rằng không nước nào nhiều tượng lầm bia bằng nước Nam ta. Đây là tôi nói tượng xây trong các công-viên của chung cả quốc-dân như của người Pháp,—đại-khai như tượng ông Paul Bert ở Hà-nội ta,—chứ không phải của riêng một làng

nào, hội nào. Tượng dựng trong một công-viên mát-mẻ, cho người vãng-lai không những được đẹp mắt, mà còn mỗi khi qua lại trông thấy tượng lại nhớ đến công-đức người xưa.

Nước minh đã ít người biết sử, vậy mà giả-sử có tượng dựng bia xây, dè kỷ-niệm các bậc anh-hùng, thì chắc quốc-dân cũng thêm thuộc truyện, mà lại khích-khuyến được người sau.

..

Các lẽ tôi kề trên đại-khai nói sự ích-lợi về vấn-dề xây bia đúc tượng, các nhà đọc báo chắc cũng đủ lượng ra. Sau đây, tôi xin bàn đến vấn-dề đúc tượng hai bà Trưng nữ-vương là hai vị đại nữ-anh-hùng nước ta. Công-đức hai bà những gì, tôi chẳng cần phải thuật ra chắc các ngài đã đọc tạp-chí này, đều tinh-tường hiểu rõ. Nay chỉ xin nói lời mà bàn xem nên xây tượng thế nào, xây làm sao và vào đâu, nhờ ai đứng chủ-trương coi sóc, lấy tiền ở đâu mà làm.

Trước hết, đúc một pho tượng, xây một tấm bia dè kỷ-niệm một bậc anh-hùng trong sử sách, là việc chung của cả quốc-dân. Việc chung của cả quốc-dân, vậy trông cậy vào ai? ai là quốc-dân? Ấy mới khó!

Thiết-tưởng chỉ nên trông ở ta.

Nói đến rằng «trông ở ta» thi chắc ai cũng doán ra là trông cậy vào hàng thương-lưu tri-thức trong nước, mà những hạng thương-lưu tri-thức trong nước ngày nay là ai? chẳng phải là các hội-viên hội Khai-tri-liễn-đức rư? Vì hội toàn là những thương-lưu nhân-vật trong các giới. Thế thi quyết chỉ Hội đứng lên đảm-đương cho thời. Huống chi trong Hội thiếu chỉ bậc tài mẫn, lại chẳng có người nghĩ qua mà dự định cả rồi ư?

Nói đến đây không thể không nhắc qua rằng ngày nay ai đi qua đền vua Lê (Hà-nội) lại không nom thấy cột

dòng-trúi tường xây của Hội mới tu-bồ sửa-sang lại đó rư ! Vậy thì chắc thè nào Hội cũng không từ những công-việc của nghĩa-vụ hàng thương - lưu trong nước bao giờ !

Nhưng ừ, ví dụ Hội đứng chủ-trương, thế lầy tiền đâu mà làm, hay dám mong ở công-quĩ của Hội? Không, dẫu Hội sẵn cũng không nên, vì xây tượng hai Bà là của chung của cả quốc-dân, mỗi người nên góp một tí. Vậy thì trông ở sự lạc-quyên. Về những việc này tôi dám quyết sẽ có kết-quả rất to, vì cứ xem ngay như một cuộc lạc-quyên để giúp các gia-chủ bị hỏa-tai ở Chợ-Đuôi mà các báo đã đăng, thi dù suy tính ra. Người minh lại sẵn lòng công-dức, giàu bụng công-tâm, kẻ hăng-tâm, người hăng-sản, chắc sẽ vui lòng mà hoan-nghênh.

Vậy thi môn tiền đề dùng chắc sẽ có. Còn đến như đúc tượng thì theo kiều ở đâu? Trong nước ngày nay chắc không thiếu gì các nhà danh-họa, vậy nên mở cuộc thi vẽ kiều. Kiều vẽ thế nào cho hợp cách, cho có nghĩa-lý, lại phải có ngũ những ý-tưởng sâu-xa, những tinh-thần tò-quốc. Vẽ xong sẽ nhờ các nhà danh-họa tây-nam lập hội-đồng chấm và sẽ phát thưởng. Phần thưởng sẽ tùy theo lúc đó có nhiều tiền hay ít mà ban. Dưới chân tượng, trước mặt cột trụ lại nên dựng một tấm bia biên-ký công-dức hai bà. Về vấn-dề đúc nên tượng chắc là thành, chỉ nhờ các

nha hăng-làm hăng-sản cùng là hội Khai-Tri-Tiến-Đức nữa thôi.

Nay ta bàn đến chỗ xây. Tượng đó, theo như trên kia đã nói, rất có ảnh-hưởng cho quốc-dân, vậy phải tìm chỗ nào đất đẹp, nhiều người di lại, ở trong Hà-thành ta mà dựng. Chung quanh lại phải có vườn hoa, có cây to bóng mát, có ghế ngồi chơi, có ống phun nước, vân vân... Ta có thể làm cho đẹp-de mắt-mé như những công-viên của người quý-quốc, vừa là chỗ cho trẻ con chơi. Về việc này khi nào nên dựng thi Hội sẽ đặt hội-đồng đi tìm đất và sửa sang. Chắc Chánh-phủ cũng chẳng hẹp gì mà không cho. Công-việc xong, Hội sẽ tuần-tự mà sửa sang đến chùa hai bà xưa nay vẫn riêng của xã Đồng-nhân coi sóc.

Vấn-dề này mà thực-hành được chắc chẳng bao lâu khắp các đế-đô sẽ có các tượng vua Đinh Tiên-hoàng Lê Thái-tồ, Lê Thánh-tôn, Lý Thường Kiệt, đức Cao-hoàng Gia-long, ông Võ Tinh, vân vân...

Dám ước mong rằng mấy lời bàn này, sẽ đến tai các hội-viên hộ Khai-Tri-Tiến-Đức và sẽ có một ngày kia... mang ra bàn luân ở Hội-quán thì chẳng mấy lúc ta sẽ được tho-thần gióng chơi trong công-viên, nguy-nga trước mắt pho tượng hai vị đại-nữ-anh-hùng của nước Việt! Mong thay! Ước thay! Cầu-nguyện thay!

Kim-thanh TRẦN TẤN THỌ

### Cách-ngôn

— Con người ta nếu muốn nghe sự lỗi của mình, chỉ nên sự gì cũng nhận lấy lỗi, dù thực dù hư, chứ nên so kè; thế thì sự lớn sự nhỏ, sự gì người ta cũng vui lòng bảo mình mà không giấu mình nữa; nếu sự gì cũng nhất-thiết cái-cợ với người, tách bạch ra rằng ta phải ta trái, thế thì sao hợp với cái ý tốt: « nghe lỗi thì mừng » của thánh-hiền khi xưa.

— Cái người bầy-tố được sự lỗi của ta, là thay ta đáy; cái người khen chê được lời nói của ta, là dạy ta đáy; thật là không nên đương mặt cái-cợ, mà lại sinh ra giận dữ.

— Phàm làm người nghĩ ra được một lè-gì, thì phải xét đi xét lại cho kỹ-càng, lè-ấy là phải bay là trái, là khôn hay là dại; hẳn lè-ấy là phải là khôn thì làm ngay đi, chứ có dập-dù; hẳn lè-ấy là trái là dại, thì chừa ngay đi, chứ có ngần-ngại; cho mới biết có tư-tưởng đấy, nhưng mà phải có thực-hành mới được.

## T H O I - Đ A M

**Việc bầu-cử Hội đồng quản-hạt Nam-kỳ.** — Hội đồng quản-hạt Nam-kỳ năm nay mới theo nghị định mới tăng số hội-viên An-Nam từ 6 lên mười. Ngày 15 Octobre vừa rồi đã khởi-hành việc tuyển-cử hội đồng mới. Những ông ra ứng-cử chuyến này toàn là những người thuộc về đảng tân-tiến trong Lục-châu. Trong số có ba ông trúng-tuyển được số vé nhiều hơn cả, ba ông này ngoài Bắc là chắc đã biết tiếng cả, là ông Nguyễn Phan - Long chủ - bút báo *Echo Annamite* (Việt-Nam Hướng-truyền), người tây-học thâm-thúy lâm, viết báo bằng Pháp-văn mà người Pháp bên này cùng bên qui-quốc đều phải phục cả; ông Trương Văn - Bền là một nhà công-nghệ to ở Chợ-lớn, có mấy cái nhà máy làm gạo và làm dầu, có người cho là ông Bạch Thái - Bưởi ở Nam-kỳ; ông Lê Quang - Trịnh Y - khoa - tiễn - sĩ, đã đi lùng-chinh bên qui-quốc về được các thứ bội-tinh, năm trước lai từng làm hội-trưởng Hội Ái-hữu những người Việt-Nam ở Paris. Còn bảy ông nữa cũng đều là những người tinh-giá cả. Coi đó thời biết rằng các ông nghị-viên Nam-kỳ kỳ này được nhiều người xứng-dáng và toàn là những tay học-thức cả.

Nghe dâu Chính-phủ sửa lại và tăng thêm hội-viên Hội đồng quản-hạt lần này là đề dự-bị sẽ tổ-chức một tòa Thượng Hội-nghị cho cả Indochine, tòa Thượng Hội-nghị này tức là Hội đồng Chính-phủ bây giờ mở rộng ra và chính-dốn lại, sẽ có quyền-chức to và sẽ gồm cả đại-hiệu của Hội đồng quản-hạt Nam-kỳ và các Tư-vấn-nghị-bội Bắc-kỳ, Trung-kỳ. Cao-miên cử ra, khác nào như một cái Thượng-nghị-viện của toàn cõi Indochine vậy. Nay Hội đồng quản-hạt Nam-kỳ đã có người xứng-dáng, có thể cử ra Thượng-Hội-nghị ngồi cùng với các đại-hiệu qui-quan không đến nỗi thận; còn Hội Tư-vấn Bắc-kỳ ta sang năm này cũng sẽ bầu lại, không biết có chọn được người xứng-dáng như các ông nghị trong Lục-tỉnh không. Thiếu-tướng dịp này cũng là một dịp hay cho các ngài học-thức tân-tiến ở Bắc-kỳ nêu ra mà giúp việc cho bản-xứ.

Thuộc về việc bầu ứ các ông nghị-viên Hội đồng quản-hạt Nam-kỳ mới rồi, báo *Courrier Saigonais* có một bài bình-luận đúng sự-tình lâm, lược dịch như sau này:

« Hội đồng quản-hạt mới, thuộc về phần An-Nam, theo tân nghị vừa được tăng số hội-viên, vừa được rộng số người bỏ vé. Vây kỵ bảo-cử này có quan-hệ hơn các kỵ bảo-cử trước, không những quan-hệ cho hiện-thời mà quan-hệ cho tương-lai nữa.

« Nay xét cái ý-nghĩa vụ bảo-cử này thế nào.

« Trước nhất hẵng nhận được một điều: là số người đi bỏ vé đông lâm. Sánh với phần người Pháp thì số người không đến bỏ vé phần An-nam ít lâm....

« Lại nhân một điều nữa, là ngay lần đầu phiếu thứ nhất, những người thuộc về đảng tân-tiến là những người được nhiều vé nhất. Tiếc cho đảng của báo *Tribune indigène* (là đảng cấp-tiến nhất) không ra ứng-cử, chờ nếu có ra thì chắc cũng được số vé n hiều.

« Vụ bầu-cử này đủ chứng rằng bao nhiêu những bọn vâng-vâng dạ-dạ vẫn chẽm-chẽ ngôi chiểu nghị-viên mấy khóa trước, chuyến này phải cáo-thoái hết.

« Lại những bọn phầm-hàm cao, mèn-day nhiều, mềm lung dẽ lay, khéo oinh khéo luộn, chuyến này cũng không dắt nữa, dù biết rằng người An-Nam đối với những cái hư-vinh vì những cách dê-tiện mà mua chuộc được, bây giờ không lấy làm qui như xưa nữa. May ông mới được bầu kỵ này cũng phải lấy đó làm một bài học, sau này hoặc có cái ác-ma nào nó cảm-dỗ, cũng chờ có bán rẻ cái quyền ăn nói ở chốn Hội đồng lấy một cái giẻ đỗ, hay một cái bài ngà deo ngực.

« Nói tóm lại thì vụ bầu-cử Hội đồng quản-hạt kỳ này khuynh-hướng hẳn về bên tả (*la gauche*), nghĩa là về cái phương-diện tự-do tiến-bộ »

**Cái nghĩa-vụ của Thượng-lưu.** — vụ bầu-cử ở Nam-kỳ mới rồi thi biết rằng trong Lục-tỉnh đã nhóm có một hạng người có thể gọi là người thương-lưu quyết ra gánh

vàc vệc công trong nước. Phận-sự trách-nhiệm của hạng thương-lưu ấy thế nào? Ông de POUJOUVILLE là một nhà làm báo có tiếng bênh Pháp, trong báo *Dépêche Coloniale*, có một bài, nhân khen các ông làm báo người Việt-Nam ở Nam-kỳ, mà báu rông về nghĩa-vụ thương-lưu ở một nước như nước Nam phải thế nào; bài ấy ý-kiểu hay, trích-dịch sau đây để công đồng-lãm:

\* Một dân-tộc đương tiến-bộ, đương cải-hoa, hay là đương khôi-phục — tuy cái cảnh, ngộ riêng đó, — nghĩa là đương tăng-thêm-thể-lực và mở rộng tinh-thần, tỉ như dân-tộc Việt-Nam đối với cái văn-minh học-thuật mới, thời có thể ví như một cái công-xưởng lớn, trong đó kè từ ông Quản-ly, ông Ký-sư, thày đốc-công cho đến các hàng-thợ, hết thảy ai ai cũng có chuyên-việc, người việc lứa kè việc nho, vui lòng mà làm, vì việc gì cũng là cần hết cả.

\* Các bạn Việt-Nam ta lấy cái lẽ đó, và lại lấy cớ rằng giống Việt-Nam cõi-lai vẫn là một giống có tư-cách tốt, trông thấy nước Nhật-bản kia cũng là một cõi-quốc như mình mà sao duy-tân cải-cách mau như thế, không thể không lấy làm lạ. Thấy nước Nhật kia, tự minh bước lên, không ai chỉ bảo, mà tiến-hoa mau được như thế, lại quay lại sánh với nước minh, có một cường-quốc là nước Pháp đưa đường chỉ lối hồn-hoi, mà bước tới không mau bằng người, không khỏi có ý kính-dì cho người, mà qui-sỉ cho mình.

\* Nhận suy người xét minh, so-sánh hai bên, mà người Việt-Nam phát ra một cái quan-niệm rất chánh-dáng về nghĩa-vụ kè thương-lưu trong một nước. Cái quan-niệm ấy đại-khai như thế này: « Muốn gây thành ra một hạng thương-lưu có đủ tư-cách làm hướng-dạo cho quốc-dân minh thời cái phầm tốt (*la qualité*), tuy qui đã có-nhiên rồi, nhưng cái lượng nhiều (*la quantité*) lại trọng và cần hơn nữa. » — Mới nói thế ai nghe cũng phải lấy làm trái tai, tựa-hờ như có ý phi-báng kè thương-lưu, nhưng mà nghĩ kỹ ra mới biết rằng lời nói phải.

\* Muốn gây thành ra một hạng thương-lưu, nghĩa là họp những người có tư-cách hơn-hất trong một dân-một nước làm một bọn-tười gọi là thương-lưu, thời phải nên phân-t-cho biết rõ ràng dân ấy nước ấy là một-một nước đã-tới cõi văn-minh rồi và

hạng thương-lưu là cái hoa thơm ngọc báu để trang-sức cho văn-vẻ thêm, hay là dân ấy nước ấy còn đang буди tiến-hoa và hạng thương-lưu phải ra công gâng sức để đưa đường chỉ lối cho kè đồng-chủng minh.

\* Một nước đã đến cực-diểm văn-minh, cùng đường tiến-hoa, có thể dừng dừng lại cũng vê-vang rồi, thời hạng thương-lưu trong nước là gồm những bậc đại-bác-học, đại-văn-hao, đại-tư-tưởng, đại-đạo-đức, hạng người ấy cao-tot quá, sánh với kè đồng-chủng minh như một vực mặt trời, kè đồng-chủng cũng không dám mong theo kịp tới, chỉ dừng xa mà cảnh-ngưỡng để hưởng cái dư-vinh; hạng thương-lưu ấy số ít thôi, tức là cái nền quốc-hoa trong một nước, tiếng lừng bốn-bè, tên rạng hoán-cầu, làm cho thiên-hạ phải kính mà phải sợ, nghĩa-vụ chỉ có thể mà thôi.

\* Nhưng mà một nước chưa được hoàn-toàn vận-mệnh, thời cái chúc-trách kè thương-lưu là phải thân-hành đưa đất chi bảo cho quốc-dân minh. Hạng thương-lưu ấy phải cho nhiều người, và trong đoàn-thề nào cũng phải có đề làm nẫu-mục cho người dưới; tuy có cao-hor kè bình-dân, nhưng cũng không được siêu-việt quá, phải thế n-cho kè dưới trông thấy tự nghĩ trong bụng.

\* Người này tài-hor minh-thật, giỏi-hor minh-thật, minh phải vâng theo người ta; nhưng mà người ta xuất-thân chẳng qua cũng như minh, nếu minh chịu khó thời minh cũn có thể như người ta được. » Kè thương-lưu này lại phải hành-động ra nhiều phương-diện, và làm việc gì phải cho rõ mục-dịch, thành-kết-quả, cho kè dưới trông đầy mà làm gương, có thể noi theo được.

\* Ấy nước Nhật-bản như thế đó. Nước Nhật-bản ban-bổ cái học mới, dạy-dỗ người trong nước thế nào cho gây lấy một hàng thương-lưu thật nhiều, dù tư-cách làm được việc, nhưng không có siêu-bat lối-lạc gì, nên không cách xa với người dân lắm.

\* Nước Việt-Nam cũng phải nên như thế. Hiện nay cũng có nhiều người Việt-Nam hồn-ho theo học mới, học cũng thành-công, nhưng thành-công rồi chỉ mỗi người mưu việc-tư-lợi mà thôi, không ai nghĩ đến sự hiệp-lực nhau lại mà gây thành một bọn thương-

lưu đê hướng-dạo cho kẻ đàn em trong nước. Bây giờ kẻ ra cũng được vài ba ông tiến-sĩ, giảm bớt ông cù-nhân, ít nhiều ông kỵ-sư cùng ông quan tòa, đều là những người đã học qua bậc cao-đẳng bên Pháp cả; nhưng cũng vì học cao quá như thế mà trong khi giao-tế lại có ý gần-gui với người Tây hơn là người đồng-chủng mình, thành ra không có ảnh-hưởng gì trong quốc-dân cả, đối với kẻ binh-dân khác nào như ngọn đèn sáng quá làm cho người ta quáng mắt mà không soi đường được cho người ta.

« Vậy thời ông nghè ông cử hằng xin in-it chử, mà học lấy cho nhiều ông tú; ít người làm thầy mà nhiều người làm bạn; số thương-lưu phải cho nhiều và phải gần dân mới đủ đưa dân được. Ấy cái chí của người Việt-Nam như thế. Đại-Pháp đã hứa cho người ta hễ tiến-hóa được tới đâu sẽ cho quyền-lợi tới đó. Nay người ta định tiến-hóa như thế đó.

« Nào ta là người bảo-hộ, ta định xử-tri cho người ta thế nào? »

Quan-lại ái-hữu hội. — Ngày chủ-nhật 29 October vừa rồi hồi 8 giờ sáng, hội quan-lại ái-hữu đã họp kỳ đại hội đồng, lần thứ nhất tại nhà hội Khai-trí tiến-đức đê báu của hội đồng quản-trị nhất-dịnh và quyết-định các khoản điều-lệ đê thi-hành mục-dịch Hội. Quan-lại các tỉnh về dự hội khá đông ước chừng đến hai trăm ông. Khi khai hội đồng quan tam-thời hội-trưởng Nam-định Tông-đốc Phạm Văn Thủ có đọc một bài diễn-văn lời lẽ hùng-hồn, tỏ ý khích-khuyến các quan-lại nên bảo-toàn lấy danh-dự, đê cho tránh khỏi những lời dư-luận chê-bai; nhất là đoạn ngài kề cái túc-tệ trong quan-trưởng xưa nay chỉ vì cái thói tham-ô mà làm tiêu mất cái lòng liêm-sỉ, lời nói rất là cảm-kịch, những lời ấy nếu là dư-luận của người ngoài vòng quan-trưởng mà nói ra, thì hẳn cũng có người cho là dụng-ý thiên mà chỉ-trich. Nhưng nay lại chính là một vị đại-biều quan-trưởng tuyên đọc ra một bài văn sám-hối ấy thời lại càng tố cái túc-tệ trong quan-trưởng xưa nay tả ra như vč. Tiếc thay hai ba mươi năm trước giá được ngài khích-khuyến sớm cho như thế, thời hồn liêm-sỉ trong quan-trưởng sao đến nỗi thoái-thảp như ngày nay. Song cũng may thay mà nay còn được lời ngài khuyến-khích, thời cái hồn liêm-sỉ họa may ra còn chiêu-tinh lại được ít nhiều chăng, thực là hạnh-phúc cho quốc-dân ta lắm. Nay xin lục dăng nguyên-cảo bài diễn-văn như sau này:

*Bài diễn-văn của quan tam-thời Hồi-trưởng Hội Quan-lại ái-hữu Phạm Văn Thủ*

Thưa các ngài.

Hội chúng ta sáng-lập mới hai tháng nay chẳng qua tổ chút tình đoàn-thê thân-ai với nhau, qui-ich lắn nhau, nào có phải trường học Pháp-chinh đâu, khoa thi thừa-phái đâu, thế mà ai cũng công-niệm cái mục-dịch ái-hữu, hoan-nghênh cái chủ-nghĩa ái-hữu, vào hội đã đồng vui thế này, dù biết ở trên thế-giới, đạo-đức vẫn có vẻ cường-quyền, rủi gặp cuộc công-lợi cạnh-tranh, phong-trào xô đẩy mặc lòng, mà hồn liêm-sỉ dám quan-lại ta đổi với tò-quốc hơn bốn nghìn năm đức nên một khối linh thiêng, gọi đến lúc nào tinh ngay lúc ấy.

Đã gọi là Hội-viên trong hội, đã gọi là hội-viên trong hội Quan-lại ái-hữu, kè-trật-tự thì có tôn ty sai-dẳng mà đổi cảm-tinh thì thành cốt-nhục chí-thân, nước ta trước kia, trong phái quan-lại tinh-nghi hãy còn đơn sơ, cùng làm với nhau một tinh thì gọi là bạn đồng-liệu đồng-thành, chẳng qua mới kết hợp một cái dây tiêu-doàn-thê, từ khi sóng nhân-đạo tràn khắp thế-giới, đảng nào phái ấy, công-thương còn có hội công-thương, thì quan-lại phải có hội quan-lại, cũng là góp ngòi thành bè, góp cây nên rừng. Hội ta đây trải qua bời ngôn-luận dã lâu, nay đến buồm thực-hành, đáng cho là muộn rồi, nhưng mộng dám lâu thời nở chóng, hoa khai chậm thời lại thơm, phảng-phất bên ngọn cờ Khai-trí-tiến-đức, gây nên một cái đảng sùng-báu danh-dự, kính trọng nghĩa-vụ đê bảo-thủ lấy quyền-lợi, thực thích-hop một cái cơ-hội rất tốt; tôi xin cảm-tạ quan Thống sứ Monguillot, quan nguyên Khâm-sứ Tissot đã giúp cho Hội chóng thành-lập và xin cảm ơn các quan Hội đồng lâm-thời tri-sự, nhất là quan Thiếu Hoàng, quan Thượng Lê, quan Đô-thống Đỗ có công-đức với Hội nhiều.

Tạo-hoa sinh ra co nước thì có dân, có dân phải có quan-lại, khắp hoàn-cầu không cứ là đế-quốc và vương-quốc hay hẫu-quốc, quan-lại giỏi thời nước cường-thịnh, quan-lại dở thi nước suy hèn, muốn xét vận-mệnh trong nước thịnh suy

thế nào, thực đúng như cái hàn-thủ-xích. Kè ra vạn-quốc chinh-thề có khác nhau, nhưng trách-nhiệm đều trông vào quan-lại, chinh-thề cộng-hòa chủ-quyền ở dân, nhưng quan-lại tức là thương-ughi-viện; chinh-thề nước lập-biến quân-dân cộng-chủ thì quan-lại đứng ở giữa mà san gánh chủ-quyền: chinh-thề quân-chủ như nước ta thì trên thay mặt vua, dưới cai-trị dân, quan-lại thực đàm-nhiệm một thứ quyền đặc-biệt, phận-sự quan-lại nước ta, trước kia chỉ làm trọng bốn chữ « Tri chủ trách dân » là đủ, nay, đâu là trọng đối với Triều-dinh, ngoài đối với chinh-phủ Bảo-hộ sao cho đặc-the, vậy thì nghĩa-vụ của quan-lại nước ta có lẽ nặng hơn quan-lại các nước, mà danh-dự quan-lại ngày nay có lẽ khó bảo-trọng hơn quan-lại ngày xưa.

Quan-lại đối với dân có hai thứ huy-hiệu rất chinh-đáng: một là « dân chi phụ-mẫu », đã lấy mình làm phụ-mẫu thì phải coi dân như con, nuôi con dạy con, gây dựng cho con, máu chảy ruồi bâu, tay dứt ruột xót, con cái sung-sướng thời ta sung-sướng, con cái đau thời ta đau; một là « dân chi công-bộc », đã nhận là công-bộc thì phải coi dân như chủ nhà, thương chủ nhà, yêu chủ nhà, giúp đỡ cho chủ nhà bát cơm chén máu, mảnh áo lắn da, chủ nhà vui thì ta vui, chủ nhà tệ thì ta tệ, cảm-tình đối với dân càng mật-thiết bao nhiêu thì danh-dự và nghĩa-vụ của quan-lại càng cao-trọng bấy nhiêu, phạm-vi danh-dự nghĩa-vụ kè rất bao-la, tóm lại chỉ trong ba đức tính: thanh, thận, cẩn, giữ sao cho viên-mẫn; cẩn - thận cẩn - mẫn, còn thuộc về phần nghĩa-vụ bắt buộc ta phải thực-hành, duy đức thanh-liêm là đặc-tính của trời phú cho, trong như nước sáng như gương, mực không thể bôi đen mà vàng không thể bôi nhọ, người có đức thanh-liêm cũng như đồng-hồ có dây bồn, dây bồn vững thời suy ra các bộ máy, nào là cẩn-thận nào là cẩn-mẫn, hết thảy đều linh-dộng mà hoàn-toàn.

Hồn quan-lại ta ở đâu? liêm-sỉ còn thời hồn còn, liêm-sỉ tiêu thời hồn tiêu, nay thử hỏi hồn liêm-sỉ thế nào? mắt chưa đến nỗi mắt, nhưng còn cũng hơi gọi là còn, thoi-thóp ở trong đàm cạnh-tranh kịch-liệt này; kíp bảo nhau thiết-lập dân-tràng, kéo cờ phan chiêu, lấy hồn thời hồn còn, nếu khảng-lặng mỗi người một bụng như chuyện lầm sái không ai đóng cửa chùa

thì hồn sẽ có ngày tiêu-diệt. Hồn liêm-sỉ mà đến nỗi tiêu-diệt, thì quan-trường chẳng ra sòng cờ bạc cũng ra chợ bán buôn, còn kè gì để danh dự, còn nghĩ gì đến nghĩa-vụ, khéo vơ-vết cho là giỏi, lòn bùi bé mềm, thao thò-phụng cho là tài, ra luồn vào cùi. Thậm-chi rán sành ra mỡ, đèn trời thấp suốt ngày đêm, chặt cây tra cành, ngồi bút sắc hơn giáo mác, mặc chuyện tuần-lươn, mặc bia đức-chinh, qui-hồ hút lấy máu-mủ đè béo lấy thân-gia, làm cho dân mất hết cả cái cảm-tình, quan xa nha gần, gày nên tiếng oán, quan hai lai một, đè làm trò cười; rất nỗi kẻ cướp đêm kẻ cướp ngày, thù quan-lại ra mặt, mẹ chồng sau mẹ chồng trước, rủa quan-lại luôn mõm, sắp xuất hiện một cái hiềm-tương rất ghê trong giới-hạn quan-dân lẽ-cách.

Đội ơn đức Kim - thương tuyên - dụ khuyên liêm, và cảm ơn quan Toàn-quyền Beau trước đã hạ - lệnh cảm lay, toàn là cách chiêu-bồn liêm-sỉ về phần tình-thần. Hiện đây Chinh-phủ thực-hành nghị-dịnh tăng lương, lại là cách chiêu-hồn liêm-sỉ về đường vật-chất.

Ngàn nỗi! móng-mench bèle hoạn, bờ đậu khô tim; nghi-ngút hơi dòng, máu tham dě bén; chắc đầu bồn liêm-sỉ đã tĩnh hết chưa. Lạ thay! trước kia nguyệt-bồng bối quá hộc gạo quan tiền, thế mà sao trong triều ngoài quận, phần nhiều quan-lại thanh-liêm, cũng bởi tấm lòng qui đạo-đức mà rẻ danh-lợi. Truyền lịch-dai danh-thần kè dây không xiết hết, đơn-cử như ông Trần Thời-Hiện không nhận việc xin riêng mà thò hết những đồ cổ biếu; ông Trần Định-Phong đêm thiêt-án đẽ gói tàn gio lụa, lạy trời lạy mẹ thiê không lấy lẽ dân. Các ngài đem hết tinh-thành đối với thiên-dịa qui-thần, đáng đẽ làm gương cho quan-lại. Ông Mạnh-đức-tư-cưu có nói: « Văn-minh Đông-Á trọng bèle vinh-sủng », này như sinh-phong tặng-phong, tập-tước tập ầm, rõ thực một người làm quan cả họ được nhờ. Nước ta là một nước văn-minh mà dân ta là một dân kinh quan-lại, giang-sơn phong-vật nay vẫn như xưa, lẽ đâu hồn luân-lý đã tiêu-tán hết; thử gắp xem, khi lẽ phồn-hoàng tuyên cáo-sắc còn không cầm đậu nước mắt, thì cái hồn luân-lý chưa khi nào đã tiêu-tán đâu, biết đoàn-thề cùng nhau, minh-tự thương lấy nhau, sẽ mong người ta thương, minh-tự trọng lấy mình sẽ

mong người ta trọng.

Chúng ta thử xem người ta đánh thăng-quan chẳng qua là quan-lại trò chơi, thế mà cũng muốn toàn-sắc xuyễn-hoa, hay là đức, tài, công, bất-dâc-dĩ thời lương, chờ do và tang thời người có liêm-sỉ ai cũng phải động lòng tia tai dỗ mặt. Quan-lại trò chơi còn thấy do và tang như đồ thuốc ghét, huống chi ở vào địa-vị quan-lại thực, há không kinh danh-dự trọng nghĩa-vụ, cam chịu những do và tang hay sao ?

Hội chúng ta dù hồi-hưu dù tại-chức, lớn làm quan nhỏ làm lại, đều có một phần trách-nhiệm, trên vì nước dưới vì dân, muốn toàn cái danh-dự, thời phải hết cái nghĩa-vụ, sẽ mong được hưởng cái quyền-lợi ; đã gọi là ái-hữu thời ta nên tương-qui tương-ích nhau, tự mình cảnh-giới lấy minh rủa cho sạch những tiếng uế thanh-ô của các nhà dư-luận. Ấy là đạt cái mục-dịch quan-lại ái-hữu, chờ không cứ là nay mới tiệc, mai gửi thiếp, chỉ yêu nhau một cách biếu-diện mà thôi đâu.

**Giới-thiệu sách-mới.** — Nước nào có văn-chương riêng nước ấy, lời ca-vo ngạn-ngữ trong một nước tức là cái nền phôi-thai ra văn-chương của dân-tộc nước ấy từ lúc mới phát-sinh. Thâm-Uớc có câu rằng: « Ca vịnh sờ-bưng, tự sinh-dân thủy ». Xem đó thì biết ca-đao ngạn-ngữ chính là quốc-hồn quốc-túy riêng của một dân-tộc, không biết tích-lũy trải qua dã mấy mươi đời.

Nước Nam ta kể thời-đại thì trải từ Hồng-bàng đến nay đã hơn bốn nghìn năm ; kể khu-vực thì thống-nhất cả tam-kỳ từ Nam chí Bắc, phàm những lời cù-ca lái-ngữ, vắng-vắng thường nghe rải-rắc ở các chốn hương-thôn ; những câu tục-ngạn phuơng-ngôn, lác-dáu thường thấy truyền-tụng ở những người phụ-lão ; hoặc phát-sinh ra từ xứ nọ, hoặc khởi-xướng ra từ đời nào, không biết bao nhiêu mà kể, không biết thu-nhặt sao cho cùng được. Vậy nay muốn sưu-tập lại để làm tài-liệu cho quốc-văn, và làm diền-cố để khảo-cứ mà biên-lập ra một quyển quốc-văn

tự-diễn ; cái công sưu-tập ấy không phải một người mà đã tìm cho hết được.

Gần đây đã nhiều người nhiệt-thanh về quốc-văn, ở Bắc-kỳ đã có người sưu-tập mà in ra quyển « Ngạn-ngữ trich-cầm » và ở báo Nam-Phong cũng đã có lục-dăng ít nhiều. Nay lại tiếp được quyển Ngạn-ngữ sự-loại lược-biên và quyển Ngạn-văn của quan Hinh-bộ Tham-tri Ưng Ân, hiệu Quất-dinh, ở Huế mới xuất-bản. Chia ra có ba mươi tam mục, lựa chọn các câu dài ngắn đối nhau, mục nào rành ra mục ấy, tim xem rất tiện. Xem như câu: « Núi Tròn ni dắp mà cao, sông Danh ai bời ai đào mà sâu ? » thời biết dân xứ ấy vẫn nhớ ơn người trước khi mới khai-thác ra đất Trung-kỳ ; lại xem như câu: « Lạy trời cho chóng gió nam, cho thuyền chúa Nguyễn thẳng buồm chạy ra », thời biết rằng nhân-dân Th Nhận-hoa về hồi Tây-sơn thiết-cử, chỉ mong đức Cao-hoàng sớm ra thu-phục lấy Phú-xuân. Ngài Quất-dinh là người Trung-kỳ, nên chỉ ngại thuật được nhiều phong-dao ngạn-ngữ Trung-kỳ. Nếu cả ba kỳ đều có người sưu-tập như ngài Quất-dinh, người Bắc-kỳ thi sưu-tập được nhiều những câu ở Bắc-kỳ, người Nam-kỳ thi sưu-tập được nhiều những câu ở Nam-kỳ ; cái công sưu-tập ấy dù làm cái quà để phản quốc-túy cho người sau, sẽ nhân đó mà hợp những tài-liệu của các nhà ba kỳ đã sưu-tập lại, mà khảo-cứ những giọng nói khác nhau, cùng những lời ca đồng-diệu, để tìm ra cho đủ tiếng dù giọng tất cả văn-chương ngón-ngữ ba kỳ, thực là giúp cho các nhà biên-tập quốc-văn sau này có thể tập-dai-thanh mà làm ra bộ quốc-văn tự-diễn, và chính là bồi dắp cho nền quốc-văn thêm vững-vàng thêm rộng-rãi mãi ra. Vậy tôi nói đây không những là giới-thiệu đòi quyển Ngạn-ngữ Ngạn-văn của ngài Quất-dinh mới có « ba mươi tam mục bồ vào Phong-thi » mà thôi ; lại mong cả người ba kỳ ta đều nên lưu-lâm sưu-tập như ngài Quất-dinh,

dé bồ thêm vào bộ *Ngạn-ngữ lược-biên*  
mà làm mỏ quâ tốt cho người sau vậy.

ĐÔNG-CHÂU

Bản-quán mới tiếp được cuốn thứ  
nhì sách « Quốc-văn khảo-biên » của  
ông NGUYỄN ỦNG mới xuất-bản. Cuốn  
này biên-tập cũng có công như cuốn  
thứ nhất.

Bản-chí vui lòng giới-thiệu sách  
ông NGUYỄN ỦNG vì sách hay và có ích,  
lại rất là hợp-thời lâm. Vả ông NGUYỄN  
cũng không phải là người lạ cho các  
bạn đọc báo, các ngài chắc còn nhớ  
những bài khảo-cứu của ông đã đăng  
trong báo này.

Sách bán tại nhà tác-giả : Phố hàng  
Cân, số 38, Hà-nội. Giá cuốn thứ  
nhất : 0 \$. 15; cuốn thứ nhì : 0 \$. 20.

Các cuốn sau sẽ tiếp-tục toàn bộ  
là 10 cuốn.

— Bản-quán tiếp được của nhà in  
TAUPIN mới xuất-bản sô danh-sách các  
quan-lại Bắc-kỳ, kê lý-lịch rõ cả các  
quan-lại, từ hàng tòng-dốc cho đến  
các hàng thừa-phái.

Bản-quán có lời cảm ơn nhà in đã  
gửi tặng.

Mông-xich-tô. — Ai đã đọc quyền  
tiêu-thuyết Mông-xich-tô thứ nhất của  
ông Vũ Công-Nghi mới xuất-bản độ  
trước, thì sẽ biết sự-tích hay là dường  
nào. Nay ông lại mới xuất-bản quyền  
thứ nhì, giá bán cũng 0 \$. 12. Nhận  
ông có tặng một quyền, vây xin vui  
lòng giới-thiệu cùng chư-độc-giả.

### TẬP KÝ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ TIỀN-ĐỨC »

**Giấy xin vào Hội.** — Trong tháng  
Octobre có những ông kê tên sau này  
có giấy xin vào Hội, hạn trong hai  
tháng trong các hội-viên ngài nào có  
điều gì dị-nghị xin viết thư về cho Hội  
biết.

Xin vào chán chủ-trì :

1. — M.M. Trần Như-Bích, Secrétaire dactylographe du service des Voies et Bâtiments Cie Yunnan à A-Mi-Tchéou Chine. (do ông Vũ Đinh-Chung giới-thiệu).
2. — Nguyễn Quốc-Cư, Secrétaire à la Mairie, service Cadastre, 46 rue du Charbon Hà-nội. (do ông Vũ Công-Nghi giới-thiệu).
3. — Vũ Tư-Đường, Commerçant 28 Quai Clémenceau Hà-nội. (do ông Trịnh Văn-Minh giới-thiệu).
4. — Dương Bùi-Giệm, Transporteur de la Maison Sauvage 15 rue des Pavillons noirs Hà-nội, (do ông Trịnh Văn-Minh giới-thiệu).
5. — Phạm Đinh-Giáp dit Giụ-long, Buôn bán, 18 rue de Tiên-tsin, Hà-nội, (do ông Nguyễn Quí-

Toản giới-thiệu).

6. — Nguyễn An-Hòa, Cửu-pham bá-hộ, Commerçant, village Phúc-lâm, canton de Ước-lê, huyện de Thanh-oai Hà-dông. (do ông Ứng Ngọc-Thư giới-thiệu).
7. — Nguyễn Xuân-Hòa, Secrétaire au Thức - nghiệp - dân - báo 56 Bd Amiral Courbet Hà-nội.
8. — Phạm Văn-Học, Etudiant à l'université de Droit, Hà-nội.
9. — Nguyễn Ngọc-Khuê, Secrétaire des Résidences détaché à la Résidence Mairie, 84 rue du Chanvre Hà-uội. (do ông Nguyễn Gia-Huy giới-thiệu).
10. — Nguyễn Văn-Kinh, Etudiant à l'Ecole de Pédagogie, Hà-nội.
11. — Nguyễn Văn-Lan, Direction des Finances, Hà-nội.
12. — Nguyễn Văn-Lan, Secrétaire principal à la Cie du Yunnan, à A-Mi-Tchéou Yunnan. (do ông Vũ Đinh-Chung giới-thiệu).
13. — Dương Văn-Long, giáo - sư trường Nam-sư-phạm, Hà-nội.

14. — Trần Văn-Lợi, Agent Technique de la Cie Yunnan, 4e Section V. B. à Tchê-ts'ouen Yunnan (*do ông Vũ Đinh-Chung giới-thiệu*).  
 15. — Trương Tế-Mỹ, Secrétaire à la Mairie, Service Cadastre, 18 rue du Lac, Hà-nội (*do ông Vũ Công-Nghi giới-thiệu*).  
 16. — Trịnh Văn-Minh, Banque de l'Indochine (V. de Cự-dà Ha-dông).  
 17. — Nguyễn Văn-Minh, Ancien Interprète au service Judiciaire, Comptable à la Banque de l'Indochine, Hải-phòng.  
 18. — Trần Duy-Nhất, Trợ-bút tạp-chí Nam-Phong, xã Tu-cô, tổng Phùng-xá, huyện Ý-yên, tỉnh Nam-dịnh.  
 19. — Nguyễn Mai-Như Trợ-tá phủ Mỹ-dức, Hà-dông.  
 20. — Nguyễn Duy-Ngung, làng Viên-nội, Thượng-thôn, tổng Viên-nội, phủ Ủng-hòa, Hà-dông. (*do ông Nguyễn Như-Tùng giới-thiệu*)  
 21. — Nguyễn Phác, làng Viên-nội Thượng-thôn, tổng Viên-nội, phủ Ủng-hòa, tỉnh Hà-dông (*do ông Nguyễn Như-Tùng giới-thiệu*).  
 22. — Trần Văn-Phúc, Secrétaire des Résidences du Tonkin à Thái-binh, quán ở xã Giu-độ, tổng Tuần-la, huyện Ngọc-sơn, tỉnh Thanh-hóa.  
 23. — Lê Hữu-Phúc, Professeur, Direction de l'Instruction Publique, 78 rue du Coton, Hà-nội.  
 24. — Vũ Quang-Phúc, Thủ-khoán, 48 rue Lamblot, Hà-nội. (*do ông Nguyễn Văn-Luận giới-thiệu*).  
 25. — Triệu Văn-Phủ, Etudiant et lauréat de l'examen de Lai-khoa à Tuyên-quang en 1928, ở Luốc-thị, tổng Vĩnh-gia, châu Chiêm-hoa, tỉnh Tuyên-quang.  
 26. — Nguyễn Văn-Tích, 22 tuổi, học trò, ở làng Vĩnh-chung, tổng Vĩnh-ninh, huyện Thanh-trì Hà-dông.  
 27. — Lê Huy-Tuyên, buôn bán, 99 phố hàng Gai Hà-nội. (*do ông Nguyễn Quí-Toản giới-thiệu*).  
 28. — Vũ Văn-Thấu, Commerçant, 61 rue des Paniers, Hà-nội. (*do ông Trương Minh-Sanh giới-thiệu*).  
 29. — Trần Thoại-Trân, Etudiant en Médecine, Hà-nội.  
 30. — Trần Văn-Trạc, Thu-ký Hương-hội, làng Viên-nội Trung-thôn, tổng Viên-nội, phủ Ủng-hòa, Hà-dông.  
 31. — Nguyễn Quang-Trang, Infirmier, chef à l'Hôpital de la Cie du Yunnan, à A-mi-tchéou Yunnan, (*do ông Vũ Đinh-Chung giới-thiệu*)  
 32. — Nguyễn Đinh-Tường, Commis des Travaux Publics (Cb. de fer du Nord) 43 rue Jules Ferry, Ha-noi.  
 33. — Nghiêm Vinh, Buôn bán, 13 phố hàng Bóng, Hà-nội. (*do ông Nguyễn Văn-Giáp giới-thiệu*).  
 34. — Vũ Văn-Đinh, Comptable à la Banque de l'Indochine.  
 35. — Nguyễn Phúc-Huân, Lý-trưởng làng La-phù, tổng Yên-lũng, phủ Hoài-dức, Hà-dông.  
 36. — Đào Trọng-Đủ, professeur à l'Ecole Normale d'Instituteurs à Hà-nội.  
 37. — Vũ Văn-Nhạc, commis à la Direction de l'Instruction publique. (Hai ông này, do ông Nguyễn Qui-Toản giới-thiệu).

*Xin vào thường hội-viên :*

Ông Lê Hi-Phụng, Garde n° mle 1575 à Phong-y, Thanh-hóa.

**Hội-viên mới.** — Các ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội, đã đăng ký từ số 61 đến 62. Nay hết hạn hai tháng trong các Hội-viên không có ai di-nghị điều gì, được nhận vào Hội kể từ ngày 1er Octobre 1922.

*A. — Vào chân chủ-tri :*

M.M. Nguyễn Ngọc-Phong. — Hồ-Quang-Kiêm. — Ngô Thế-Phồn dit Tiêu. — Nguyễn Trọng-Khang — Trần Công-Thuyết. — Võ-Đông Chí-Chinh. — Bạch Văn-Ngô. — Nguyễn Hữu-Như. — Trương Đinh-Giáp. — Phạm Xuân-Thịnh — Trần Văn-Ngọc. Nguyễn Thái-Tua. — Ngô Trọng-Chí. — Hoàng Thúc-Hội. — Nguyễn Phan-Rứng — Trần Văn-Thanh. — Nguyễn Văn-Lân

dit Ngo. — Nguyễn Đức-Thắng. — Vũ Văn-Giồng. — Nguyễn Ngọc-Giai, — Nguyễn Văn-Lê. — Nguyễn Văn-Khuông — Trương Văn-Thể. — Dương Văn-Đôi — Cao Đức-Nghĩa. — Phạm Ngọc-Huy. — Trần Văn-Màng. — Nguyễn Giáp. — Hồ Đắc-Điềm. — Nguyễn Bá-Chinh. — Vũ Tam-Phan. — Hà Văn-Hành. — Trương Hoàng-Tĩnh. — Lê Văn-Quế. — Phạm Xuân-Tuyết.

### B. — Vào chán Tân-trợ

M. Trịnh Văn-Kiêm.

**Về công-cuộc Áu-tri-viên.** — Hai tháng trước ông hội-trưởng hội Khai-Tri-Tiến-Đức có gửi giấy xin quan Thống-sứ làm ơn thông-tư cho các quan thủ-hiến các tỉnh về công-cuộc Áu-tri-viên, nay Quan Thống-sứ trả lời như sau này, xin dịch đăng ra đây để các ông hội-viên hội ta đồng-lãm.

Hà-nội ngày 3 tháng mốt tây năm 1922.

Thưa Ngài,

Ngày 18 tháng chín vừa rồi, tôi có tiếp được thư nói với tôi thông-tư công cuộc Áu-tri-viên của qui-hội định tồ-chức cho các quan thủ-hiến các tỉnh. Tôi xin trả lời đề nghị biết rằng tôi vẫn biết mục-dịch công cuộc ấy là chủ-nghĩa bác-ái nên tôi chắc rằng các quan thủ-hiến các tỉnh cũng hiểu như thế, tôi xét ra không cần phải phủ Thống-sứ thông-tư công cuộc ấy, và lại công cuộc ấy nên giữ cái tư-cách là một công cuộc riêng của hội Khai-tri-tiến-đức. Xin ngài đừng ngại rằng các quan cai-trị hoặc không hiểu rõ trước cái mục-dịch công cuộc Áu-tri-viên mà ngăn-trở việc thiết-lập. Nhưng ngoại ra nếu có việc gì ngăn-trở khó khăn thì ngài trình cho tôi biết để tôi kịp giúp ngài mà tránh cho khỏi những sự khó-khăn ấy.

Vậy nếu ngài xét có nên cò-dòng cho công-chung hiểu rõ cái mục-dịch công-cuộc Áu-tri-viên, và cái lý-do phải thiết-lập công cuộc ấy thì tôi đề tùy ý ngài cứ việc mà làm.

Kính thư  
MONGUILLOT.

**Đóng tiền về việc công-quán.** — Hội Khai-tri-tiến-đức đã gửi phiếu Hội-viên và giấy báo thu tiền về việc kinh-phí nhà công-quán cho các ngài Hội-viên ở các nơi, các ngài nếu nhận được giấy và phiếu ấy, thì xin gửi ngay món tiền một đồng bạc về cho ông Thủ-quỹ nhà công-quán là M. Nguyễn Đinh-Cường dit Thành, Commissaire à la Compagnie des Chemins de fer de Yunnan et de l'Indochine. Hà-nội.

Còn ngài nào chưa nhận được phiếu ấy xin viết thư về cho Thư-ký Hội biết để gửi, vì hoặc đòi chỗ ở, hoặc gửi không đến, hoặc mất, cho nên các ngài không nhận được.

Nếu các ngài gửi tiền ngay cho ông thủ-quỹ nhà Công-quán thì đỡ tốn thời-giờ và phí-lòn tiền giấy gửi đi gửi lại vô-ích.

**Về việc công-quán.** — Hội - đồng quản-lí nhà công-quán (Cercle de l'Afima). Hội Khai-tri-tiến-đức có lời kinh-cáo đề các ngài biết cho rằng kể từ đầu tháng 10 tây này, M. Nguyễn Văn-Quynh không làm giám-trù nhà Công-quán Hội nữa. Vậy ông ấy không có can-thiệp gì đến việc Công-quán của Hội. Còn ông ấy hoặc lấy giấy-má có hiệu riêng của Hội mà dùng việc tư, thì Hội không chịu trách-nhiệm.

**Cải - chính.** — Trong tập kỷ-yếu in trong Nam-Phong số 62 có đăng lầm tên ông Lê Văn-Tân giáo-học kiêm thư-ký nhà Học-chinh Bắc-kỳ làm Nguyễn Văn-Tân, nay cải-chính lại cho đúng.

M. Nguyễn Hữu-Nguyên secrétaire des Douanes et Régies à Hải-phòng trước xin làm làm tán-trợ hội-viên, nay mới gửi giấy xin đòi lại làm chủ-tri hội-viên.

M. Nguyễn Ngọc-Báu, commerçant à Cauke (Cochinchine) gửi giấy xin vào chán thường hội-viên, biên làm làm chủ-tri hội-viên, nay cải lại cho đúng.



Quan Quyền Toàn-quyền Baudoin

Đầu năm nay, hối quan Toàn-quyền Long... Pháp hối thương, quan BAUDOIN, nguyên Khâm-sứ Cao-mie..., lên lèoay. Quan BAUDOIN là một bậc thượng-quan rất lão-luyện, tòng-sự bên Indochine ta đã lâu năm lắm. Ngài thật có cảm-tình với Hội « Khai-trí tiến-dức », nên mới rời ngài có tặng cho Hội một bức chân-dung của ngài để tỏ lòng quyển-cố và để làm kỷ-niệm trước khi về nghỉ bên qui-quốc.